

Robert Slater

Tác giả cuốn *Jack Welch* và phương thức *GE*

Người dịch: TS. NGUYỄN THỌ NHÂN

SOROS

Nhà đầu tư
có uy thế
nhất thế giới

SOROS

The World's Most Influential Investor



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Education

The McGraw-Hill Companies

ROBERT SLATER

SOROS

MHID: 0-07-160844-3

ISBN: 978-0-07-160844-2

Original language published by The McGraw-Hill Companies, Inc.

Copyright © 2009 by Robert Slater. All Rights Reserved. No part of this publication may be reproduced or distributed in any form or by any means, or stored in a data base or retrieval system, without the prior written permission of the publisher.

Vietnamese translation edition jointly published by McGraw-Hill Education Asia and Ho Chi Minh City General Publishing House.

ISBN: 9780071268042

ROBERT SLATER

SOROS

MHID: 0-07-160844-3

ISBN: 978-0-07-160844-2

McGraw-Hill Companies, Inc. xuất bản sách bản ngữ.

Bản quyền © 2009 thuộc về Robert Slater. Hoàn toàn giữ bản quyền. Không phần nào trong xuất bản phẩm này được phép sao chép hay phát hành dưới bất kỳ hình thức nào hoặc bằng bất kỳ phương tiện nào, hay được lưu giữ trong cơ sở dữ liệu hoặc hệ thống truy cập, mà không có sự cho phép trước bằng văn bản của Nhà xuất bản.

Bản dịch tiếng Việt do McGraw-Hill Education Asia và Nhà xuất bản Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh liên kết xuất bản.

ISBN: 9780071268042

LỜI GIỚI THIỆU

Cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008 đã xuất hiện ở Mỹ với sự phá sản của các ngân hàng nổi tiếng như Bear Stearns và IndyMac Bank vào tháng Ba và tháng Năm. Đến tháng Chín, sự sụp đổ của ngân hàng kỳ cựu Lehman Brothers bắt đầu làm cho người ta lo sợ. Ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng này đã lan tràn ra khắp thế giới và một cuộc khủng hoảng kinh tế trên quy mô toàn cầu đang được hình thành. Ngay cả ở Việt Nam, mặc dù chúng ta không tham gia sâu vào hệ thống tài chính quốc tế nhưng các hệ quả của cuộc khủng hoảng đã nhận thấy trong các ngành kinh tế, nhất là các ngành công nghiệp xuất khẩu. Các chính phủ ở Mỹ, Âu châu, Nhật Bản, Trung Quốc đã đưa ra những gói giải cứu hàng trăm tỷ đôla. Gói giải cứu 700 tỷ đôla của Mỹ đang được phân bổ, không phải chỉ cho các ngân hàng mà còn cho các ngành công nghiệp khác, đặc biệt là khu vực sản xuất ô tô.

Đời sống của người dân trên toàn thế giới bị tác động mạnh và người ta bắt đầu nhớ lại những lời cảnh báo của nhiều nhà tài chính về sự bùng nổ của một cuộc khủng hoảng lớn. Trong số những người lên tiếng cảnh báo có George Soros, người được xem là nhà đầu tư vĩ đại nhất, và cũng là người kiếm được nhiều tiền nhất ở Mỹ trong nhiều thập niên.

Rất kịp thời, Soros đã cho xuất bản cuốn sách mới nhất của ông: *Mô thức Mới cho Thị trường Tài chính. Cuộc khủng hoảng tín dụng năm 2008 và ý nghĩa của nó* (Nhà xuất bản PublicAffairs, 2008). Soros muốn lợi dụng cuộc khủng hoảng

để chứng minh rằng thuyết phản hồi mà ông đã đưa ra từ nhiều năm trước (đặc biệt là trong cuốn sách *Giả kim thuật Tài chính*, Nhà xuất bản Simon & Schuster, 1988) có thể xem là cơ sở để giải thích cuộc khủng hoảng hiện nay.

Tuy nhiên, cũng như trong các sách trước, cách giải thích của Soros còn quá phức tạp, và chính ông cũng không tin là người ta mua sách để tìm hiểu về các lý thuyết triết học do ông đưa ra mà chỉ cốt tìm ra các bí quyết của ông để đầu tư kiếm tiền hay để thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng.

Vì tiếng tăm của Soros trong giới tài chính quá lớn và vì những thành công của ông trong các thập niên qua quá ấn tượng nên người ta háo hức tìm đọc các sách của ông, nhất là khi lời tiên đoán của ông về một cuộc Đại Khủng hoảng mới đang trở thành hiện thực. Cuốn *Mô thức Mới cho Thị trường Tài chính* đã trở thành một trong những tác phẩm bán chạy nhất, được xếp hạng thứ 15 ở New York và thứ 5 ở London. Người ta cũng muốn biết bằng cách nào mà thuyết phản hồi của Soros đã giúp ông trong đầu tư và theo lời ông, đã đưa ông đến những thành công vang dội. Soros rất muốn chứng minh được điều này trong các sách của ông. Tuy nhiên, theo nhiều giới, ông đã thành công vì có những đức tính khác trong kinh doanh mà ít người có được như lòng kiên nhẫn, tính chịu đựng rủi ro cùng như khả năng phân tích thị trường tài chính và có thể là sự liêu lĩnh, dám đặt hết tài sản của mình vào một canh bạc nếu ông thấy chắc ăn.

Thật ra, qua thuyết phản hồi, Soros mong muốn được người ta kính nể, xem ông là một triết gia nên ông đã gắn liền triết lý của mình vào các thành công trong lĩnh vực tài chính. Ngay những người như Arthur Lerner, một chuyên gia về đầu tư đã được đọc về thuyết phản hồi ấy năm 1969, khi Soros mới cho ra quyển sách đầu tiên nói về nó (*Giả kim thuật Tài chính*) và nhờ ông đọc cho năm chương, mà cũng phải thốt lên: "Tôi chẳng hiểu một chữ nào cả." Hai

mười lăm năm sau, Lerner vẫn phải thú nhận: "Đến ngày hôm nay tôi vẫn còn có vấn đề với từ này (phản hồi). Tôi chẳng hiểu là ông ta muốn nói gì." Còn Robert Soros, con trai của nhà đầu tư vĩ đại, cũng không tin lắm vào thuyết phản hồi của cha mình. Trong một bài phỏng vấn với báo *New York Times*, Robert nói: "Cha tôi hành nghề không phải dựa vào các lý thuyết to tát như thuyết phản hồi, mà dựa vào bệnh đau lưng của ông."

Theo thuyết phản hồi của Soros, một lý luận chịu nhiều ảnh hưởng của triết gia Karl Popper, các định kiến của những người tham gia thị trường có thể làm thay đổi các yếu tố cơ bản của nền kinh tế. Những sự thay đổi ấy xảy ra trong một trạng thái mất cân bằng và các lý thuyết cổ điển của kinh tế học như giả thuyết về một thị trường hiệu quả sẽ không còn áp dụng được.

Một thí dụ được Soros đưa ra là thị trường địa ốc hiện nay để minh chứng cho thuyết phản hồi. Từ năm 1990, nhiều người được các ngân hàng cho vay tiền để mua nhà. Vì có nhiều tiền đổ vào địa ốc cho nên giá cả nhà cửa tăng lên và trên các bảng cân đối tài khoản của các ngân hàng cho vay, số tiền cho vay tăng lên cũng như các thế chấp (giá trị của các ngôi nhà). Thấy có lời, các ngân hàng càng cho vay nhiều hơn và với các điều kiện dễ dàng hơn. Theo thuyết phản hồi của Soros thì đây là sự mất cân bằng, dẫn đến việc vỡ bong bóng địa ốc.

Dù sao thì Soros cũng vui mừng vì các lý thuyết triết học của ông được người ta để ý đến và được đánh giá là nghiêm túc. Soros luôn luôn muốn được người ta xem mình là một triết gia hơn là một nhà đầu tư giàu có. Ông cũng muốn người ta xem các thành công trên thương trường của ông xuất phát từ các tư tưởng triết học của mình.

Các tư tưởng triết học của Soros đã được nẩy mầm từ khi ông còn theo học khoa kinh tế tại Trường Đại học Kinh tế London năm 1949. Tại đây, ông rất khâm phục một triết

gia, giáo sư tại trường, Karl Popper mặc dù Popper không phải là giáo sư hướng dẫn của ông. Sau một thời gian sống khổ cực ở London, làm đủ mọi nghề để kiếm sống, Soros di cư sang Mỹ năm 1956, lúc ấy ông mới 26 tuổi. Là một người gốc Do Thái sinh ra tại Budapest (Hungary), ông đã trải qua những ngày tháng kinh hoàng dưới sự chiếm đóng của nước Đức Quốc Xã mà cuộc diệt chủng người Do Thái là một vết nhơ lớn trong lịch sử nhân loại.

Ở New York, sau khi làm công trong một số hãng đầu tư, Soros thành lập những quỹ đầu tư riêng của mình. Sự khéo léo của Soros là biết vận dụng những kẽ hở của luật pháp Mỹ, sự lơ là của Ủy ban Giao dịch Chứng khoán Hoa Kỳ để làm giàu nhanh chóng. Từ một số vốn ban đầu là 250.000 đôla năm 1969 bỏ ra từ tiền túi của mình, đến nay Soros đã có một tài sản trị giá 8,5 tỷ đôla, đứng hàng thứ 80 trong số những tỷ phú Mỹ (theo tạp chí *Forbes* ngày 8 tháng Ba, 2007).

Theo nhận xét của một số người, nhà đầu tư George Soros không phải luôn luôn hiền lành, có lúc ông tỏ ra tàn nhẫn, đôi khi gần như vô đạo đức, nhưng theo ông, nếu muốn tuân thủ tuyệt đối các quy luật của đạo đức thì tốt hơn là không nên kiếm tiền bằng cách này. Cuộc đấu cơ đánh vào đồng bảng Anh tháng Chín năm 1992 đã đem lại cho ông một khoản lời gần 1 tỷ đôla, người ta tính là mỗi người dân Anh, đàn ông, đàn bà, trẻ con đều đã bị Soros móc túi lấy đi 12 bảng. Người ta cũng xem Soros là người đứng đằng sau cuộc khủng hoảng tài chính ở châu Á năm 1997 ở Thái Lan, Malaysia và vì thế, ông bị Thủ tướng Malaysia Mahathir bin Mohamad lên án quyết liệt. Các hoạt động của ông trong những quỹ đầu tư mạo hiểm đặt ở nước ngoài cũng làm cho các nhà điều tiết và Ủy ban Giao dịch Chứng khoán Hoa Kỳ phải đau đầu. Nhiều Ủy ban của Quốc hội Mỹ đã triệu ông đến điều trần với mục đích tìm ra các hoạt động mờ ám của Soros. Cuộc điều trần gần đây

nhất là của Hạ nghị sĩ Henry Waxman, Chủ tịch Ủy ban Giám sát Điều tiết và Cải cách Chính phủ ngày 18 tháng 11 năm 2008 để điều tra vai trò của Soros trong cuộc khủng hoảng tài chính hiện nay.

Các cuộc điều trần ở Quốc hội không hề tìm ra một lỗi nào của Soros cả, rất nhiều hạ nghị sĩ trong ủy ban cũng không hiểu được vai trò và các hoạt động của các quỹ đầu tư mạo hiểm. Trong cuộc điều trần cuối năm 2008, Soros trấn an các nghị sĩ là sau cuộc khủng hoảng tài chính hiện nay, từ 50 đến 75 phần trăm các quỹ mạo hiểm sẽ bị đẩy vào trong bóng tối.

Lần đầu tiên, các hoạt động mờ ám của Soros bị vạch trần là trong vụ kiện của chính phủ Pháp chống lại việc ông đầu tư nội gián khi mua các cổ phiếu của ngân hàng Société Générale. Ông bị phạt 2 tỷ đôla, sau được giảm xuống còn 1.098.068 đôla.

Các thành công của Soros trong lĩnh vực tài chính không làm ông người đi ước mong mà ông đã có từ tuổi thanh niên là được người ta xem mình như một triết gia. Ông đem các lý thuyết triết học của mình để áp dụng vào hai lĩnh vực chính của sự nghiệp mình là tài chính và làm từ thiện. Các lý thuyết ấy chịu ảnh hưởng rất lớn của triết gia Karl Popper.

Nói là các hoạt động từ thiện, nhưng ở George Soros, chúng mang nặng tính chính trị, khác với những hoạt động cùng tên của những tỷ phú hay nhà chính trị ở Mỹ như Warren Buffet, Bill Gates, Bill Clinton... vì họ chỉ muốn giúp đỡ nhân loại trong các vấn đề y tế, giáo dục, xã hội..., ít bị chính trị chi phối.

Cánh tay từ thiện chính của Soros là Viện Xã hội Mở (OSI, Open Society Institute) và rất nhiều tổ chức phi chính phủ (NGO) mang tên Quỹ từ thiện Soros ở 24 nước trên thế giới hiện nay (Ở Ba Lan quỹ này mang tên Stefan Batory). Tên xã hội mở xuất phát từ tên một tác phẩm xuất bản năm

1951 của triết gia Karl Popper, "*Xã hội Mở và những Kẻ thù của nó.*"

Theo nhà báo Leandra Bernstein ("*Cuộc chiến bí mật của nhà yếm thế George Soros*" Solidarité et Progrès, 11/8/2008) thì mục đích của OSI và các quỹ từ thiện Soros là biến các xã hội khép kín ở Đông Âu và Liên Xô cũ thành những xã hội mở. Theo Bernstein, Soros xem xã hội khép kín là những quốc gia muốn kiểm soát tài nguyên thiên nhiên của mình, những quốc gia muốn phát triển kinh tế và lực lượng lao động của mình nhờ các biểu thuế hải quan, các quy định, những quốc gia muốn chống lại sự toàn cầu hóa hay chủ nghĩa đế quốc của mậu dịch tự do. Các hoạt động của OSI và các NGO chạy quanh nó rất phù hợp với những ý tưởng của các tập đoàn quân sự – công nghiệp Mỹ, theo Neil Clark (*George Soros, New Statesman Profile*, New Statesman, 2/6/2003). Clark còn viết thêm: "Không như nhiều người gợi ý, chắc Soros không phải là một nhân viên ăn lương của Cục Tình báo Trung Ương, nhưng việc các công ty và các tổ chức phi chính phủ của ông có những gắn bó chặt chẽ với chủ nghĩa bành trướng của Mỹ thì là điều không còn nghi ngờ gì nữa."

Các quỹ từ thiện Soros ở các nước Hungary, Romania, Ukraine đã thành công trong việc thay đổi các chế độ ở đây trước và sau khi Liên Xô sụp đổ. Theo Neil Clark, từ năm 1979, Soros đã chi khoảng 3 triệu đôla mỗi năm cho các tổ chức chống đối ở Ba Lan (Công đoàn Đoàn kết), Tiệp Khắc (Hiến chương 77), Liên Xô (Andrei Sakharov). Soros rất hãnh diện rêu rao rằng ông là người gây ra phong trào Mỹ hóa Đông Âu. Cũng theo Neil Clark, Soros đã bỏ ra 100 triệu đôla cho các phong trào chống đối ở Nam Tư cũ dẫn đến việc bắt Tổng thống Milosevic và đưa ông ra tòa án quốc tế ở La Haye, một cơ quan do Soros tài trợ cùng với Time Warner Corporation và Disney. Thành công lớn nhất của các tổ chức xã hội mở của Soros là ở Gruzia, nơi ông bỏ

ra đến 42 triệu đôla để tiến hành cuộc “cách mạng hồng” chống lại Tổng thống Chevarnadze dưới sự điều khiển của Alexander Lomaia, cựu Giám đốc quỹ Soros của Gruzia. Nguyên Bộ trưởng Ngoại giao Gruzia, Salomé Zourabichvili viết trong *Herodote*, tạp chí của Viện Địa Chính trị Pháp, số tháng Tư - 2008: “Rõ ràng là Quỹ Soros và các tổ chức phi chính phủ chung quanh nó đã thực hiện cuộc cách mạng... Sau đấy, Quỹ Soros và các NGO này được tham gia chính quyền.”

Các hoạt động của Quỹ Soros bị thất bại ở Turkmenistan, và Trung Quốc; còn ở nước Nga thì sau một thời gian hoạt động, năm 2003 Quỹ Soros bị chính phủ đóng cửa vì không trả tiền thuê nhà. Ở Belarus, Quỹ Soros cũng bị đóng cửa sau khi phải trả 3 triệu đôla tiền phạt vì vi phạm các luật lệ về ngoại hối.

Soros cũng có những hoạt động chính trị ngay tại nước Mỹ, nhất là trong cuộc bầu cử tổng thống năm 2004, ông bỏ ra đến 27 triệu đôla để đánh bại George Bush nhưng không thành công. Nhiều người cũng rất ngạc nhiên vì năm 1990, chính Soros đã bỏ tiền ra để cứu nhà kinh doanh George Bush khỏi bị phá sản.

Trong cuốn sách mới nhất của mình, *Mô thức Mới cho Thị trường Tài chính* và trong bài viết gần đây nhất (*The Crisis and What to do about it*, *The New York Review of Books*, 4/12/2008), Soros đưa ra một loạt phương thức để giải quyết cuộc khủng hoảng tín dụng và chấn chỉnh nền tài chính quốc tế. Rất có thể là ông sẽ được chính quyền mới của Tổng thống Obama lắng nghe vì ông là người ủng hộ ứng cử viên Obama ngay từ đầu và người phụ trách việc chuyển giao giữa hai chính quyền Bush và Obama lại là John Podesta, bạn của Soros tại Trung tâm Tiến bộ Mỹ (CAP). Ông cũng khuyên chính quyền mới nên tích cực đầu tư vào các vấn đề biến đổi khí hậu và năng lượng. Chỉ

có tương lai mới có thể trả lời là các ý tưởng của Soros lần này có xác đáng hay không.

Trong thập niên đầu của thế kỷ 21, nước Mỹ đứng trước hai vấn đề quan trọng: chiến tranh ở Iraq và cuộc khủng hoảng tài chính. Sự bùng nổ của hai vấn đề này đã được hai người Mỹ nổi tiếng tiên đoán một cách chính xác, cả hai đều gốc Do Thái và nổi tiếng trong lĩnh vực riêng của mình, đó là Bernard Lewis và George Soros. Ở Iraq, chính quyền của Tổng thống Bush đã áp dụng triệt để các lời khuyên của Bernard Lewis với những kết quả như ta thấy hiện nay. Liệu các giải pháp mà Soros đề ra trong lĩnh vực tài chính có được chính quyền Obama đưa ra áp dụng và các kết quả có tốt hơn không? Tương lai sẽ trả lời cho câu hỏi này.

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 12-2008

TS. Nguyễn Thọ Nhân

LỜI NÓI ĐẦU

Năm 2008, George Soros lại là một nhân vật khác hẳn con người mà tôi nghiên cứu và giới thiệu vào giữa thập niên 1990 trong cuốn sách của tôi *"SOROS: Cuộc sống, những Khoản kénh và những Bí mật kinh doanh của nhà Đầu tư Vĩ đại nhất Thế giới"*. Lúc ấy, Soros hiển nhiên là nhà đầu tư lớn nhất trên hành tinh và ông đang trở thành một loại hình của nhà từ thiện mang tính cách mạng trong lĩnh vực tài chính. Tuy nhiên sau khi cuốn SOROS ra đời, ông đã bước vào chính trường nước Mỹ một cách rầm rộ, tìm cách hạ bệ tổng thống George Bush trong cuộc bầu cử năm 2004; và ông đã làm từ thiện tài chính theo một kiểu cách hoàn toàn mới để gây được ảnh hưởng trên rất nhiều người. Ngoài ra, để được công nhận là một triết gia đầu tiên và hàng đầu, từ giữa thập niên 1990, ông đã viết nhiều sách nêu rõ các chiến lược tài chính của mình và cảnh cáo độc giả về những nguy cơ sẽ đến của một nền kinh tế toàn cầu.

Vậy là ông đã trở nên rất khác xưa, đã rất nổi danh nhưng chỉ là hời hợt, cho nên tôi quyết định phải cập nhật cuốn sách để có thể bổ sung cho những gì đã viết về một George Soros phức tạp hơn, gây nhiều tranh cãi hơn và cũng bị phơi bày nhiều hơn trước công chúng.

Khi tôi và Nhà xuất bản McGraw-Hill thỏa thuận cho ra đời một phiên bản có hiệu chỉnh và có cập nhật của cuốn sách tôi viết trước kia về Soros, chúng tôi đã thống nhất ý kiến là tôi phải sửa lại nguyên bản ở những nơi có thể cập nhật và viết thêm một số chương tóm tắt cuộc đời và sự nghiệp của Soros từ năm 1996 đến năm 2008.

Khi tôi bắt đầu công việc này, tôi chỉ giả thiết rằng Soros sẽ tiếp tục tránh xa dự án viết sách của tôi như ông đã làm khi tôi viết

quyển đầu vào năm 1996. Nhưng tôi đã thật sai lầm! Khi tôi bắt đầu tìm kiếm tư liệu cho phiên bản cập nhật này thì tôi đã làm cái việc mà tôi nghĩ là chỉ đơn giản tiếp xúc với Soros để cho ông biết là tôi đang cập nhật cuốn sách. Tôi nói một cách khá tự nhiên là tôi hy vọng sẽ được gặp ông và các cộng sự của ông nhưng đồng thời cũng không hy vọng là ông sẽ thay đổi thái độ.

Tôi khá ngạc nhiên và hài lòng khi người phát ngôn và cũng là giám đốc chính trị của Soros là Michael Vachon gửi thư điện tử cho tôi nói rằng ông sẽ gặp tôi lần sau tôi đến New York. Trước khi đến New York, tôi đã có cuộc nói chuyện qua điện thoại với Vachon một tiếng đồng hồ. Không ai lại có thể thân thiện và thông cảm hơn Vachon, ông còn gợi ý là tôi và ông sẽ gặp nhau “nhiều giờ” để bàn về bản hiệu chỉnh và cập nhật của cuốn sách tôi viết về Soros.

Ông còn cho tôi biết là tôi có thể gặp các đồng nghiệp của Soros ở Viện Xã hội Mở và cả những người có tham gia vào các hoạt động chính trị của ông ta vào những năm 2000 nữa.

Điều này thật khác hẳn với Soros của những năm giữa thập niên 1990 khi ông ta báo cho các cộng sự biết là ông không muốn họ nói chuyện với tôi. Trở ngại độc nhất có vẻ là Soros có cho tôi được phỏng vấn ông hay không. Lúc đầu, Vachon cho tôi biết là khó lòng mà Soros lại ngồi cho tôi phỏng vấn, cuộc gặp chỉ có nghĩa là ông ta cho phép tôi viết về ông trong cuốn sách mà thôi.

Vài tuần sau, văn phòng của Soros cho tôi một cuộc hẹn để phỏng vấn Soros trong hai tiếng đồng hồ ngày 27/5/2008 vào lúc 10 giờ sáng tại Văn phòng Quản lý Quỹ Soros ở New York.

Tôi thật quá ngạc nhiên nhưng cũng rất hài lòng. Cuộc gặp của tôi và Soros diễn ra theo đúng kế hoạch. Ông ta tỏ ra thân mật và cởi mở và trả lời hầu hết các câu hỏi của tôi.

Ông ta không muốn đi sâu vào những câu hỏi về tài sản của mình. Ông nói là ông đã đọc hết cuốn sách của tôi hôm trước đó và chỉ có một lời bình luận.

Đó là về Chương 2 có đầu đề “Ta là Thần thánh.” Tôi có dẫn lời của ông trong một cuốn sách của mình rằng “tôi xin nói thật là

tôi có một số ý nghĩ ngông cuồng về cứu nhân độ thế từ thời còn bé, điều mà tôi phải kiểm soát được nếu không sẽ gặp nhiều phiền toái.”

Soros cho là khi tôi trích lời ông nói rằng ông tự xem mình là một kiểu thần thánh nào đó, tôi đã đi quá xa đối với những gì ông thốt ra lúc còn bé.

Rõ ràng là Soros đã nói như thế, nhưng trong cuộc phỏng vấn, ông nhấn mạnh là khi dùng câu “ý nghĩ ngông cuồng về cứu nhân độ thế” ông không hề cho rằng mình có tầm vóc của một thánh thần mà ông chỉ thấy mình có bốn phận phải giúp đỡ nhân loại như bất kỳ một người trẻ tuổi nào cũng cảm nhận như vậy.

Bây giờ tôi đã có dịp nói với Soros về những lời ấy, tôi quyết định là sẽ xem lại chương trên trong cuốn sách. Tôi giải thích cho Vachon là chính để tìm hiểu cách nhìn của Soros về câu nói “Ta là Thần thánh” và về những câu nói khác mà tôi đã muốn nói chuyện với nhà đầu tư 14 năm trước đây khi tôi tìm tư liệu cho cuốn SOROS đầu tiên. Tôi thật biết ơn Soros đã cho tôi cơ hội nói chuyện với ông.

• • •

Đây không phải là một cuốn tiểu sử. Tôi nói điều này bởi vì nó trả lời cho câu hỏi đầu tiên mà phần lớn công chúng đặt ra với một tác giả khi họ nghe nói là tác giả ấy viết một cuốn sách về một người nào đó. Chính tôi là người có ý nghĩ viết về George Soros. Sau khi viết xong năm 1992 một cuốn sách về Chủ tịch công ty General Electric Jack Welch, tôi có ý tìm xem có một nhân vật nào khác quan trọng trong giới kinh doanh để viết hay không. Tôi đã rơi trúng vào Soros.

Trong cuốn sách đầu tiên, tôi đã hy vọng nói chuyện với càng nhiều người càng hay, những người đã cộng tác với ông trong cả hai khía cạnh từ thiện và đầu tư trong sự nghiệp của ông. Lúc đầu, tôi quyết định tập trung vào những người đã làm việc cho Quỹ Soros ở Đông Âu.

Tại Bucharest, Romania, các cộng tác viên của Soros đã tiếp đón tôi như một ông hoàng. Họ cho xe ra đón tôi tận sân bay, chở tôi đến

các buổi gặp gỡ với nhân viên của Quỹ Soros và cho phép tôi tham dự vào các cuộc họp riêng của Quỹ cũng như cho tôi được phỏng vấn bất kỳ ai, từ các giám đốc trở xuống. Sự cộng tác mà họ dành cho tôi đúng là thứ mà tôi mong muốn và đây thật là điểm tốt.

Về sau, ở Budapest, Hungary, tôi tự đặt cho mình những mục tiêu còn phức tạp hơn là chỉ đơn thuần phỏng vấn các nhân viên của Quỹ Soros. Tôi muốn tìm ra những người đã biết Soros trong thời thơ ấu của ông. Tìm ra họ không phải là dễ nhưng cuối cùng tôi cũng gặp được một số người. Thường thì trí nhớ của họ còn tốt và họ có vẻ thích thú được nhắc lại hoặc người bạn cũ hoặc cậu học sinh đồng môn.

Ở Budapest, tôi có được một cuộc gặp ngắn ngủi không hẹn trước với Soros. Tình cờ ông đến Budapest để gặp các giám đốc điều hành của Quỹ Soros ở Đông Âu và Liên Xô cũ và ông có mặt ở một buổi chiêu đãi tối ngày 8 tháng 3, 1994 tại khách sạn Taverna. Rất may là tôi có cuộc hẹn ngay tại khách sạn để phỏng vấn một nhân viên của Quỹ cho nên tôi nắm lấy cơ hội để tự giới thiệu mình với Soros.

Tôi phải nói là tôi cũng ít nhiều thất vọng. Vài phút sau, Soros đi vào phòng chiêu đãi. Ông đi rất nhanh và tôi phải chạy vội đến gặp ông. Tôi nói là tôi đang viết một cuốn sách về ông. Soros trả lời rằng ông ta không hề biết gì về dự án ấy.

Tôi nhanh chóng giới thiệu lý lịch của tôi và nói rằng tôi rất muốn được gặp ông. Ông nói là ông không thể hứa gì cả. Tôi cứ khăng khăng đòi gặp. Ông có vẻ dè dặt đi đôi chút và nói là khi tôi viết xong cuốn sách, tôi có thể gặp ông. Sau đó, Soros nói với một cộng tác viên: “Anh ta có thể dự cuộc họp tối nay. Cuộc họp ấy sẽ không chính thức.” Tôi cảm thấy rất hài lòng về mọi việc xảy ra. Nhưng lúc ấy người cộng tác viên nói: “Không, chúng tôi muốn đây là một buổi họp kín”. Soros nhìn tôi có vẻ như muốn xin lỗi: “Tôi bắt buộc phải theo ý kiến của anh ta.”

Như thế là trong 14 năm, tôi không hề gặp Soros ngay cả sau khi cuốn sách đầu tiên được xuất bản năm 1996.

Để viết cuốn ấy, tôi phải đi đến năm nước - Mỹ, Anh, Hungary, Romania và Israel - tôi đã phỏng vấn nhiều cộng sự của ông, những người đã làm việc với ông trong những ngày đầu của sự nghiệp đầu tư của ông. Nhờ các phỏng vấn ấy mà tôi tin là tôi đã có thể mô tả George Soros với tất cả tính phức tạp của con người ông.

May thay là Soros đã thường xuyên phát biểu trên báo chí hay trong các phỏng vấn trên truyền hình. Qua các phỏng vấn ấy, tôi đã có thể nêu lên ý nghĩa mà Soros quan niệm về các vấn đề có liên quan đến sự nghiệp của mình. Và ông cũng đã viết tám cuốn sách quan trọng, bắt đầu bằng cuốn *Giả kim thuật Tài chính* năm 1987. Trong cuốn *Giả kim thuật Tài chính* Soros đã có những câu nói giải thích rõ các lý thuyết và chiến lược tài chính của ông.

Thẳng hoặc trong các cuốn sách ấy, Soros có viết về chính mình làm cho tôi bổ sung được những gì đã viết về nhân cách của ông. Tôi cũng nhờ được một loạt các cuộc phỏng vấn khá hấp dẫn mà tôi thực hiện với những nhà phân tích tài chính ở cả Wall Street và trung tâm tài chính City. of London. Một vài nhà phân tích ấy không quen biết Soros trên phương diện cá nhân nhưng họ đã có thể mô tả cho tôi môi trường mà trong đó ông hoạt động và cho tôi thấy được cách thức mà cộng đồng tài chính làm ăn cũng như phản ứng của cộng đồng ấy trước các kỷ lục đầu tư kỳ diệu của Soros.

Không phải dễ dàng gì khi tìm hiểu về một nhân vật được nhiều người biết đến và đang còn sống để viết một cuốn sách mà chưa có phép. Trong trường hợp này, tôi cảm thấy mình đứng trước một thách thức đặc biệt khi biết rõ là Soros đã không muốn cho các cộng sự tiếp xúc với tôi.

Dù có những trở ngại như thế, tôi vẫn có thể quả quyết rằng phiên bản đầu tiên của cuốn sách đã cung cấp một cái nhìn sâu sắc nhất về George Soros vào thời điểm ấy của những năm 1990.

Khi tìm tài liệu cho cuốn sách đầu tiên, tôi thấy có rất nhiều nhân viên cũ của Soros đã rất muốn chia sẻ với tôi về cách họ đánh giá Soros, gần như luôn luôn một cách công khai.

Xin có vài lời về Jeffrey Krames, người chịu trách nhiệm xuất bản quyển sách trước đây: một lần nữa, tôi lại rất vui được cộng tác với ông trong một đề án lớn. Bằng nhiều cách, ông đã có mặt với sự cố vũ, lời chỉ bảo, lòng nhiệt tình để giúp tôi hình thành đề án này, cùng tôi say mê với câu chuyện và chỉ cho tôi những cách làm cho lời văn thêm sức mạnh. Ông đã giúp tôi biến một thách thức phức tạp thành một công việc kỳ diệu và tôi xin tỏ lòng cảm ơn sâu sắc đến ông.

Tôi cũng xin ngỏ lời tri ân đến Herb Schaffner, người chịu trách nhiệm xuất bản cuốn sách mới có hiệu chỉnh từ cuốn SOROS cũ. Chúng tôi đã trao đổi nhiều về hướng đi của phiên bản này. Thật thú vị khi được làm việc với ông từ đầu đến cuối. Cả hai chúng tôi đều chung một lòng nhiệt tình đối với đề án này và, mặc dù thời gian khá cấp bách, chúng tôi đã thực hiện việc biên soạn với hiệu suất cao và nhờ có Herb, với khá nhiều thích thú.

Tôi muốn cảm ơn Bruce Liebman đã tiến hành một số sưu tầm quan trọng tại New York cho cuốn SOROS đầu tiên. Nhờ có anh mà khi chưa có Internet, tôi đã có được một loạt các bài báo có giá trị về Soros. Tôi cũng xin cảm ơn Zelda Meislin Metzger và David Nachman về sự trợ giúp của họ.

Tôi cũng muốn tỏ lòng cảm ơn đến những người tôi có dịp trao đổi để viết nên cuốn sách trước: Turner, Tibor Vamos, Miklos Vasarhelyi, Lazar Vlasceanu, Byron R. Wien, Frances Abouzeid,... và nhiều người khác không muốn nêu danh.

Allan Raphael, James Marquez, Byron Wien, Don Elan và Chris Turner đã đọc nhiều phần của sách. Tôi rất cảm ơn họ đã bỏ ra nhiều thì giờ quý báu và cũng về các lời nhận xét của họ.

Tôi xin cảm ơn Soros về cuộc phỏng vấn ngày 27/5/2008, và về việc ông đồng ý hôm ấy cho tôi phỏng vấn những cộng sự thân cận của mình ở nơi làm việc và ở những nơi khác.

Tôi muốn cảm ơn những người tôi đã phỏng vấn để viết cuốn Soros có hiệu chỉnh và cập nhật này: Leon Botstein, Daniel Doron, Kathleen Foley, Morton Halperin, Doug Henwood, Cliff Kinkaid,

Ellen Malcom, Aryeh Neier, Tom Novick, Carl Pope, Stephen Rikart, Jeffrey Sachs, Danny Schlechter, Laura Silber, Rob Stein, Stephen Steiner, Tom Steitz, Joseph Stiglitz, Strobe Talbot, Michael Vachon, và Byron Wien.

• • •

Một vài lời cảm ơn đối với gia đình tôi: vợ tôi, Elli, đã luôn luôn có mặt, ủng hộ tôi, đóng góp ý kiến, đọc bản thảo và chăm sóc gia đình khi tôi bay từ nước này sang nước khác chỉ để tìm thêm một chi tiết nữa về George Soros. Cô là một người hết sức thông cảm, hết lòng giúp đỡ và tôi xin cảm ơn cô về mọi thứ. Cô cũng ủng hộ tôi rất nhiều trong việc biên soạn phiên bản cập nhật này. Tôi cũng cảm ơn các con của tôi – Miriam và chồng Shimi, Adam và vợ Tal và Rachel chỉ vì các con đã có mặt trên đời này mang lại bao niềm vui cho đời tôi. Tôi đặc biệt cảm ơn các con tôi và sáu cháu nội ngoại: Edo, Maya, Shai, và Shani; Matan và Ben.

Mỗi khi tôi viết một cuốn sách về kinh doanh, tôi cũng nhớ rằng nhiều người trong gia đình tôi, trên thực tế, đều rất gần gũi với chủ đề này. Một số người trong họ không những chỉ bày tỏ lòng nhiệt tình cần thiết đối với sách mà còn đi xa hơn nữa bằng cách cho tôi nhiều giải thích và cách nhìn quan trọng và vì các giúp đỡ ấy tôi xin bày tỏ lòng cảm ơn với: anh tôi, Jack Slater; anh rể thân yêu đã quá cố của tôi, Judd Winick; các cháu tôi, Michael Winick, Mark Winick, Jeffrey Slater, Mitchell Slater, Craig Jacobs, và Jerry Bedrin; em họ tôi, Melvin Slater; các cháu gọi tôi bằng ông, Thomas Scott Dodd, Judd Winick, và Orin Winick.

Đấy là các “doanh nhân” của gia đình chúng tôi, họ là những thánh giả quan trọng nhất của tôi. Thánh giả quan trọng nhất của tôi chính là người cha thân yêu đã quá cố của tôi, Joseph G. Slater. Ông muốn tôi nối nghiệp ông và theo chân nhiều thành viên của gia đình là bước vào lĩnh vực kinh doanh. Nhưng tôi đã chống lại và chỉ về sau tôi mới trở thành tác giả của các tác phẩm viết về những nhà lãnh đạo trong doanh nghiệp.

Chỉ khi bắt đầu viết các sách ấy, tôi mới thấy cha tôi quả thật là con người truyền cảm hứng cho tôi, giúp tôi hiểu rằng chủ đề kinh

doanh thật luôn luôn hấp dẫn. Tôi tin rằng ông sẽ rất ngạc nhiên và vui sướng chứ đừng nói là thích thú khi thấy tôi cuối cùng đã hiểu ý ông. Tôi xin trên hết tỏ lòng tri ân đến ông. Tôi muốn kính dâng sách SOROS này, cả bản đầu tiên và bản cập nhật lên Joseph G. Slater.

Robert Slater,
Tháng Mười 2008

CHƯƠNG 1

NHÀ ĐẦU TƯ VĨ ĐẠI NHẤT THẾ GIỚI

Ngày 15 tháng Chín năm 1992, 5 giờ rưỡi chiều

Ngã người trên chiếc ghế da lưng cao đặt sau một bàn làm việc hình bầu dục, George Soros nhìn qua khung cửa sổ lớn phía trái, ngắm cảnh đẹp đến ngạt thở của công viên Central và cảnh náo nhiệt của giờ cao điểm dưới chân mình 33 tầng lầu. Ông run lên vì vui sướng được một lần nữa trở lại Canh Bạc.

Gần đây, khi bước vào văn phòng của Cơ quan Quản lý Quỹ Soros, ông bắt đầu có cảm giác mình là khách hơn là chủ. Nhưng hôm nay ông thật là người của Quỹ. Hôm nay, ông có thể trèo lên cao. Hay vợ hết tiền của nhà cái. Ông tin chắc rằng mình vẫn còn có thể chơi Canh Bạc, chơi tốt hơn nhiều người, có lẽ tốt hơn bất kỳ ai.

Trong những năm gần đây, ông dành hết thời gian đi đến những nơi xa xăm thì có được gì? Sau năm 1988, công việc của ông chạy êm ru, từ khi ông giao quyền cho một chàng trai có những thành tích nổi bật trong ngành tài chính, Stanley Druckenmiller. Khi Soros đến văn phòng thì ông và Druckenmiller cùng nhau điều khiển công ty, mặc dù đôi khi họ có đụng chạm với nhau về cách đánh giá các thị trường tài chính.

Thường thì vào khoảng thời gian ấy, Soros hay nghĩ việc để đến Đông Âu hay Liên Xô cũ tìm cách xây dựng và phát triển các quỹ từ thiện mà ông đã lập nên trong những năm 1980 nhằm biến

các nước ấy thành những mô hình của dân chủ. Từ bao năm, bỏ hết công sức để dẫn thân vào các thị trường tài chính, ông đã kiếm được bao nhiêu là tiền không biết để đâu cho hết. Bây giờ, khi đã có tuổi, ông tìm cách lánh xa công việc văn phòng càng nhiều càng tốt. Ngày nay, ông lại thích thì thầm hội ý với các nhân viên quỹ từ thiện của mình ở Hungary hay Romania, lội bì bõm qua những con đường bùn lầy ở Bosnia, dẫn thân vào những cuộc phiêu lưu.

Nhưng hôm nay không phải là một ngày bình thường. George Soros sắp đưa ra một đánh cược lớn nhất trong lịch sử của ngành tài chính. Đáng lẽ thì ông phải đập thành thịch, đáng lẽ ông phải quay quắt đi đi lại lại la hét âm ỉ trước đám nhân viên sợ xanh mặt. Nhưng đó không phải là phong cách của ông. Chỉ có tâm trí của ông là đang chạy đua. Ông ngồi đấy như một biểu tượng của sự trầm tĩnh, tự đặt cho mình câu hỏi mà ông luôn luôn đặt ra mỗi khi sắp bước vào một canh bạc đầy rủi ro và gây nên một chấn động mạnh. Ta làm như thế có đúng không? Ta có nguy cơ bị chìm lìm không? Nhìn xuống những đèn đường bắt đầu nhấp nháy sáng của thành phố, trí tưởng tượng của Soros bay đi xa hàng ngàn dặm. Nếu ông ở London thì có hơn không? Ông cũng không hoàn toàn chắc chắn. Có lẽ ngày hôm nay điều đó cũng chẳng quan trọng gì.

George Soros luôn luôn cảm thấy thích thú khi ở xa những khu tài chính của Wall Street dưới kia - ông luôn luôn có một trách nhiệm đặc biệt khi biết mình có cách kiếm được vô số tiền mà không phải cật lực làm việc dưới bóng của Thị trường Chứng khoán New York.

Qua phương thức mà ông chơi canh bạc đầu tư, qua kiểu cách ngược đời mà ông đã tiến hành có kết quả khi đánh giá các thị trường tài chính, ông thấy chẳng có lý do gì phải hòa mình vào đám dân đen phía Nam New York. Ông tự thấy hài lòng vì đang ở trung tâm thành phố, hài lòng vì có chút thanh thoi sau những công việc thường nhật. Văn phòng của ông toát ra một vẻ đằm ấm như ở nhà, trên tường có treo vài bức tranh, trên bàn làm việc đặt vài bức ảnh gia đình. Nhưng chỉ cách phòng làm việc của Soros vài thước, nhân viên của ông ngồi trước những màn hình máy tính giá lạnh, mắt nhìn thẳng như thể chỉ cần quay đầu nhẹ sang trái hay

sang phải thì cũng đủ cho thấy là họ đang mất cảnh giác vì buồn ngủ. Trên tường có một dòng chữ hình như được viết ra bằng máy tính: TA NGHÈO KHI SINH RA NHƯNG KHI CHẾT TA SẼ KHÔNG NGHÈO. Có thể xem đây là nguyên tắc hướng dẫn trong đời Soros.

Đó chính là tín hiệu của Soros. Lúc ấy vào năm 1992, ở tuổi 62 và có một gia sản kếch sù ngoài sức tưởng tượng của mọi người, ông biết là ông đã thắng trong cuộc “đua” và ông sẽ không chết nghèo. Thật vậy, có nhiều khả năng là ông sẽ chết như một trong những người giàu nhất nước Mỹ. Tuy nhiên, không ai dám đề nghị là đã đến lúc phải hạ dòng chữ xuống. Dù sao thì những người khác trong văn phòng cũng cần có một điều khích lệ. Vài người trong số họ cũng đã trở thành triệu phú. Họ cũng chẳng chết nghèo đâu. Thật vậy, có vẻ như những người làm việc bên cạnh George Soros đều tham gia vào cuộc chạy đua tìm vàng và tất cả đều tìm ra vàng. Văn phòng của Công ty quản lý Quỹ Soros không giống như Fort Knox (*noi nước Mỹ giữ vàng. ND*) và đột nhập vào đấy cũng chẳng khó khăn gì. Tuy nhiên ở đấy cũng phảng phất mùi vị độc hại của đồng tiền.

Thành phố dần dần chìm trong đêm tối, nhưng Soros cũng không nhận thấy. Ông là một thương gia toàn cầu, một nhà đầu tư quan tâm đến các thị trường tài chính ở Tokyo và London cũng như ở Wall Street, một người chăm chú theo dõi các khuynh hướng kinh tế ở Brussels và Berlin cũng như ở Peoria và Poughkeepsie. Hôm nay, tâm trí ông không ở trong căn phòng này, nó đang ở Tây Âu. Đó là mối quan tâm chính của ông vào thời điểm ấy.

Đã nhiều năm, ông đã theo dõi các phát triển của Cộng đồng Kinh tế châu Âu và ông cảm thấy ngòi nổ đã châm cho một cuộc đại bùng nổ tài chính.

Soros là một nhà lý thuyết tài chính bậc thầy, và ông thích thử nghiệm các lý thuyết của mình trong phòng thí nghiệm của những cổ phiếu, những trái phiếu và những đồng ngoại hối. Không có vùng xám nào cả, không có chuyện nửa chừng. Một cổ phiếu hoặc lên hoặc xuống hoặc đứng giá. Bất kỳ một lý thuyết nào về cách hoạt động của thị trường chứng khoán cũng đều có thể kiểm tra hàng ngày.

Nhiều nhà đầu tư tin rằng thế giới tài chính là một thế giới dựa trên lý trí, họ cho rằng giá các cổ phiếu có một logic nội tại. Tìm ra logic ấy là bạn có thể trở nên giàu có.

Soros không tin vào những thứ ấy. Trái lại, ông cho rằng thế giới tài chính là một thế giới không ổn định, một thế giới hỗn loạn. Do đó ông tin rằng: Tìm ra sự hỗn loạn ấy là bạn có thể trở nên giàu có.

Ông đi đến kết luận rằng nếu cứ dùng thước đo các thị trường tài chính như thể các chuyển động của chúng theo đúng một công thức toán học chính xác thì sẽ chẳng thành công. Soros tin rằng toán học không bao giờ điều khiển các thị trường tài chính.

Nhưng tâm lý học hay nói chính xác hơn là bản năng sống theo bầy đàn mới là nhân tố chính. Tìm ra được khi nào và bằng cách nào bầy đàn các nhà đầu tư tìm đến một cổ phiếu, một đồng ngoại hối hay một mặt hàng nào đó là nhà đầu tư có thể chiến thắng.

Đây là tóm tắt của lý thuyết Soros. Hôm nay Soros đang kiểm tra lý thuyết của mình trên toàn bộ thế giới tài chính Âu châu. Tại đây, trong một số năm ông đã áp dụng lý thuyết của mình, rút lui về hậu trường, đợi cho thời cơ chín muồi và nghe ngóng tiếng chân rậm rạp của từng đoàn các nhà đầu tư.

Khi nghe được tiếng ấy, ông sẵn sàng nhảy vọt ra, sẵn sàng vồ lấy cơ hội. Khi ông cảm thấy mình đã đoán đúng về một tình hình tài chính nào đó, ông sẵn sàng vứt bỏ hết mọi dè dặt. Lần này ông chắc chắn là mình đoán đúng.

Và cũng lần này, ông sẵn sàng đánh một ván cược lớn nhất chưa từng ai làm trong thế giới đầu tư.

Nếu thua cuộc thì ông mất đi một ít tiền. Cũng không có gì quan trọng cho lắm. Nhớ lại cuộc khủng hoảng thị trường chứng khoán tháng Mười năm 1987. Ông đã đoán sai và phải tìm cách giảm thua lỗ của mình. Ông bị mất đi 300 triệu đôla.

Nhưng thường thì ông thắng, mang tiền về cho nhóm khách hàng ưu tú của mình và ông đã nhiều lần làm như vậy đến nỗi vào tháng Sáu năm 1981, tạp chí *Institutional Investor* đã gọi ông là "Nhà quản lý tiền tệ lớn nhất thế giới."

Chỉ có một năm kể từ 1969, khi ông lập ra Quỹ Quantum hàng đầu của mình, là Soros bị thua lỗ. Đó là vào năm 1981. Nhìn chung một cách giản đơn, trên thị trường tài chính không ai lại có thành tích hoàn hảo trong một thời gian dài như George Soros. Kể cả Warren E. Buffet, kể cả Peter Lynch. Không một ai.

Thành tích cao nhất của ông là ở Wall Street.

Chiều hôm ấy, trong văn phòng của mình, Soros cứ nghĩ mãi về London. Lúc này là 10 giờ 30 tối bên ấy. Hôm nay, nơi ấy mới là nơi xảy ra hành động. Không phải là thành phố New York.

Trên mặt Soros lộ vẻ hân hoan. Ông nhớ lại ngày 9 tháng 11 năm 1989, ngày hệ trọng khi bức tường Berlin sụp đổ.

Ai cũng biết đấy là một ngày đầy ý nghĩa đối với lịch sử hiện đại. Và một số người tin rằng - ít ra họ cũng hy vọng rằng - sau sự sụp đổ của bức tường Berlin, một nước Đức thống nhất sẽ ra đời và thịnh vượng lên.

Soros lại nghĩ cách khác. Ông thường làm như vậy. Bí mật của ông là ở chỗ ông là một con người có tính ngược đời. Ông cảm thấy rằng nước Đức sẽ gặp nhiều khó khăn để tài trợ cho sự thống nhất. Ông cũng thấy rằng nước Đức sẽ hướng mình vào trong, lo cho những vấn đề kinh tế của chính mình chứ không xem trọng các vấn đề tài chính của các nước Tây Âu khác.

Một nước Đức hướng nội sẽ có những hậu quả to lớn đối với các nền kinh tế - và các đồng tiền - của những nước Âu châu khác. Soros tin là như vậy.

Ông quan sát và chờ thời.

Năm 1990, ông theo dõi việc nước Anh dần bước vào việc hợp nhất với hệ thống tiền tệ Tây Âu - Cơ chế Tỷ suất Hối đoái (ERM),

Soros cho là nước Anh đã sai lầm khi tham gia vào đây. Kinh tế Anh không mạnh lắm và khi tham gia vào ERM, người Anh chủ yếu buộc chặt mình vào cường quốc kinh tế mạnh nhất Tây Âu, nước Đức vừa thống nhất.

Sự ràng buộc ấy, dù muốn dù không, cũng làm cho nước Anh cuối cùng lệ thuộc vào người Đức. Với tư cách là nền kinh tế mạnh

nhất trong vùng nước Đức có quyền quyết định về những gì được xem là tốt trên mặt kinh tế cho phần còn lại của Tây Âu.

Sự lệ thuộc vào nước Đức, theo Soros, cuối cùng sẽ tỏ ra nguy hại cho người Anh – vì nếu Anh muốn có những hành động đặc biệt trong chính sách tiền tệ của mình thì sẽ không làm được. Họ bắt buộc phải cột chặt những chính sách ấy với các chính sách tiền tệ đang thống trị của Đức.

Đúng như Soros đã tiên đoán, năm 1992 cả Tây Âu chìm đắm trong một cuộc khủng hoảng tài chính. Một số nền kinh tế, kể cả nền kinh tế Anh Quốc đã bị lún xuống. Nước Anh muốn giảm lãi suất.

Nhưng Đức lại không muốn giảm lãi suất của họ vì những lý do nội bộ: họ rất sợ là lạm phát sẽ trở lại trong nước họ. Họ vẫn còn nhớ lại với nỗi kinh hoàng những năm 1920 khi lạm phát là liều thuốc độc đã làm sụp đổ nền kinh tế Đức.

Nếu Đức không muốn hạ lãi suất thì các nước châu Âu khác cũng không thể hạ lãi suất của họ. Làm như vậy họ sẽ làm yếu đi tiền tệ của họ và một khi yếu đi, các đồng tiền ấy sẽ là mồi cho những kẻ đầu cơ.

Như vậy là nước Anh ngày càng lún sâu vào bẫy.

Nền kinh tế Anh bị suy sụp, đồng bảng Anh vì đã cao giá nên bị sức ép ngày càng lớn. Nước Anh muốn cải thiện nền kinh tế của mình nhưng muốn làm vậy họ cần giảm giá đồng bảng Anh để tăng cường xuất khẩu.

Nhưng theo các luật lệ của ERM, nước Anh phải duy trì đồng bảng ở mức 2,95 đồng mark Đức.

Trong suốt mùa hè 1992, các lãnh đạo chính trị Anh Quốc cứ khẳng định là họ sẽ vượt qua cơn bão tố và đồng bảng sẽ không bị giảm giá. Nước Anh cũng không ra khỏi ERM. Bằng cách này hay cách khác họ có thể loay hoay để khắc phục.

Nhưng George Soros nghĩ rằng hành động đó là vô nghĩa.

Ông biết rõ hơn. Ông hiểu rằng tình hình kinh tế Anh đang rất bi thảm. Nước Anh không thể tiếp tục đứng trong ERM. Bây giờ phải thoát ra khỏi con tàu đang chìm.

Cuộc khủng hoảng bắt đầu vào giữa tháng Chín.

Bắt đầu có tin đồn là người Ý sẽ phá giá đồng lira. Các thương nhân ở New York đổ xô đi bán tháo đồng lira.

Chủ nhật 13 tháng Chín đồng lira Ý bị phá giá nhưng chỉ ở mức 7%, vẫn trong phạm vi quy định bởi ERM. Các nhà đầu tư đã kiếm được khá nhiều tiền khi đánh cược là các ngân hàng trung ương châu Âu tuân thủ cam kết giữ cho tiền tệ của họ nằm trong phạm vi giới hạn của ERM. Có lẽ là sẽ thua cuộc khi cho là ERM sẽ điều chỉnh lại quá các giới hạn do ERM quy định.

Nhưng người Ý đã phá giá đồng lira, điều mà họ nói là họ không bao giờ làm, vậy có nghĩa là mọi người đều biết có chuyện này xảy ra chẳng khác nào chuyện ông vua không mặc quần áo của Andersen không? Có phải là tất cả những hứa hẹn của các chính phủ khác đều là hứa suông không?

Có lẽ sẽ có một đợt hai chẳng? Có lẽ bây giờ là lúc nên bán đồng bảng Anh đi chẳng?

Thình lình, ở mọi nơi trên thế giới, các nhà đầu tư và các công ty nhất loạt mất tin tưởng vào việc các chính phủ Tây Âu sẵn sàng cho phép ERM quyết định các tỷ suất hối đoái. Bây giờ họ chỉ muốn loại đi một loạt những đồng tiền yếu, trong đó có đồng bảng Anh.

Ngày 15 tháng Chín dần dần trôi qua. Lòng tin của Soros về việc nước Anh sẽ rút đồng bảng ra khỏi ERM càng được củng cố.

Chính Stanley Druckenmiller mới là người cho rằng đây là lúc nên đánh cược với đồng bảng Anh. Anh nói với Soros là phải làm một điều gì đấy. Soros bật đèn xanh cho anh nhưng cũng khuyên anh là nên bỏ ra một số tiền cược lớn hơn là số tiền mà Druckenmiller có trong đầu. Và như thế là Druckenmiller, theo chỉ thị của Soros, đã bán đi một khoản tiền bảng Anh tương đương với 10 tỷ đôla.

Trở về căn nhà trên Đại lộ Fifth, Soros có vẻ vô cùng tự tin. Đêm ấy, ông ngủ rất ngon.

Vào lúc 7 giờ sáng hôm sau, chuông điện thoại trong nhà Soros reo lên. Ở đầu kia là Druckenmiller gọi đến báo cáo tình hình. Soros nghe người giao dịch của mình cho biết là mọi việc đều êm thấm. Trong thời gian nằm ngủ, Soros đã vét được một khoản lời là 958 triệu đôla. Khi tính lại tiền lời trên các vị thế khác trong suốt thời gian xảy ra cuộc khủng hoảng ERM thì Soros đã thu được gần 2 tỷ đôla.

Người Anh gọi ngày 15 tháng Chín – ngày mà họ bị bắt buộc phải rút đồng bảng ra khỏi hệ thống ERM – là ngày Thứ Tư Đen tối.

Còn Soros thì gọi nó là ngày Thứ Tư *Sáng sủa*.

• • •

Chính canh bạc ấy, chỉ có việc đặt 10 tỷ đôla để cược là nước Anh phải phá giá đồng bảng, đã làm cho Soros nổi tiếng trên khắp thế giới. Đây chính là, và đến nay vẫn giữ được thành tích ấy, cuộc đột kích lớn nhất của ông ở cương vị một nhà đầu tư.

• • •

Vì có cú đánh cược ấy mà Soros - "Nhà đầu tư vĩ đại nhất thế giới" trở thành một huyền thoại trong thế giới tài chính. Ở Mỹ vẫn còn ít ai biết đến ông, ít ra thì cũng là ngoài khu vực Wall Street và các giới tài chính.

Tuy nhiên, sau tháng Chín 1992, nhiều huyền thoại được dựng lên chung quanh con người George Soros.

Huyền thoại chính là ông có thể chuyển dịch các thị trường. Chỉ cần ông nói một tiếng là những mặt hàng như vàng hay những ngoại tệ như đồng mark đều có thể trượt giá trong giao dịch. Ông có vẻ là không hề sai lầm, xứng đáng để mọi người noi theo.

Một phóng viên truyền hình khi làm một phim tài liệu về Soros vào tháng 12 năm 1992, tức là chỉ hai tháng sau trận đột kích của ông chống lại đồng bảng đã rất ấn tượng về khả năng của Soros tác động lên các thị trường: "Ông đầu tư trên vàng, và chỉ vì ông đầu tư trên vàng mà ai ai cũng cho rằng mình cũng phải đầu tư

trên vàng, thế là giá vàng vọt lên cao. Ông viết một bài báo đặt vấn đề về trị giá của đồng mark Đức, thế là đồng mark Đức tụt giá. Ông đầu tư vào địa ốc ở London, thế là chỉ trong một đêm khuynh hướng xuống giá của địa ốc bị đảo ngược lại. Chỉ một con người mà có ảnh hưởng lớn đến thế hay sao?"

Có vẻ thích thú với lời khen này, Soros tìm cách đưa ra một số quan điểm của mình.

Ông bắt đầu nói "Hiện nay thì người ta đang thổi phồng lên về ảnh hưởng của tôi. Thật ra, tôi tin là vậy. Và nó sẽ tự điều chỉnh vì người ta sẽ phải nhận ra thôi" – ông nói với nụ cười rất tươi - "Tôi không phải là không phạm sai lầm. Như anh biết đấy, hiện nay người ta đang quan tâm nhiều đến tôi, nhưng trào lưu ấy rồi sẽ đi xuống mà thôi."

Cả hai điều ông nói đều không đúng. Ảnh hưởng của ông thật không bị thổi phồng lên đâu và mối quan tâm đến ông cũng chẳng hề giảm.

Trong một bài báo của tờ *Business Week*, người ta hỏi ông cảm thấy thế nào khi được xem là một vị phù thủy. Ông nói là ông chỉ buồn cười.

Buồn cười.

Nhiều người chẳng buồn cười đâu. Năm 1994, các huyền thoại về Soros lan đi khắp nơi đến nỗi chính quyền Mỹ phải chú ý đến ông. Nếu quả thật là Soros có thể chuyển dịch các thị trường và nếu chỉ vì hành động của một con người mà bao nhiêu tài sản có thể dựng lên hay mất đi thì con người ấy có nguy hiểm chăng? Có cần phải kiểm chế George Soros không?

Đó là một đề tài chính chung quanh con người mà vào khoảng giữa thập niên 1990 đã leo lên bậc thang danh vọng trong thế giới tài chính đến một mức mà ít người dám làm.

Với tư cách là nhà đầu tư lớn nhất thế giới, ông đã kiếm được một khoản tiền mà nhiều người chưa hề nhìn thấy được trong suốt đời mình, hay cả trăm đời cũng vậy. Nhưng đấy cũng chỉ là một phần tạo ra vẻ huyền bí xung quanh ông mà thôi.

George Soros còn hơn là con người đã kiếm được vài tỷ đôla. Hơn là "Con người đã làm phá sản Ngân hàng Anh Quốc" như tờ *Economist* đã gọi ông. Hơn là "Con người đã dịch chuyển các thị trường" như tờ *Business Week* đã gán cho ông.

• • •

Thật ra thì tiền chỉ có một hấp dẫn chừng mực đối với Soros. Ban đầu ông không muốn trở thành nhà đầu tư tầm cỡ thế giới, kiếm được hàng khối tiền. Ông chỉ muốn là một người có nhiều ý tưởng và luôn luôn cảm thấy thoải mái khi bay nhảy trong thế giới của trí tuệ hơn là trong thế giới tài chính. Tuy nhiên, ông phát hiện ra rằng mình có tài kiếm tiền, kiếm rất nhiều tiền. Có vẻ như điều này đến với ông quá dễ dàng. Có lẽ ông cảm thấy mình bị đồng tiền đầu độc. Ông muốn làm một việc gì khác hơn là tích tụ tài sản.

Không phải là Soros cho rằng việc đầu cơ tài chính là vô đạo đức hay xem nó chỉ đơn thuần là cờ bạc. Ông không phải bào chữa cho việc ông làm; ông chỉ không thấy phấn khích khi làm các việc ấy. Soros mong muốn đóng góp được gì cho đồng loại, một đóng góp để đời.

Ông tự xem mình như một triết gia hơn là một nhà tài phiệt. Ông thích được gọi là "một triết gia nửa mùa" để nhắc lại những gì mà trước kia ông đã thử làm nhưng phải bỏ.

Giấc mơ lớn nhất của ông là đưa tri thức đến cho nhân loại, tri thức về cách mà thế giới đang hoạt động, về cách mà con người đang ứng xử trong thế giới ấy. Lúc còn là sinh viên, Soros đã bắt đầu đi tìm tri thức ấy. Sự tìm tòi của ông đã đưa ông vào thế giới của triết học và đã có thời ông muốn trở thành giáo sư triết học. Ông học kinh tế, nhưng luôn có vẻ như một khách vãng lai trong thế giới ấy chứ không phải là một cư dân thực thụ.

Cảm thấy bị lừa dối khi học môn kinh tế, Soros cho rằng các nhà kinh tế học thiếu nhiều hiểu biết thực tiễn về cách thức mà thế giới đang hoạt động. Họ mơ mộng hão huyền, chỉ nói về những tình trạng lý tưởng và phạm sai lầm khi nghĩ rằng thế giới là một nơi rất có lý trí. Ngay từ buổi thiếu thời ấy, George Soros biết rõ rằng thế giới còn hỗn loạn nhiều hơn là các nhà kinh tế học muốn cho người ta biết.

Khi ông bắt đầu xây dựng các lý thuyết của mình – lý thuyết về tri thức, lý thuyết về lịch sử, và sau đây lý thuyết về tài chính – Soros đã cột vững các quan điểm của mình vào lòng tin cơ bản là thế giới thật không thể đoán trước được, hoàn toàn không hợp lý – nói tóm lại phải hình dung cho ra nó như thế nào.

Ông tìm cách phát triển các lý thuyết ấy - đặc biệt là lý thuyết tài chính - để in thành sách nhưng ông gặp khó khăn khi muốn làm cho người ta đọc hiểu chúng. Đôi khi ông cũng khó đánh giá lại những gì ông đã viết. Thất vọng vì thế giới trí tuệ quá khó để chinh phục, ông chuyển sang những thế giới mà ông có thể chinh phục.

Theo một cách nhìn thì quyết định này cũng khá dễ dàng. Dù sao thì ông cũng phải kiếm kế sinh nhai. Tại sao lại không cho các nhà kinh tế học kia hiểu rằng ông biết rành hơn họ cách vận hành của thế giới bằng cách kiếm thật nhiều tiền? Soros tin rằng đồng tiền có thể cho ông một chỗ đứng để ông trình bày các quan điểm của mình. Nói tóm lại, kiếm ra tiền thì cuối cùng ông sẽ trở thành triết gia.

Thế giới mà ông bước vào, thế giới tài chính cao cấp có khả năng mang đến những phần thưởng quý giá. Tuy nhiên, các nguy cơ cũng đáng sợ. Không có chỗ đứng cho những người yếu bóng vía.

Có lẽ những người nhút nhát cũng có được vài năm thành công. Nhưng cuối cùng, họ sẽ bị căng thẳng, căng thẳng vì phải chịu trách nhiệm về tiền bạc của người khác. Cái giá phải trả thì quá cao, trả bằng những đêm mất ngủ, không có thì giờ giải trí, bị bạn bè xa lánh, đời sống gia đình không còn vì trong các thị trường mọi thứ có thể bị tan tành. Cuối cùng, những kẻ yếu bóng vía phải đi tìm việc khác.

Ngược lại, Soros không yếu bóng vía. Ông có vẻ rất trầm tĩnh. Ông không tỏ ra có cảm xúc gì cả. Khi đầu tư có lãi, ông hài lòng. Nếu không thì ông chẳng phải leo lên mái nhà hay lên mái cao ốc để nhảy xuống. Ông rất bình tĩnh, lạnh lùng nữa là đằng khác. Ông ít khi cười một cách cuồng loạn nhưng cũng ít khi rầu rĩ.

Ông thích nói ông là một nhà phê bình. Và đôi khi cũng đùa rằng ông là “nhà phê bình được trả lương cao nhất thế giới”. Từ này hàm ý ông là một người ngoài cuộc, một người vươn lên trên trận đánh. “Tôi phê bình các quá trình. Tôi không phải là một doanh nhân xây dựng nên doanh nghiệp. Tôi là nhà đầu tư đánh giá nó. Chức năng của tôi trong các thị trường tài chính là phê bình và những đánh giá có tính chất phê bình của tôi được thể hiện qua các quyết định mua và bán của tôi.”

Mặc dù ông đã ở trong ngành đầu tư từ năm 1956, lúc đầu ở London sau đó ở New York, nhưng sự nghiệp của ông chỉ thật sự bắt đầu năm 1969. Lúc ấy ông lập ra quỹ đầu tư riêng của mình mang tên Quỹ Quantum. Ông hoạt động tích cực trong quỹ ấy - trừ vài năm vào đầu thập niên 1980 - trong suốt 25 năm. Vào cuối thập niên 1980, ông tự ẩn danh, phần lớn thời gian ông dành cho các hoạt động từ thiện. Tuy nhiên, ông luôn luôn có quan hệ với những người quản lý các quỹ của mình.

Quantum là một trong những quỹ đặt ở nước ngoài mà các nhà đầu tư không phải người Mỹ có thể tự do tham gia. Phần lớn các quỹ đặt ở nước ngoài khác theo luật Mỹ phải giới hạn ở 99 nhà đầu tư với số vốn đầu tư tối thiểu phải là 1 triệu đôla. Quantum cũng là một quỹ đầu tư mạo hiểm, một liên doanh đầu tư vô cùng bí mật gồm những người giàu có chịu nhận những rủi ro không thể tưởng tượng nổi để được giàu thêm. Quỹ của Soros bán khống, sử dụng những công cụ tài chính phức tạp và vay những khoản tiền lớn, đây là những chiến lược mà các nhà đầu tư bình dân không dám làm.

Khi các quỹ đầu tư mạo hiểm đến với các nhà đầu tư nhiều năm trước đây, một nhóm các nhà quản lý sử dụng chiến lược góp chung các cổ phiếu với nhau. Sở dĩ người ta gọi các quỹ đầu tư ấy là các “quỹ hàng rào” vì các nhà quản lý quỹ chia danh mục đầu tư của họ thành những vị thế đầu cơ giá lên với những cổ phiếu sinh lợi khi thị trường lên và những vị thế đầu cơ bán khống với những cổ phiếu vẫn sinh lợi khi hạ giá.

Soros và một số các đại gia của các quỹ đầu tư mạo hiểm không sử dụng chiến lược ấy và vượt quá tầm thị trường chứng khoán Mỹ để đánh cược trên những giao dịch rộng lớn toàn cầu,

không chỉ trên cổ phiếu mà cả trên các lãi suất và tiền tệ – mọi lĩnh vực của thị trường tài chính. Trong một ngày giao dịch trung bình, các quỹ của Soros mua ra và bán đi đến 750 triệu đôla chứng khoán.

• • •

Và kết quả mà ông thu hoạch được thật vô cùng kỳ lạ. Nếu một người nào đầu tư 100.000 đôla năm 1969 khi Soros thành lập Quỹ Quantum rồi tái đầu tư tất cả cổ tức thì vào mùa xuân năm 1994, người ấy sẽ có 130 triệu đôla, tỷ suất gia tăng tổng hợp là 35%.

Đạt được thành tích ấy với một quỹ có vốn nhỏ hơn, thí dụ 50 hay 100 triệu đôla thì đã là xuất sắc rồi nhưng với một quỹ vốn nhiều tỷ đôla thì Wall Street phải lấy làm ngạc nhiên.

Một cổ phần của quỹ Quantum của Soros bán ra 41,25 đôla năm 1969, đến đầu năm 1993 đã lên đến 21.543,55 đôla và cũng đã trả một số tiền mặt lớn chia lợi tức. Vào tháng Sáu 1994, cổ phiếu ấy lên đến 22.600 đôla. Muốn tham gia vào Quỹ Quantum, mỗi người phải đầu tư ít nhất 1 triệu đôla. Theo một số báo cáo, Soros là chủ nhân của một phần ba Quỹ Quantum.

Soros đã kiếm tiền không phải theo cách cũ. Các doanh nhân lớn trong công nghiệp ở Mỹ vào thế kỷ 19, những người như Rockefeller hay Carnegie – đều làm giàu bằng cách chế tạo ra thứ gì đó, như sản xuất dầu mỏ hoặc thép. Soros không hề làm chủ hay quản lý một công ty. Ông cũng chẳng có một cơ sở quyền lực nào cả. Nghề của ông là thúc đẩy nhanh những bước đi của các thị trường tài chính bằng cách sử dụng rất nhiều vốn.

• • •

Dù người nhỏ thó, nhưng Soros có vẻ vạm vỡ và có vóc dáng của một vận động viên thể thao. Tóc ông xoăn, cắt ngắn, và ông mang kính vành nhỏ. Nhiều người thấy ông giống như một vị giáo sư kinh tế hay một huấn luyện viên trượt tuyết. Ông nói tiếng Anh rất sôi mạt dù còn giữ một chút giọng Hungary. Một nhà báo mô tả ông như “một người to ngang, đầy nhiệt huyết, mày cau lại, cằm nhọn và miệng mỏng. Tóc ông cắt cua. Giọng nói của ông ôn tồn, hơi khó nghe...”

Nhiều người hình dung ông là một con người cọc cằn, nhưng họ rất ngạc nhiên khi thấy ông khá bình thường. Báo *Guardian* có lần viết “Ông ta chẳng giống con sói dữ chút nào. Dáng điệu thoải mái và và giọng nói Hungary du dương của ông làm cho ông giống như một nhà quý tộc châu Âu. Vầng trán nhẵn của ông chứng tỏ ông bỏ bao nhiêu thì giờ nghiên ngẫm về tình hình thế giới – ông có vẻ trí thức, điều mà ông cũng muốn người ta tin như vậy”.

Theo một nhà báo của tờ *Observer*, Soros đúng là hình mẫu của châu Âu. “Ông là một người không cao to, lịch lãm mang tính nhã nhặn và tính hài hước rõ rệt của xã hội phong lưu Áo-Hung. Ở thời trước, người ta dễ dàng hình dung ông đang ngồi nhấm nháp ly cà phê moka trước một bàn cờ đối diện với Trotsky tại quán Cà phê Central thành Vienna.”

Tờ nhật báo Anh *The Independent* tóm tắt mô tả hình dáng của Soros như sau: “Ông không phải như anh chàng Gordon Gekko phù phiếm, nhân vật phản diện trong phim nổi tiếng của những năm tám mươi, *Wall Street*. Ông có vẻ trẻ hơn tuổi đến chục năm, có lẽ vì tự buộc mình phải chơi quần vợt và không tham gia vào lối sống hào nhoáng mà New York dành cho những người thật sự giàu có. Ông không uống rượu và cũng không hút thuốc, ăn uống thì dễ dãi. Nhìn ông cứ như một vị giáo sư gốc Đông Âu nghiêm túc nhưng hơi luộm thuộm.”

Vào những năm cuối thập niên 70 đầu thập niên 80, Soros nhận thấy việc đầu tư thật quá phiền toái, sự phiền toái này xuất phát từ việc phải quản lý một quỹ đầu tư đã to phình lên quá mức mà Soros xem là có thể kiểm soát được.

Tuy nhiên, ông là một người có khả năng sống sót. Ông đã học được điều này từ cha mình và ông đã thực hành trong Chiến tranh Thế giới lần thứ hai khi vào năm 1944, phải trốn tránh bọn Quốc Xã trong Budapest. Để sống sót qua các thị trường tài chính, nhiều khi phải rút lui khẩn cấp. Đó là điều mà Soros đã làm vào đầu thập niên 1980. Ông thu nhỏ mình lại, giao quyền quản lý quỹ đầu tư cho người khác.

Và ông đi đến một kết luận có tính quyết định. Ông muốn có trong đời một thứ gì hơn là các thành công trong đầu tư. Vì không phải là người theo chủ nghĩa khoái lạc, tiền tài chỉ mang lại cho ông đến thế là cùng. Ông muốn sử dụng đồng tiền của mình một cách có ích. Đây chính là một quyết định có tính tất yếu. Cuối cùng, ông được nhiều người biết đến - trong một số giới ông còn rất nổi tiếng - về công tác từ thiện của ông hơn là tài năng của một nhà đầu tư. Vì không cần gia đình đồng ý và cũng chẳng cần sự chấp thuận của hội đồng giám đốc, một khi đã quyết định sử dụng đồng tiền như thế nào, ông cứ việc tiến hành theo ý muốn.

Loại hình tự do ấy, quyền lực ấy đã làm cho ông phải suy nghĩ kỹ càng và thấu đáo về các lựa chọn của mình. Cuối cùng, ông quyết định đưa ra một đề án lớn để khuyến khích việc xây dựng những "xã hội mở" trước tiên ở Đông Âu và sau đó trong Liên Xô cũ.

Soros đã rời Hungary từ lâu vì ông không chịu được hệ thống chính trị trong nước ông: chủ nghĩa phát xít trong Chiến tranh Thế giới lần thứ hai. Các "xã hội khép kín" sau này đã mọc lên khắp Đông Âu và Liên Xô không làm ông hài lòng, ông là người có lòng tin vững chắc vào loại hình tự do chính trị và tự do kinh tế đang thịnh hành ở Mỹ và Tây Âu.

Những người khác - thường là các chính phủ phương Tây, đôi khi là những tổ chức tư nhân - đã tìm cách gây sức ép cho các xã hội ấy với mục đích là đưa chúng vào con đường dân chủ. Tuy nhiên, chưa bao giờ một cá nhân ở phương Tây lại tìm cách đưa đến những đổi thay to lớn như vậy. Chưa bao giờ một ai có tài sản như Soros lại muốn dùng một phần quan trọng của tài sản ấy để xây dựng các xã hội mở.

Soros tin rằng mình ngang tầm với thách thức ấy. Cũng như trước đây ông đã tự tìm ra cách sử dụng các đầu tư của mình, ngày nay, ông tiến hành từ từ, theo dõi kỹ càng các tiến bộ và dùng tiền một cách thận trọng. Hy vọng của ông, một hy vọng rất dài hơi là nhúng tay vào việc mở các xã hội khép kín ấy ra.

Khi Soros đang suy nghĩ về việc phân phối tiền bạc của mình ở đâu thì tốt nhất, ý tưởng về chuyện các doanh nhân tiến hành

những đề án khổng lồ trên mặt quốc tế để làm thay đổi xã hội thật còn hiếm có. Tổ chức các buổi dạ hội quyền tiền hay xây những khoa của bệnh viện mang tên mình là loại hình từ thiện được làm nhiều hơn là tìm cách mở toang các xã hội. Soros đã có một cách tiếp cận bất bình thường khi ông chọn ra một mục tiêu từ thiện độc nhất - xã hội mở - và gắng sức xây dựng những xã hội mở ở những nơi chưa có nghĩa là ở nhiều nơi trên thế giới.

• • •

Sử dụng nguồn tài chính của riêng mình, Soros muốn gieo mầm cho những người ở Đông Âu hay Liên Xô cũ để rồi họ dần dần tác động lên đất nước của họ nhằm thực hiện các hình thức tự do theo kiểu phương Tây mà Soros ưa thích. Muốn có tác động mà không gây ngờ vực thì thật khó; muốn các chính quyền chấp nhận những hoạt động của mình thì là điều không thể được. Tuy nhiên ông vẫn muốn cố gắng thử. Ông bắt đầu các hoạt động trợ giúp của mình ở Nam Phi vào năm 1979, nhưng thử nghiệm này bị thất bại. Chuyển sang Đông Âu, ông thiết lập căn cứ ở Hungary năm 1984. Về sau ông xây dựng cơ sở ở Đông Âu và Liên Xô cũ.

Chỉ việc đứng vững chân ở các nước ấy cũng đã là một thành tích, vì các chính phủ ở đấy đều tỏ thái độ ngờ vực và chống đối. Nhưng sau cùng thì các Quỹ Soros cũng được mở ra khắp nơi. Vào giữa thập niên 1990, ông tặng cho các quỹ ấy hàng trăm triệu đôla. Năm 1992 và 1993, Soros đã cho không 500 triệu đôla và hứa tặng thêm 500 triệu nữa. Năm 1993, ông giúp cho nước Nga nhiều tiền hơn nhiều chính phủ phương Tây đã giúp, ngay cả sau khi ông tuyên bố là tình hình ở đây thật là "thảm hại".

George Soros, nhà đầu tư lớn nhất thế giới đã trở thành George Soros, nhà từ thiện lớn nhất thế giới.

Ông trở thành vị mạnh thường quân tư nhân quan trọng nhất ở phương Tây giữa sông Danube và dãy Urals. Nhiều người tôn ông là một vị thánh, những kẻ nhạo báng thì nguyên rủa ông là một tên ngoại nhập vô liêm sỉ, nhưng cuối cùng Soros đã thực hiện được sự đổi thay, được kính trọng và đã làm được một điều gì đó ngoài phạm vi của Wall Street và khu tài chính City of London.

Hoạt động từ thiện của ông với mục đích mở toang các xã hội khép kín đã cho ông nhiều sự hài lòng hơn là tích tụ những số tiền ấy. Nhưng nó cũng làm cho ông bị phơi bày ra ánh sáng. Là một nhà đầu tư tư nhân, ông có lợi khi thu mình nhỏ lại nhưng là một nhà từ thiện với những mục tiêu chính trị, ông lại phải sử dụng tiếng tăm của mình để thuyết phục nhiều người tham gia vào các đề án của mình. Ông thích tự quảng cáo cho mình – thật tình là ông chạy theo nó – vì ông muốn cho cả thế giới biết rằng ông không chỉ là một người vô cùng giàu có.

Nhưng Soros vẫn không hoàn toàn vừa ý, vì ông cảm thấy trong quá trình này ông sẽ phải phơi bày trước công chúng cả thế giới đầu tư bí mật của ông. Ông muốn có quảng cáo nhưng phải là quảng cáo tốt. Ông muốn tiếp tục là một người dân thường nếu có thể, nhưng danh tiếng của ông đã quá lớn, thành tích của ông quá nhiều và địa bàn hoạt động của ông quá rộng.

Một khi mà Soros hiểu rằng sẽ không có khả năng trốn tránh ánh đèn chiếu rọi của dư luận lên mình, ông mới tìm cách khai thác danh tiếng mới đạt được của ông. Ông luôn luôn tránh không để lộ các vị thế đầu tư của mình. Bất thành linh ông trở thành người nói nhiều, tuyên bố trước công chúng về những phần nào ông thích thú trong các thị trường tài chính. Ông chưa bao giờ tỏ ra quan tâm đến các vấn đề quốc tế. Nhưng bây giờ ông lại công khai góp ý kiến về một loạt các vấn đề về chính sách ngoại giao, từ NATO đến Bosnia, ông muốn các nhà lãnh đạo thế giới để ý đến ông. Nhưng nhanh chóng, các phát ngôn bừa bãi đã làm hại ông. Chẳng nhận thêm được lòng tôn kính nào mới ông còn bị gán cho là quá ngạo mạn.

Vào giữa những năm 1990, ở tuổi lục tuần, Soros xác nhận một cách chắc nịch mình trước tiên và trên hết là một nhà từ thiện, đã hết thời kinh doanh đầu tư. Ông tiếp tục thu nhỏ mình lại trong công tác đầu tư. Nhưng cú đột kích trên đồng bảng Anh năm 1992 lại làm cho ông trở nên một ngôi sao. Và chính ông cũng có vẻ muốn có ít nhiều quảng cáo. Ông sẵn sàng cho thế giới tham gia vào tất cả các hoạt động từ thiện của mình. Ông tiếp tục bảo vệ thế

giới đầu tư thâm kín của mình ngay cả khi công chúng càng ngày càng muốn biết bằng cách nào con người này đã trở nên nhà đầu tư lớn nhất thế giới.

Câu chuyện sau đây muốn kể về cuộc đời và sự nghiệp của con người lỗi lạc này, về cả hai thế giới công và tư của George Soros. Đây là một cuộc đời và một sự nghiệp lúc đầu gây nhiều tranh cãi nhưng những tranh cãi ấy chỉ giới hạn trong Đông Âu và Liên Xô cũ. Về sau trong những năm đầu của thế kỷ 21, đó là một cuộc đời bị rơi vào vũng xoáy của nền chính trị trong nước Mỹ, và kết quả là ông bị nguyên rủa, bị xem là quỷ dữ và bị căm thù bởi những kẻ thù thuộc phái hữu ở Mỹ, trong khi đó thì ông được mến yêu và kính trọng bởi phái tả ở Mỹ.

CHƯƠNG 2

MỘT CẬU BÉ SỐNG CÙNG CHA MẸ

Phải làm gì đối với một cậu bé nói mình là thần thánh? Phải làm gì với những điều mà cậu bé George Soros nói ra như vậy, khi cậu đang sống vào những năm 1930 trong một môi trường trung lưu cao cấp ở Budapest, một cậu bé có vẻ bình thường, có nhiều bè bạn, thích chơi thể thao và cư xử như bất kỳ trẻ con nào cùng tuổi với cậu.

Chúng tôi có thể nhắc đến những lời nói của cậu lúc đã trưởng thành, đồng thời tự hỏi tại sao cậu không thêm vào những suy nghĩ ấy một điều kiện là cậu thấy thật nực cười cho những ai tin những lời cậu nói lúc nhỏ và thực sự cho cậu là thánh thần.

Nhưng khi lớn lên, cậu không cho thấy một dấu hiệu nào, một cử chỉ nào để bác bỏ cũng như một lời chú giải là cậu không còn có những ý tưởng ấy mà chỉ nói rằng khó có ai tin mình là một vị thần thánh.

Soros viết trong một cuốn sách của mình "Nói ra sự thật là từ bé tôi có một vài ý nghĩ ngông cuồng cho rằng mình có thể là người cứu nhân độ thế, và tôi cảm thấy phải biết kiểm soát nó, nếu không sẽ gặp nhiều phiền toái."

Và khi bàn luận dài dòng nhất về các ý nghĩ ngông cuồng ấy, trong một đoạn của cuốn sách ông viết năm 1987: "*Giả kim thuật*

Tài chính”, Soros tiết lộ rằng lúc còn bé ông đã quá cực nhọc khi cứ phải tiếp tục tin như thế, đây là một gánh nặng bí mật mà ông không muốn thổ lộ cho ai biết. “Chắc bạn đọc cũng không ngạc nhiên khi tôi công nhận là tôi đã có một quan niệm quá mức về sự quan trọng của mình – nói toạc ra là tôi cứ tưởng tôi là một vị thần thánh nào đó hay một nhà cải cách kinh tế như Keynes hay hơn thế nữa là một nhà khoa học như Einstein.”

Ông viết tiếp là đầu óc thực tế của mình đã đủ mạnh để cho ông nhận thấy là những mơ tưởng ấy đi quá giới hạn và ông chôn chúng vào lòng như một bí mật tội lỗi. “Đây là nguồn gốc của một điều bất hạnh rất lớn trong suốt cuộc đời tôi ở tuổi trưởng thành.” Cuối cùng, ông cũng cho phép mình chấp nhận điều bí mật ấy, ít nhất là trong chốn riêng tư, kết quả là ông cảm thấy hạnh phúc hơn rất nhiều.

Vì ông đã nhận là trong thời niên thiếu, ông tự xem mình là một vị thần thánh nên cũng khá khôi hài là về sau, vào những năm 2000, người ta lại gọi ông là quỷ sứ vì họ cho là ông đang tìm cách phá hoại những giá trị truyền thống của nước Mỹ bằng cách giúp đỡ cho những hoạt động chính trị của phe Cực tả.

George Soros có xem là cuộc đời trưởng thành của ông, một nhà đầu tư thành đạt, một nhà từ thiện có uy tín, có gắn với ý tưởng ngông cuồng thời thơ ấu của ông tự xem mình là thần thánh hay không? Nhiều năm về sau, ông tìm cách cải chính lại ý tưởng cho rằng khi nói là có “những ý tưởng ngông cuồng về cứu nhân độ thế” ông tự xem mình là thần thánh. Ông nhấn mạnh là khi nói câu ấy, thật ra ông chỉ muốn nói rằng mình có bốn phận phải giúp đỡ nhân loại.

Nhưng trừ một vài điều trích dẫn qua loa trong những năm trưởng thành, Soros chưa bao giờ giải thích trước công chúng tại sao ông lại nói mình là thần thánh.

Có lẽ, nếu bị ép buộc, ông sẽ nói với mọi người là ông chỉ nói đùa, và chung cuộc, ông chẳng bao giờ tự xem mình là thần thánh. Trái lại, đôi khi ông cũng tự chế diễu cách suy nghĩ của mình thời niên thiếu. Có một lần, một nhà báo đưa ra ý kiến là ông phải được

phong giáo hoàng. Ông trả lời "Cần gì? Bây giờ tôi đã là sếp của Giáo hoàng rồi."

Bởi vì Soros giữ kín những ý nghĩ ngông cuồng thời thơ ấu của mình nên không một ai trong số người quen biết ông thời nhỏ lại nhớ là ông tự xem mình là thần thánh. Họ nhớ rằng ông thích cư xử như mình vượt lên trên những trẻ con khác. Phần lớn những cộng sự của ông cho rằng khi ông nói ông xem mình là thần thánh, Soros chỉ muốn phóng đại để khẳng định sự trội hơn hẳn của mình đối với những người khác. Gần như thể muốn xin lỗi về lời cường điệu của Soros, họ tìm cách đánh trống lảng bằng cách nói là ông cũng không tin lời ông nói.

Có người lại nói, Soros không muốn nói mình là thần thánh mà chỉ vì ông tin là mình có thể nói chuyện với Thượng đế! Một người khác nói là Soros chỉ muốn biểu hiện ý tưởng về một quyền uy vô hạn: nói mình là thần thánh cũng chỉ là cách nói đùa cợt như những người khác thường ví mình với Napoléon.

Có vẻ là những người quen biết George Soros muốn đưa ông trở lại thực tế. Xem như là họ không muốn có một người bạn hay một đồng nghiệp lại thật sự xem mình là thần thánh. Những người khác mà thốt ra những câu nói ấy thì chắc sẽ bị họ cho là điên. Nhưng đối với George Soros, họ không được nghĩ như vậy. Dù sao thì ông cũng là một người mà họ kính sợ.

• • •

Vì sao cậu bé George lại có những ý nghĩ như thế?

Có lẽ bố mẹ cậu đã nghĩ như vậy. Chắc chắn là họ yêu thương cậu hết mực. Tuy ông Tivadar, người cha và bà Elizabeth, người mẹ cũng yêu thương người con trai khác của họ nhưng người này không hề có dấu hiệu tự xem mình là thần thánh.

George sinh ra ở Budapest ngày 12 tháng Tám năm 1930. Khi sinh, ông mang tên Hung là Dzjchzhe Shorash, chuyển sang tiếng Anh thành George Soros. Mặc dù trong tiếng Hung, tên này được đọc là Shorosh, nhưng George giúp cho bạn bè Anh Mỹ dễ đọc bằng cách phát âm tên mình là Soros.

Người anh trai duy nhất của ông, Paul, ra đời trước ông hai năm.

Dù có những khiếm khuyết gì chăng nữa thì ông Tivadar Soros cũng đã là một hình mẫu mạnh mẽ cho người con út của mình. Ông là một luật sư và khi George ra đời, ông đã trải qua những kinh nghiệm khủng khiếp nhất đã thay đổi cuộc đời ông. Là một tù binh Áo-Hung trong Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất, ông sau đó đã trải qua ba năm đầy sóng gió ở Nga – từ những ngày đầu của cuộc Cách mạng tháng Mười năm 1917 đến cuộc nội chiến năm 1920. Trong những năm nội chiến, ông chạy trốn ở vùng Siberia chỉ mong sống sót. Những gì phải làm để sống sót, ông làm hết dù cực khổ bao nhiêu cũng chịu.

Khi kể lại những năm đầy hiểm nguy ấy, Tivadar nói với George là trong loạn lạc của thời buổi cách mạng, bất kỳ cái gì cũng có thể xảy ra hết. Dù đó không phải là phương thức để sống sót nhưng những lời nói ấy rất có trọng lượng đối với cậu con trai.

Dần dà, George khám phá ra rằng cha mình là một người khôn ngoan, quý quyết nữa là đẳng khác, ông đã sử dụng tài trí của mình để vượt lên bao nhiêu người khác. Anh thanh niên George rất thán phục cha mình.

Ferenc Nagel, nhỏ hơn George một tuổi, vẫn còn ở Budapest vào giữa những năm 1990. Ông là một kỹ sư hóa học và làm việc cho Tungsram, công ty bóng đèn nổi tiếng của Hung. Lần đầu tiên ông gặp George là vào năm 1936 trên đảo Lupa, nơi nghỉ mát mùa hè trên sông Danube, cách Budapest nơi hai gia đình Soros và Nagel cư ngụ, một tiếng đồng hồ xe hơi về phía Bắc. Nagel nhớ lại là khi có gì không hay xảy ra, Tivadar vẫn có cách chống chọi. “Ông ta không bao giờ bị khuất phục”. Điều này, Nagel nói một cách quả quyết, chính là di sản của Tivadar truyền lại cho con. Phải thực tế. George cũng công nhận; “Ông ấy đứng về phe nào trong cách mạng? Lẽ tất nhiên là về cả hai phe. Ông phải tìm cách sống sót.” Đối với George, điều quan trọng là ông Tivadar có các đặc tính của một con người sống sót. Sống sót là một giá trị đã trở thành cao quý trong cuộc đời của George.

Một vài tính cách của Tivadar tỏ ra rất đáng phục trong thời chiến, nhưng trong thời bình lại kém đi. Thật vậy, vào những năm 1930, Tivadar không còn là một anh hùng trước mắt những người dân đảo Lupa. Nước da sẫm, tóc đen, mắt đen - ông ta khá điển trai, vóc người rắn chắc như một vận động viên, ham mê thể thao. Ông ta cũng nổi tiếng là có con mắt lăm la lăm lét, tiêu xài hoang phí và không thích làm việc. "Cha tôi không làm việc. Ông ấy chỉ kiếm tiền." Đối với George, ông ta là như vậy.

Ferenc Nagel giữ trong trí óc một hình ảnh rất rõ nét về chuyện Tivadar Soros sẵn sàng đi làm việc vào mùa hè năm 1930.

Tivadar đi chuyến tàu 7 giờ sáng từ nhà trên đảo Lupa đến sở ở Budapest.

"Khi nghe tiếng tàu sắp đến" Nagel nhớ lại "Tivadar mới mặc quần vào và bắt đầu cạo râu. Ông ta đi ra tàu tay còn cầm dao cạo, và tiếp tục cạo trên đường đi và ngay cả trên tàu. Tất cả chỉ vì muốn ngủ đến phút cuối cùng. Đối với một luật sư thật không bình thường chút nào cả. Ông ta luôn luôn rất láu lỉnh"

Láu lỉnh có nghĩa là không tuân theo các tục lệ, không chơi theo đúng luật và hay theo lối tắt.

George có vẻ thông cảm với cách sống của cha mình hơn những người khác vì họ thấy Tivadar cứ trốn tránh công việc nhọc nhằn. Lễ tất nhiên, về sau George cũng phải công nhận, cha ông làm việc rất ít sau khi trở về từ Chiến tranh Thế giới I. Dù sao thì cũng chẳng có gì là xấu. Tivadar ở nhà nhiều hơn và George thích như vậy. Ông thích nói chuyện với cha mình và học được nhiều điều từ những cuộc nói chuyện ấy. Nếu những người khác thấy Tivadar có tính tiêu xài bừa bãi thì George chẳng hề quan tâm. Đối với ông, tiền bạc của cha mình cứ lên lên xuống xuống thì chẳng có gì là quan trọng. Tuy nhiên, dù không cố ý, Tivadar đã truyền cho con mình một thông điệp mà người con giữ suốt đời: "Một phần tôi học được là sự vô bổ của việc kiếm tiền chỉ vì đồng tiền. Tài sản có thể là một trọng lượng chết."

Đối với một người như Tivadar đã đặt sự sống sót lên trên hết thì có nhiều tiền cũng có những bất lợi. Nhiều người khác sẽ tìm

cách cướp đi tiền bạc của những người quá giàu có. Có nhiều tiền sẽ làm cho người ta mềm yếu đi, càng khó cho sống sót. Tivadar truyền những giá trị ấy cho con mình và chúng bèn rẽ vào tâm khảm George. Về sau, khi có nhiều tiền quá sức ước mơ của bất kỳ ai, Soros không thấy hào hứng lắm khi kiếm được nhiều tiền như vậy.

Việc Soros nhảy vào lĩnh vực từ thiện với một lòng nhiệt tình thực sự cho thấy rõ là ông không thích thú chút nào khi kiếm tiền nhưng lại rất sốt sắng nếu được đi sâu vào việc giải quyết một vài căn bệnh của thế giới.

Món quà lớn nhất mà Tivadar dành cho con út của mình là chăm sóc anh rất chu đáo. Ông thường xuyên nói chuyện với anh, trao đổi về một vài bí mật của cuộc sống mà ông hiểu ra và thường làm anh cho cảm thấy mình cũng quan trọng. Ngoài việc cài vào đầu cậu bé một ý thức về giá trị cá nhân của mình, Tivadar tăng cường lòng tự tin của con, cho anh biết rằng cũng như bố, anh có thể khắc phục mọi khó khăn và xử lý mọi tình huống phức tạp. Và cũng như Tivadar đã làm, George biết rằng để giải quyết các vấn đề thường tốt nhất là tìm đến những phương pháp không cổ điển.

Nếu Tivadar dạy cho con trai mình nghệ thuật sống sót thì mẹ của George, bà Elizabeth, lại truyền thụ cho George lòng yêu nghệ thuật và văn hóa. George hết sức gắn bó với mẹ. Hội họa và điêu khắc, âm nhạc và văn chương đều là những bộ phận quan trọng trong cuộc đời của Elizabeth và bà cũng muốn truyền lại cho con trai lòng yêu mến những thứ ấy. George thích hội họa hơn là âm nhạc. Về sau mối quan tâm của ông về triết học có lẽ bắt nguồn lòng tha thiết của chính Elizabeth trên lĩnh vực này. Dù cả nhà chỉ nói tiếng Hung nhưng về sau George nói cả tiếng Anh, tiếng Đức và tiếng Pháp.

Yehuditte Simo, một cô bạn thời trẻ, cũng sống ở Budapest trong những năm 1930, vào khoảng giữa thập niên 1990 nhớ lại George như một "cậu bé rất dễ thương". Bà quen George và bố mẹ ông khi ở trên đảo Lupa.

Bà nhớ lại là cuộc đời của bà Elizabeth thật "không dễ dàng" chút nào. Tật tiêu xài tự do và thoải mái của Tivadar và việc ông không thích làm việc liên tục gây căng thẳng trong gia đình. Dù cố

gắng hết sức, Elizabeth cũng không thể ngăn cho các căng thẳng ấy thỉnh thoảng trở nên bùng nổ. Người nhỏ nhắn, trông có vẻ mảnh khảnh, tóc vàng, Elizabeth là một bà nội trợ truyền thống, chăm sóc cho hai cậu con trai và quản lý một gia đình có vẻ người Hung hơn là người Do Thái. Cũng như nhiều người Do Thái Hung khác thuộc thành phần trung lưu cao cấp, Tivadar và Elizabeth rõ ràng là không thoải mái lắm với nguồn gốc tôn giáo của mình. Về sau, Soros nói với những người quen: "Tôi lớn lên trong một gia đình Do Thái chống Do Thái." Vì có tóc vàng mắt xanh giống mẹ hơn là giống người cha có màu da xạm, nên George không có vẻ gì là Do Thái cả. Kỳ thật, ông thường hờ hững khi những đứa trẻ khác nói "Mày chẳng giống Do Thái gì cả". Chẳng có gì làm ông vui sướng hơn khi được nghe người ta nói ông không hề có diện mạo của một người Do Thái.

Vì muốn vứt bỏ đạo Do Thái mà Tivadar tìm đủ mọi cách để làm ra vẻ mình thuộc cộng đồng Kitô giáo. Thí dụ như trong Chiến tranh Thế giới lần thứ hai, ông sai George đi xin thuốc lá từ những người lính. Sau đấy Tivadar đưa thuốc lá cho những người bán hàng Do Thái. Đối với Tivadar, làm như vậy chỉ cốt cho người ta tưởng ông là một người không phải Do Thái đang nói lên tình đoàn kết với những người Do Thái ấy. Làm như vậy có vẻ an toàn hơn.

• • •

Dù tìm đủ mọi cách để tách mình ra khỏi đám đông nhưng các bạn thời nhỏ của Soros không nhớ ông như là một cậu bé đặc biệt. Ông có thể thấy mình là thần thánh nhưng không một ai trong các bạn của ông lại xem ông có những đức tính gì đặc biệt, dù chỉ là của người thường.

Theo mọi lời kể, ông không là một thiên tài nhưng thông minh và thường tỏ ra có sáng kiến. Lúc 10 tuổi, George cho xuất bản một tờ báo mang tên *Tiếng kèn của Lupa* (Lupa Horshina). Ông viết tất cả các bài báo và trong hai mùa hè, ông đem bán cho các gia đình với một giá khiêm tốn. Ferenc Nagel nhớ lại là George hình như hơi hung hăng đối với người lớn. "Khi anh ta tin vào cái gì, anh sẽ bảo vệ nó đến cùng. Tính tình anh ta thật cứng rắn và muốn thống trị người khác."

Lúc nhỏ, George rất giỏi trong các môn thể thao, nhất là bơi lội, đi thuyền buồm và quần vợt. Lupa có hai sân quần vợt cho 40 gia đình, rõ ràng là một xa xỉ. Ông không thích chơi bóng đá xem đó là một thứ thể thao của giới trung lưu cao cấp vậy không phải cho ông. Ông thích chơi các trò chơi, tất cả các loại. Đặc biệt ông thích chơi trò chơi *Capital*, một loại *Monopoly* của Hungary. Từ lúc lên 7 tuổi ông thường chơi trò chơi này với đám trẻ, ông là người chơi hay nhất. Chơi dở nhất là George Litvin. Đối với các bạn thời thơ ấu, thật không có gì là ngạc nhiên khi George Soros trở thành một đại gia trong ngành tài chính còn Litvin thành một sử gia. Luôn luôn thắng trong trò chơi *Capital* làm cho ông chán ngấy. Để cho trò chơi thêm phong phú ông đặt ra những quy tắc mới. Một quy tắc làm cho trò chơi phức tạp hơn là thêm vào một sản chứng khoán. Khi nhà tài phiệt Soros trở lại Hungary năm 1960, ông tìm gặp Ferenc Nagel và ông này hỏi Soros đang làm nghề gì để kiếm sống. Soros mỉm cười hỏi lại: "Cậu còn nhớ ta chơi trò chơi *Capital* lúc bé không? Thế đấy, bây giờ thì tớ vẫn chơi như vậy."

• • •

Trẻ con ở Budapest phải đi học đến năm 14 tuổi. Đối với các gia đình nghèo khổ, cho con đi học quá tuổi ấy thật là khó khăn.

Miklas Horn, một giảng viên kinh tế ở Budapest là bạn học tiểu học với George. Lần đầu tiên họ quen nhau là vào năm 1940, lúc cả hai đều 10 tuổi. Cuối năm ấy họ chuyển về một trường công lập dành cho con cái các gia đình trung lưu. Trong suốt 6 năm sau, Horn vẫn học cùng lớp với George.

Ở tiểu học, George là người có tính tình thoải mái. Vì thế cho nên anh và Miklas Horn không phải là bạn thân. "George là một người táo bạo, thoải mái còn tôi thì vững chắc và trầm tĩnh. Anh ta thích đánh nhau với các bạn khác. Thật vậy, George đã học đấm bốc và biết tự bảo vệ mình." Ở trường của George tất cả các năm học đều chia thành hai lớp, một lớp cho trẻ em Do Thái, một lớp cho những học sinh không phải Do Thái. George và Miklas Horn ở trong lớp Do Thái. Horn nhớ rất rõ những cuộc đụng chạm giữa các trẻ em Do Thái và không Do Thái. Nếu những cú đấm đá không phải là biểu hiện của các cảm nghĩ bài Do Thái, Horn nhớ

lại, thì các bạn cũng hiểu rằng các cuộc đánh nhau xảy ra phần lớn giữa trẻ Do Thái và trẻ không Do Thái. Horn nhận xét thêm: "Tiềm ẩn phía dưới là một ý tưởng bài Do Thái. Các cuộc đánh nhau cũng có một hàm ý chính trị nữa."

Dù cậu bé George cũng tham gia vào nhiều cuộc đấm đá nhưng sự hung hăng của cậu ở sân trường không phải để chống lại thái độ bài Do Thái. Miklas Horn cho rằng, thật tình thì anh ta không muốn gắn bó mình quá chặt với bất kỳ lớp nào, giữ quan hệ tốt với cả các bạn Do Thái và không Do Thái.

Dù rằng lúc trưởng thành, Soros thích xem mình là một trí thức, nhưng ông ta chỉ về sau mới phát triển, bạn học không ai nhớ ông đã là một học sinh giỏi cả. Và cũng chẳng ai nhớ là ông đặc biệt thích một đề tài nào hết. Theo Miklas Horn, "George không phải là một học sinh thật xuất sắc. Anh ta thuộc vào hạng trung bình trong lớp. Nhưng anh ta là người có tài ăn nói."

Pal Tetenyi cũng học trường công lập cùng thời ấy và cũng như Miklas Horn, ông nhớ rằng George Soros cũng chỉ là một học sinh trung bình. Có một chuyện xảy ra ông nhớ rất rõ. Đó là vào mùa xuân năm 1942 khi cả ông và George đều lên 12 tuổi.

George và Pal Tetenyi có một buổi họp của hướng đạo sinh và được thông báo là một Hội Quốc tế ngữ sắp được thành lập. Những ai muốn gia nhập Hội thì ghi tên vào một mảnh giấy đặt trên một chiếc ghế.

George chơi khăm vỗ lấy mảnh giấy và làm cho Tetenyi không ghi được tên. Pal nhớ lại "George chế nhạo tôi và tôi sợ là anh ấy làm cho mọi người cười tôi. Tôi muốn tấn công lại. Thế là chúng tôi bắt đầu đánh nhau." Hai đứa trẻ lăn xuống dưới ghế và chúng nhanh chóng phát hiện ra là có một thầy giáo giận dữ đang nhìn xuống chúng. Cả hai đều bị cảnh cáo vì tội đánh nhau.

Khi Chiến tranh Thế giới lần thứ hai bùng nổ vào tháng Chín năm 1939, George mới lên 9 tuổi. Nhưng cuộc đời ông không có gì thay đổi vì lúc ấy bọn Quốc Xã không đe dọa Hungary. Dân chúng ở Budapest vẫn sống bình thường. Trong năm đầu tiên của cuộc

chiến, Hồng quân Liên Xô đưa quân vào Phần Lan. Có lần George đọc trong một tờ báo địa phương lời kêu gọi giúp đỡ Phần Lan.

Chạy vội đến tòa soạn tờ báo theo lời kêu gọi, George đã gây ấn tượng đặc biệt đến ban biên tập, họ không ngờ một cậu bé chín tuổi lại chịu khó tỏ lòng giúp đỡ một dân tộc ở một nước xa xăm. Họ bèn viết một bài báo kể lại chuyện cậu bé George đến thăm tòa soạn báo.

Khi cuộc chiến leo thang, nguy cơ Hungary bị Đức xâm lược ngày càng lớn. George Soros và những người khác trong cộng đồng Do Thái ở Hungary không thể tránh khỏi bị lôi cuốn vào chiến tranh. Thật vậy, trong những năm tiếp theo, chiến tranh đã đến với họ một cách không thể nào quên được.

CHƯƠNG 3

NHỮNG CĂN HẦM Ở BUDAPEST

Cuộc sống của những người dân Budapest vào năm 1943 có vẻ êm ả một cách kỳ lạ. Lúc ấy quân Đồng minh đã đã đặt chân lên miền Nam nước Ý và chiến đấu cơ của họ đã có thể bay đến Budapest. Trong khi thành phố có vẻ sẽ không bị tấn công thì những trận đánh ác liệt đang diễn ra ở những nơi khác khắp châu Âu và có khả năng chiến tranh sẽ lan đến Hungary. Than đá để sưởi ấm không có nhiều và trường học đóng cửa vì sợ các trận ném bom.

Vào mùa xuân năm 1944, bọn Quốc Xã đã tiêu diệt phần lớn các cộng đồng Do Thái khắp châu Âu. Trong số 1 triệu người Do Thái ở Hungary, cộng đồng Do Thái lớn nhất Đông Âu, người ta sợ là sắp đến lượt mình. Nhiều tin đồn được loan ra về những cuộc thảm sát tập thể ở Auschwitz. Quân Nga đang tiến dần về phía Tây. Họ có kịp thời đập tan các cứ điểm của Quốc Xã trên khắp châu Âu để cứu người Do Thái Hungary không? Đối với dân Do Thái ở Budapest, cơn ác mộng hình như sắp đến.

Ngày 19 tháng Ba năm 1944 là một ngày Chủ nhật và gia đình Soros nghỉ trên đảo Lupa. Họ ở khá xa để có thể nghe hay thấy cuộc chiến đang diễn ra gần Budapest về phía Nam. Xe tăng Đức đang tiến dọc hai bờ sông Danube phía Buda và phía Pest. Cuộc xâm lược của Quốc Xã đã bắt đầu. Đây chỉ là một cuộc xâm lược

“hòa bình”. Không hề có một tiếng súng, người ta chỉ nghe độc nhất tiếng xích xe tăng loảng xoảng và tiếng gầm rú của động cơ. Đường phố thì vắng tanh và ai ai cũng muốn trốn ở nhà cho đến khi chắc chắn là an toàn. Việc chính là nâng máy điện thoại.

Cũng như nhiều người khác ở Budapest, George tin rằng cuộc xâm lược đất nước ông của bọn Quốc Xã sẽ qua nhanh, có lẽ không quá sáu tuần lễ. Như vậy cũng có vẻ có lý. Quân Quốc Xã đang lui ở mọi nơi. Chiến tranh có vẻ đang ở hồi cuối.

Sáu tuần. Một thời gian không dài lắm. Nhưng chẳng ai biết thật sự như thế nào. Chỉ còn mong cho mọi việc tốt lành và ẩn nấp mà thôi. Ra đường là chỉ đi vào cái chết. Cộng đồng Do Thái Budapest lúc ấy có những người mơ mộng và những người thực tế. Những người mơ mộng thì cứ bám vào các ảo tưởng của mình. Cho đến phút cuối cùng trước ngày 19 tháng Ba, họ vẫn tin là quân đội của Hitler sẽ không bao giờ đến.

Ngay cả đến khi xe tăng Quốc Xã đã lăn xích trên đường phố, những người mơ mộng cho rằng cũng chẳng sao đối với dân Do Thái, những câu chuyện về đàn áp người Do Thái khắp châu Âu có thể là không có thật và trước sau thì chiến tranh sẽ nhanh chóng chấm dứt.

Những người thực tế cũng tin là chiến tranh sắp kết thúc nhưng họ tin là có thật những chuyện thảm sát tập thể ở Auschwitz và ở những nơi khác và họ tự hỏi là chiến tranh có thể nhanh chóng kết thúc để họ tránh được các thảm sát như thế không?

Những câu chuyện gây mất tinh thần ấy đối với Tivadar Soros có vẻ là có thật. Ông đã quan tâm về bọn Quốc Xã từ lúc chúng lên nắm chính quyền một thập niên trước đó. Quan sát thấy sự hung bạo quá khích và vô nghĩa của chúng đã bùng nổ thành một cuộc chiến tranh thế giới, ông lo sợ rằng bạo lực cuối cùng sẽ lan đến Hungary, đến Budapest và đến gia đình ông.

Đã sống sót qua một hình thức bạo chính trong Chiến tranh Thế giới I, Tivadar thề rằng ông sẽ đưa gia đình ông vượt qua một cuộc chiến nữa. Ông ít phải lo sợ về vấn đề tài chính vì ông đã bán đi một ít đất đai khi chiến tranh mới bùng nổ. Ông tỏ ra vô cùng tự

tin; sự bình tĩnh của ông làm cho cả George, Paul và Elizabeth yên lòng. Ferenc Nagel, lúc ấy là một cậu bé 13 tuổi, nhớ lại vào mùa xuân ấy, cha ông hay chơi trò chơi buồn khổ là đoán thử xem bao nhiêu trong số người thân và bạn bè của mình sẽ bị giết. Ông bố khủng khiếp đoán rằng ít ra cũng một nửa trong số ấy; ông dừng lại một chút rồi nói tiếp với vẻ tin tưởng "Nhưng không có gia đình Soros. Không có gia đình Soros."

Tivadar là một người biết sống sót. Ông sẽ chăm cho gia đình mình.

• • •

Trong vòng 12 tháng tiếp đó, 400.000 người Do Thái ở Budapest bị tàn sát, một chứng nhận buồn thảm cho lời tiên đoán của người cha của Ferenc Nagel. Những người sống sót, kể cả George Soros và gia đình ông, đã phải trải qua những ngày đêm khủng khiếp.

Khi chính quyền Quốc Xã giao cho Hội Đồng Do Thái Budapest nhiệm vụ phân phát các lệnh đi đày cho người Do Thái, Hội đồng đã chuyển lại công việc khủng khiếp này cho bọn trẻ con.

George là một trong đám trẻ ấy. Tại văn phòng của Hội đồng, ông được người ta trao cho những mảnh giấy nhỏ trên ấy viết tên những người bị đi đày. Mỗi mảnh giấy có chứa lệnh cho đương sự phải đến tập trung ở chủng viện Do Thái vào chín giờ sáng ngày hôm sau mang theo một cái chăn và thức ăn cho 24 tiếng đồng hồ.

George muốn hỏi ý kiến cha. Khi đưa danh sách cho cha mình xem, ông thấy nét mặt người cha nhăn nhó có chiều đau khổ, ông mới phát hiện ra là bọn Quốc Xã đang bắt hết những luật sư Do Thái của Hungary.

Tivadar nói với con: "Con đi giao các thông báo này đi nhưng phải nói rõ với mọi người rằng đây là những lệnh lưu đày."

George nghe lời cha nhưng ông phát hiện ra rằng vài người ông nói cho biết như thế đã không trốn bọn Quốc Xã dù sẽ bị lưu đày. Nếu bọn Quốc Xã ra lệnh lưu đày các luật sư Do Thái thì đó là pháp luật, và pháp luật phải được tuân thủ.

Có một người nói: "Cháu nói lại với cha cháu rằng bác là một công dân tôn trọng pháp luật, bác luôn luôn là một công

dân tôn trọng pháp luật, không phải là bây giờ bác lại bắt đầu làm sai luật pháp.”

• • •

Tivadar Soros là một người cha cần thiết cho những thời buổi khủng khiếp ấy. Trên đầu người dân Do Thái Budapest có một bản án tử hình tự động, một bản án tử hình cho cả George nếu bọn Quốc Xã tìm ra ông là Do Thái. Cuộc hành trình như cơn ác mộng đến một trại tập trung tình hình trở thành một khả năng có thật.

Tivadar nói với con mình: “Đây là một cuộc chiếm đóng chẳng còn luật pháp nào cả. Các quy luật bình thường không thể áp dụng được. Con phải quên đi cách cư xử trong một xã hội bình thường. Đây là một tình trạng bất thường.”

Một “tình trạng bất thường” có nghĩa là George có quyền cư xử một cách mà trước kia được xem là bất lương hay tội phạm, cha ông giải thích cho ông như vậy. Sự có mặt của chính quyền Quốc Xã ở Budapest biện hộ cho cách cư xử như vậy.

• • •

Tivadar sắp xếp cho George sống trong “tình trạng bất thường” này. Để bảo đảm cho con mình khỏi bị chính quyền Quốc Xã bắt, Tivadar đút lót cho một viên chức chính phủ Hung để con ông được giả danh là con nuôi của một quan chức không Do Thái của Bộ Nông nghiệp Hungary. Tivadar mua cho con ông các giấy tờ căn cước giả, đó chính là chìa khóa của sự sống sót của George.

Trong suốt thời gian chiến tranh, George Soros trở thành Janos Kis. Tivadar cũng giúp tiền cho người vợ gốc Do Thái của quan chức nọ để bà trốn thoát bọn Quốc Xã. Nhiều năm về sau, George nói ví von là các hành động của cha ông chỉ là những “dịch vụ buôn bán” không hơn không kém.

Viên chức Hung nhận đút lót của Tivadar phụ trách việc tịch thu tài sản của những người Do Thái đã bị đày đi Auschwitz.

George đi theo ông ta trong khắp nước Hung. Đối với một thiếu niên, việc này có rất nhiều nguy hiểm. “Nếu bị bắt, tôi có thể bị giết” George Soros nhận xét như vậy mà không hề có cảm xúc gì hết như thể tình thế của ông không hề nguy hiểm gì cả.

Dù George có sở hữu giấy tờ giả mạo, nhưng ông và gia đình vẫn thấy cần phải trốn tránh càng nhiều càng tốt - phòng khi bị phát hiện ra. Một chỗ ẩn náu là một căn hầm, xung quanh có tường đá bao bọc. Lối đi vào là những bậc thang đá hẹp và ngoằn ngoèo. Trong hầm lại có một chỗ ẩn khác, núp được kỹ hơn, nằm sau một cánh cửa khóa kín. Gia đình sử dụng chỗ ẩn náu thứ hai ở phía trong khi có người đến khám nhà.

George và gia đình có tất cả 11 chỗ ẩn náu. Thường thì họ phải sống hàng tuần trong các gác xép hay căn hầm của bạn bè, không bao giờ biết là có phải tức tốc dọn đi hay không. Nếu cậu bé George 14 tuổi thấy sợ hãi vào những lúc ấy thì sau này ông không bao giờ chịu thú nhận.

Đối với ông, năm ấy quả thật giống như một cuộc phiêu lưu lớn. Có một lần, cả George và Tivadar đều trốn ở cùng một chỗ, cả hai mang căn cước giả là người không phải Do Thái. Họ nói chuyện với nhau không như cha con nói với nhau cốt không để lộ sự thật ra ngoài.

Có một lần khác, trong khi cả gia đình trốn trong một căn hầm, George, Paul và Tivadar giết thì giờ bằng cách chơi trò chơi. Tiền đặt là một ít kẹo. Khi George hay Paul thắng, họ ăn hết sạch kẹo thu được. Còn Tivadar thì không chịu ăn kẹo, có lẽ nhớ lại một memento cũ để sống sót trong Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất.

George thấy tất cả những gì phải trải qua trong chiến tranh vào năm 1944 thật là ly kỳ và về sau ông mô tả như những năm hạnh phúc nhất trong đời. Ông cảm thấy mình như Indiana Jones, người hùng trong phim, quên đi mọi nguy hiểm, không hề biết sợ là gì. Có Tivadar bên cạnh thật là khác hẳn: George rất hãnh diện về người cha của mình và được lòng tự tin của Tivadar cổ vũ, ông xem Tivadar là một người anh hùng thật sự.

Dù mang những khuyết điểm lộ liễu nhưng Tivadar đã dạy cho George những bài học quý giá về nghệ thuật sống sót.

Bài học thứ nhất: *Chấp nhận những mạo hiểm cũng không sao.*

Phải liều mạng hàng ngày trong giai đoạn sau của Chiến tranh Thế giới II, Tivadar cuối cùng xem tất cả những mạo hiểm khác là chấp nhận được.

Bài học thứ hai: *Khi mạo hiểm, đừng đánh cược cả gia sản của mình.*

Đừng bao giờ liều mạng tối đa. Như thế thì thật điên rồ, không thực tiễn và không cần thiết.

Tuy nhiên khi trốn bọn Quốc Xã, George không có cách nào khác là phải liều mạng tối đa. Khi nhận những giấy tờ giả, ông biết là nếu bị phát hiện thì có nghĩa là bị giết.

Về sau, trong kinh doanh, ông có nhiều quyền rộng rãi hơn.

Ông không phải có những lựa chọn một sống hai chết. Ông có thể mạo hiểm mà không cần lo là nếu không thành công thì sẽ mất hết. Chỉ cần có khả năng hồi phục mà thôi.

"Tôi rất quan tâm đến sự cần thiết phải sống sót," ông phát biểu trong một cuộc phỏng vấn trên truyền hình lúc đang ở trên đỉnh của thành công vào năm 1992 "chứ không nghĩ đến việc phải chịu những rủi ro có thể làm tôi sạt nghiệp."

Chiến tranh đã dạy cho George một bài học khác.

Bài học thứ ba: *Giữa nhận thức và thực tế có một khoảng cách.*

Tất cả chúng ta đều đã có những quan điểm đã xác định từ trước và những thành kiến ấy không nhất thiết phải phù hợp với cách mà thế giới hoạt động thật sự.

Chính khoảng cách giữa nhận thức và thực tế mà ông sẽ tìm tòi khám phá khi ông xây dựng các lý thuyết của mình về tri thức con người và sau đây, về các thị trường tài chính.

• • •

Vào mùa thu 1945, George Soros trở lại trường. Sau chiến tranh, không còn có việc chia thành hai lớp cho học sinh Do Thái và học sinh không Do Thái. George bây giờ đã 15 tuổi và cũng như những học sinh khác đã trải qua chấn thương Quốc Xã, ông đã chín chắn hơn nhiều so với tuổi. Chấn thương ấy vẫn còn thấy rõ ở nhiều học sinh. Pal Tetenyi nhớ lại "Kỷ luật trong lớp thật là khủng khiếp. Nhiều bạn mang súng ngắn đến lớp. Có súng trong túi là một việc tốt. Nó chứng tỏ là chúng tôi đã trưởng thành. Nhưng cũng trẻ con quá."

Những cư dân trên đảo Lupa, kể cả George và gia đình, lần đầu tiên sau chiến tranh trở lại thăm đảo vào mùa xuân năm 1945. Họ nói với nhau về những chuyện xảy ra trong chiến tranh, kể lại cách mà họ làm để có thể sống sót và phác họa những kế hoạch trong tương lai gần, những kế hoạch gắn liền với những gì mà họ tin rằng sẽ đến với đất nước Hungary sau chiến tranh.

Mỗi người trong họ phải vật lộn với một câu hỏi đau lòng: ta có phải rời nước ra đi không? Đã sống sót qua thời Quốc Xã, người Hung không muốn chuyển từ một cuộc đời đầy đe dọa sang một cuộc đời khác cũng như thế. Nếu chính phủ mới cũng đối xử với dân chúng mình như bọn Quốc Xã thì tốt hơn nên ra đi, và càng sớm càng tốt.

Tuy nhiên, chính phủ mới có ôn hòa hay lại hung dữ thì chưa ai biết. Cụ thể là không ai có thể nói chắc chắn là vai trò của người Nga trong chính quyền Hungary sẽ to lớn như thế nào.

Vài người trong số các bạn bè của gia đình Soros thì tràn đầy hy vọng, họ tin rằng mọi việc sẽ tốt đẹp, người Xô viết sẽ nhân từ hơn bọn Quốc Xã rất nhiều. Vài người khác lại có vẻ nghi ngờ và yếm thế. Họ sẵn sàng chuẩn bị hành trang và ra đi khi nào có thể, khi còn xin được hộ chiếu.

• • •

George Soros nằm trong nhóm sau này. Ông thấy đây là lúc để rời bỏ Hungary và chạy sang phương Tây. Ông bỏ chạy lúc mới 17 tuổi, vào mùa thu năm 1947. Vì muốn học cho xong ngành kỹ thuật, người anh ông, Paul, ở lại Hungary thêm một năm nữa.

Điểm dừng chân đầu tiên của George là Bern ở Thụy Sĩ, nhưng sau đó không lâu ông chuyển sang London, một nơi có vẻ rất hấp dẫn đối với một thiếu niên. Người cha đã cho ông đủ tiền để thực hiện cuộc hành trình. Nhưng khi đến London, ông phải tự mình lo liệu lấy. Lúc ấy ông chỉ nhận được trợ giúp từ một bà cô đã lập nghiệp ở Florida.

• • •

Mặc dù nước Anh đáng lẽ phải cho George Soros một cuộc sống hạnh phúc nhưng ông thấy mình có quá ít tiền và bè bạn để

có thể tận hưởng những gì mà London dành cho ông. Đây là một trong những giai đoạn khó khăn nhất trong đời của Soros. Ông cô đơn và gần như cạn túi. Nhưng ông vẫn muốn tìm ra tia sáng trong bóng tối. Ngồi trong một quán cà phê ở London, ông tự nghĩ một cách hơi hài hước:

"Ta đã đến đây. Ta đã xuống đáy vực thẳm. Cảm giác này có phải là kỳ diệu không? Ta chỉ có một con đường để đi."

Lẽ tất nhiên rơi xuống đáy vực thẳm chẳng có vẻ gì là một cảm giác kỳ diệu cả và việc đọc nhất mà một cậu thanh niên 18 tuổi có thể làm là đi từ việc lật vạt này sang việc lật vạt khác với lòng hy vọng là vận may sẽ tới. Ông làm người phục vụ trong một nhà hàng tên là Quaglino's ở khu Mayfair của London, một nơi có các nhà quý tộc và diễn viên điện ảnh ăn uống và nhảy nhót thâu đêm suốt sáng. Đôi khi, lúc trong túi gần hết sạch tiền, George phải ăn những chiếc bánh phồng có nhân mà khách để thừa lại. Nhiều năm về sau, ông nhớ là lúc ấy ông ghen tị với con mèo được ăn cá mòi trong khi ông rất thèm ăn cá ấy.

Ông làm hết việc bán thời gian này đến việc bán thời gian khác.

Vào mùa hè năm 1948, ông làm công việc đồng áng trong chương trình Giúp tay cho Nông dân. Con người mà vào đầu thập niên 1990 trở thành điển hình của ngành tài chính cao cấp lúc ấy lại tổ chức một cuộc đình công để người lao động được trả công theo khối lượng công việc chứ không phải theo ngày. Vì những nỗ lực của Soros, ông và các công nhân khác tăng thêm thu nhập. Ông làm nghề hái táo ở Suffolk. Ông cũng làm thợ sơn và sau này hay khoe với bè bạn là mình sơn nhà không phải tối.

Những công việc lật vạt, sự nghèo khổ và sự cô đơn thật chẳng có gì là thích thú lắm và nhiều năm sau, George không xóa bỏ được những hình ảnh cơ cực ấy. "Qua những việc này, tôi cảm thấy sợ hãi và thật là không tốt, tôi sợ lại rơi dần xuống vực thẳm trở lại. Đã rơi xuống một lần, tôi không muốn rơi thêm lần nữa."

CHƯƠNG 4

CŨNG GIỐNG NHƯ FREUD HAY EINSTEIN

Năm 1949, George Soros vào học tại trường Kinh tế London. Trường này thường được biết dưới tên tắt LSE, rất nổi tiếng và là một cơ sở giáo dục lớn của nước Anh, một nơi lý tưởng để theo học nếu muốn có một sự nghiệp hay đi dạy. Trường có nhiều sinh viên quốc tế học và thường được xem là có khuynh hướng xã hội chủ nghĩa, phần lớn là do lý thuyết gia của chủ nghĩa xã hội Harold Laski đã dạy ở đây. Đúng là một nơi lý tưởng đối với một người như George Soros vì ông muốn có một đào tạo thực tiễn đồng thời lại thích nghiên cứu các trào lưu hiện đại của nền chính trị thế giới.

Ông đi nghe các bài giảng của Laski và cũng theo lớp của John Meade, người được giải thưởng Nobel về kinh tế năm 1977, “mặc dù,” như Soros thú thật nhiều năm sau, “tôi chẳng hiểu gì nhiều về các bài giảng ấy.” Tại trường ấy cũng có một cặp nhà lý luận bảo thủ chính trị không theo cách suy nghĩ chung, đó là nhà kinh tế học về thị trường tự do Friedrich von Hayek và triết gia nổi tiếng Karl Popper. Hai vị này là những nhân vật chính đã vạch hướng đi trên mặt trí tuệ của George Soros mà về sau trong những thập niên 1980 và 1990 ông đã nhiệt tình theo đuổi khi tìm cách biến các xã hội khép kín bằng những xã hội mở.

Cuốn sách của Hayek ra đời năm 1944, *Con đường dẫn đến chế độ nô lệ*, phê phán chủ nghĩa phát xít, chủ nghĩa xã hội và chủ

nghĩa cộng sản, gộp chúng lại với nhau như là những kiểu họ hàng của chủ nghĩa tập thể là thứ chủ nghĩa phá vỡ các định chế cho phép sự tự do nảy nở.

Người có ảnh hưởng lớn hơn trên Soros là Karl Popper. Dù Popper nổi tiếng về các lý thuyết về phương pháp khoa học nhưng chính quyển sách của ông năm 1951, *Xã hội mở và những kẻ thù của nó* đã trở thành nền tảng của đời sống trí tuệ của George Soros.

Cậu thanh niên Soros đã chín mười để đọc một cuốn sách khám phá bản chất của xã hội loài người. Anh đã kinh qua sự cai trị độc tài trong tay bọn Quốc Xã. Bây giờ, ở nước Anh, anh bắt đầu được nếm mùi dân chủ. Anh rất muốn đưa các trải nghiệm cá nhân của mình vào trong một khung cảnh trí tuệ nào đó. Cuốn sách của Popper đã cung cấp cho ông cái hệ khung ấy.

Trong *Xã hội mở và những kẻ thù của nó*, Popper lý luận rằng các xã hội con người chỉ có thể có hai số phận. Một là trở thành một "xã hội khép kín" trong đó ai ai cũng phải tin vào cùng một thứ. Hai là trở thành một "xã hội mở" trong đó người dân thoát ra khỏi chủ nghĩa dân tộc và các cuộc chiến giữa những bộ lạc, hai đặc điểm của xã hội khép kín mà Popper xem là khá lộn xộn. Trong xã hội mở, những niềm tin xung đột nhau sẽ được hòa giải, cho dù xã hội trở nên căng thẳng thế nào cũng được. Popper lý giải, các xã hội mở, mặc dù "không rõ nét và bất ổn" nhưng vẫn hơn các xã hội khép kín rất nhiều.

Dù Soros đã học hết chương trình đại học trong hai năm nhưng ông quyết định ở nán lại LSE thêm một năm nữa cho đến lúc nhận bằng vào mùa xuân 1953. Đã đọc kỹ cuốn *Xã hội mở và những kẻ thù của nó*, ông đi tìm Popper để học hỏi thêm ở bậc thầy này. Ông viết một vài bài tiểu luận và trình lên Popper và hai thầy trò trở nên thân mật với nhau. Popper trở thành người thầy tinh thần của Soros.

Vào mùa xuân năm 1994 lúc đã ở tuổi 94, Karl Popper, trong một cuộc phỏng vấn ông dành cho tôi, nhớ lại 40 năm về trước khi chàng thanh niên George Soros đến gõ cửa văn phòng ông. "Anh ta bước vào phòng và nói, 'Thưa thầy, em là sinh viên của LSE, em

có thể hỏi thấy vài câu được không?" Anh ta là một sinh viên rất sắc sảo. Tôi đã viết một cuốn sách về các xã hội mở và có vẻ gây ấn tượng đối với anh ấy. Anh ta hay đến gặp tôi và trình bày với tôi các ý kiến của mình. Tôi không chính thức là người hướng dẫn trong học tập của anh ta. Nếu bây giờ anh ấy gọi tôi là người thầy tinh thần thì thật là quá tốt bụng đối với tôi."

Nếu Soros đã bị Popper thu hút thì cậu sinh viên trẻ không để lại một ấn tượng gì sâu sắc trên vị giáo sư. "Tôi nghe anh ta nói nhưng tôi không đặt câu hỏi gì cho anh ta cả. Tôi cũng chẳng biết gì nhiều về anh ta."

Ảnh hưởng lớn nhất của Popper trên Soros là khuyến khích cậu sinh viên trẻ tuổi nghiên ngẫm về cách mà thế giới đang hoạt động và cố gắng phát triển một hệ thống triết học rộng lớn để giải thích nó.

Popper là nhà triết học bậc thầy tìm cách truyền đạt kiến thức của mình cho những tài năng trí tuệ đang nảy nở. Ông thấy không cần thiết phải giúp Soros làm quen với thế giới thực tế. Triết lý, dù là những suy nghĩ của Karl Popper hay của bất kỳ ai khác cũng không phải là lộ trình giúp người ta làm giàu trong thế giới thật.

Nhưng đối với George Soros, triết học lại chính để phục vụ cho mục tiêu ấy. Ông sẽ chuyển đúng lúc từ trừu tượng sang thực tế. Ông sẽ phát triển những lý thuyết về tri thức, về vì sao và thế nào con người lại có một cách suy nghĩ nào đó rồi từ các lý thuyết ấy ông lại suy ra những lý thuyết mới về cách hoạt động của những thị trường tài chính.

Lúc đã có tuổi, Soros luôn luôn nói là chính giáo sư Popper là nguồn cảm hứng của mình trong các công tác từ thiện nhằm xây dựng các xã hội mở ở Đông Âu và Liên Xô cũ. Ông bỏ qua không nói đến những đóng góp của Popper, dù cho không chủ ý, đã giúp Soros xây dựng những lý thuyết giúp ông kiếm được rất nhiều tiền ở Wall Street.

• • •

Nhưng vào lúc ấy thì chưa có tiền bạc gì cả. Vì nghèo khó nên Soros trải qua những lúc túng thiếu, cùng quẫn. Nhưng George

Soros cảm thấy mình không có lựa chọn nào khác. Để có tiền ăn học, ông đến gõ cửa Hội đồng Tương trợ Do Thái. Hội đồng không chịu nghe, nói là không giúp đỡ sinh viên mà chỉ giúp những người đã có công ăn việc làm. Đối với cậu thanh niên Soros thì chẳng có gì khác nhau cả.

Rồi trong kỳ nghỉ lễ Giáng sinh, khi làm việc khuôn vác hành lý ban đêm ở ga xe lửa, Soros bị gãy chân. Ông lại cần có tiền. Lúc ấy ông đã có việc làm ở nhà ga xe lửa và có thể chắc chắn được nhận trợ giúp. “Đây là cơ hội để bắt bọn khốn kiếp ấy xì tiền ra, tôi quyết định như vậy.”

Trở lại Hội đồng, ông quyết định thêu dệt ra một chuyện hoang đường. Ông nói là ông đang gặp khó khăn: ông bị gãy chân nhưng vì làm việc bất hợp pháp nên không có tiền bảo hiểm. Thật ra thì ông vẫn còn là sinh viên. Hội đồng, tuy không vừa ý, vẫn phải chi tiền giúp đỡ ông. Để linh tiện, ông phải chống nạng leo lên ba tầng lầu.

Nhưng sau đó, Hội đồng ngừng chi tiền cho ông. Soros viết cho Hội đồng một bức thư “thống thiết” nói rằng tuy ông không chết đói nhưng thấy đau lòng vì cách đối xử của một người Do Thái với một người Do Thái khác đang lâm vào cảnh khốn cùng.

Ông nhận ngay được thư trả lời.

Lá thư của George đã có hiệu lực như ông mong muốn. Tiền trợ cấp hàng tuần của ông được phục hồi và hay hơn hết là tiền được gửi theo đường bưu điện, ông khỏi phải đến lĩnh ở văn phòng nữa. Ông vui vẻ nhận tiền nhưng vẫn còn giận vì sự lãng nhệch trước kia nên ông để một thời gian sau khi chân đã tháo bột – lúc ấy ông đang đi chơi xin nhờ xe ở miền Nam nước Pháp - mới báo cho Hội đồng biết để họ thôi gửi tiền.

Cách đối xử của Hội đồng Tương trợ đối với ông làm cho về sau Soros ghét các hội từ thiện và ông đã phải khắc phục “nhiều do dự” trước khi lập ra chương trình từ thiện của chính mình vào cuối thập niên 1970.

Những kích lệ về mặt trí thức ở LSE đã giúp cho Soros vượt qua được một ít nỗi niềm cô đơn của mình. Ông vẫn còn nghèo nhưng có vẻ yêu đời hơn trước. Trong một kỳ nghỉ hè ông tìm được việc làm nhân viên của một bể bơi ngoài trời trong một khu nhà nghèo ở London.

Vì vắng khách đến bơi nên Soros có nhiều thì giờ đến thư viện ở ngay trước cửa. Trong mùa hè ấy, ông đọc rất nhiều sách, đuổi kịp thế giới của những tư tưởng. Về sau, ông nói đó là “mùa hè đẹp nhất” của đời mình. Ông vẫn chưa có ý niệm gì về nghề nghiệp của mình cả. Nhưng ông thấy thích thú được đi vào thế giới của các tư tưởng, và ông thích viết lách. Có lẽ ông có thể trở thành một triết gia xã hội hay một nhà báo. Đến nay ông cũng vẫn chưa rõ lắm.

Ông cũng có thể hình dung mình ở lại LSE và trở thành một nhà giáo hay có lẽ là một triết gia như Karl Popper. Thật diệu kỳ biết bao nếu ông có thể mở rộng trí não như Popper và trên hết trình ra cho thế giới một vài điều hiểu biết quan trọng, *“cũng giống như Freud hay Einstein”*. Nhiều lúc khác, ông mơ được trở thành một John Meynard Keynes mới, cũng trèo lên cao bậc thang danh vọng như nhà kinh tế học Anh nổi tiếng thế giới. Đây là lúc Soros bắt đầu cố gắng để có được một thành quả trí tuệ, một ước mong quan trọng trong suốt cuộc đời và sự nghiệp của ông.

Không may là điểm học của Soros không được cao cho lắm, và những tham vọng khoa bảng của ông cũng bị tiêu tan. Cuối năm 1952, đầu năm 1953, ông vật lộn với một loạt những vấn đề triết học. Ông đặc biệt quan tâm đến khoảng cách giữa nhận thức và thực tế. Có lúc ông cho là mình đã có một phát minh lỗi lạc về mặt trí tuệ: *“Tôi đi đến kết luận là về cơ bản mọi quan niệm của chúng ta về thế giới đã có phần sai sót và bị xuyên tạc. Thế là tôi tập trung vào tầm quan trọng của sự xuyên tạc ấy trong việc định hình các sự kiện.”*

Ông bắt đầu viết một cuốn sách nhỏ mà ông gọi là *Gánh nặng của ý thức*. Trong sách, ông đưa ra những quan niệm về các xã hội mở và khép kín. Không hài lòng lắm về những gì đã viết, ông quăng bản thảo đi. Trong nhiều năm về sau, ông cố gắng viết lại tài liệu ấy nhưng cuối cùng phải bỏ khi “Tôi chẳng phân biệt được đầu đuôi những gì tôi viết trước đây một ngày.”

Đấy không phải là một dấu hiệu tốt và Soros cũng biết như vậy. Có lẽ ông sẽ không trở thành một nhà giáo. Soros gắn liền việc không viết xong cuốn sách với việc ông từ bỏ nghiên cứu triết học để đi kiếm tiền.

• • •

Dù Soros có muốn đi dạy học đến mấy đi nữa thì ông cũng thấy rõ là phải đi làm để nuôi thân và càng nhanh càng tốt. Lúc ấy đã ở tuổi 22 và dù muốn có những đóng góp to lớn bao nhiêu đi nữa cho tri thức nhân loại thì ông vẫn phải ăn để sống. Nhưng chỉ có bằng đại học về kinh tế thì cũng chẳng làm gì được. Ông làm bất cứ việc gì mà ông tìm được, công việc đầu tiên là đi bán túi xách tay ở Blackpool, một nơi nghỉ mát trên bãi biển miền Bắc nước Anh.

Bán hàng không phải dễ. Để lôi kéo khách hàng, trước hết ông phải cho người ta thấy là mình không khác gì họ, đấy là một điều khó khăn đối với một người ngoại quốc nói tiếng Anh chưa chuẩn. Ông cũng không thích bán sỉ hàng cho những cửa hiệu có lẽ không cần mua hàng ấy. Có lần ông bán cho một cửa hàng nhỏ còn đầy cả hàng bị ế. Soros tự nhủ, người chủ hiệu này cũng cần túi xách tay của mình như cần một lỗ đạn bắn vào đầu. Nhưng rồi ông cũng quên đi những ý nghĩ ấy và tự thuyết phục là phải giấu đi những tình cảm cá nhân. Ông bán được hàng cho người chủ hiệu nhưng không để mất đi lòng hơi lỗi.

Cũng có thể rằng là LSE là nơi đào tạo lý tưởng cho một người như Soros để có một sự nghiệp đầu tư về sau. Nhưng ở trường, Soros chẳng học được gì về các thị trường tài chính, chỉ biết mang máng là có những thị trường ấy. Tuy nhiên, sau khi tốt nghiệp, ông cảm thấy là làm việc đầu tư thì sẽ kiếm được nhiều tiền. Cần có một chân đứng trong một ngân hàng đầu tư ở London, ông viết thư cho tất cả các ngân hàng đầu tư trong thành phố hy vọng là vận may sẽ đến. Khi ngân hàng Singer & Friedlander nhận cho ông thực tập, ông vui vẻ nhận lời ngay.

Đây là một công ty có hoạt động chứng khoán rất phát triển. Ông say mê vào công việc của một nhân viên giao dịch chuyên về

chứng khoán vàng, tìm cách thu lợi trên những khác biệt về giá cả trên những thị trường khác nhau. Dù không thành công cho lắm, nhiều dấu hiệu cho thấy như vậy - nhưng ông cảm thấy thoải mái trong thế giới này, phát hiện những rung động trong tim khi mua và bán trên các thị trường. Có thể là nếu trở thành một triết gia hay một nhà báo thì đầy kích thích hơn. Nhưng ông cần phải kiếm sống. Ở đây triển vọng có vẻ không tối. Soros thấy thế giới ấy càng ngày càng hấp dẫn.

Đánh giá chung về quãng đời của Soros ở London thì thấy ông ta đã thất bại lớn. Ngay cả Soros cũng không cãi lại. Có một người bảo vệ cho Soros, đó là Edgar Astaire, người môi giới chứng khoán ở London lúc ấy có quen Soros và về sau trở thành người chung vốn với Soros tại London: "Ông ấy chưa bao giờ là một người có quyền thế. Lúc ấy ông ta chỉ mới 26, 27 tuổi đầu. Trong công việc ấy chẳng làm được gì hết. Người trẻ tuổi không được làm gì cả."

Dù sao đi nữa thì vào năm 1956, nhà đầu tư trẻ tuổi cho rằng đã đến lúc phải chuyển đi nơi khác.

Và như vậy, ông ta chuyển đến thành phố New York.

CHƯƠNG 5

ANH MÙ DẪN ĐƯỜNG CHO ANH MÙ

Khi rời London đi New York, George Soros tự nhủ mình là phải dứt khoát nghiêm túc đi vào ngành tài chính. Giấc mơ trở thành nhà triết học cũng chỉ là một... giấc mơ.

Chuyển sang New York là tự khắc ông có lợi thế cạnh tranh hơn bè bạn. Dù cho ở London ông chẳng làm được trò trống gì nhưng ông đã có một hiểu biết về các thị trường châu Âu. Trong khi ở London thì các chuyên gia loại ấy có vô thiên lủng còn ở Wall Street thì người ta ít có kinh nghiệm hay hiểu biết về các thị trường châu Âu. Khi mới đặt chân lên đất Mỹ, Soros được xem ngay là một chuyên gia trên vấn đề ấy.

Soros đến New York với 5,000 đôla trên tên ông. Một người bà con đã đưa cho ông 1,000 bảng Anh để đầu tư giùm cho họ. 5,000 đôla là phần lãi của Soros trong đầu tư này.

Cũng trong năm 1956 ấy, Tivadar và Elizabeth Soros rời Hungary đến Mỹ ở cùng hai con. Tivadar mở một quầy bán cà phê trên đảo Coney. Thật chẳng phải là một kinh nghiệm thú vị cho Nhà Đại Sống sót. Làm ăn thua lỗ và Tivadar về hưu. (Trong những năm đầu của thập niên 1960, Tivadar mắc bệnh ung thư. Người cha nghèo đến nỗi Soros phải nhờ đến một phẫu thuật gia chữa bệnh không lấy tiền).

Ngay sau khi đến New York, một người bạn đồng nghiệp tìm cho Soros một công việc làm ăn. Chỉ cần một cú điện thoại đến một người chung vốn của hãng F.M. Mayer để giới thiệu là tức khắc Soros trở thành một người buôn chứng khoán. Mặc dù buôn chứng khoán là một trò nóng bỏng nhất trong những năm 1980, nhưng ba thập niên trước đây, nó thật là buồn tẻ. Không ai bỏ ra những vị thế đầu tư lớn để mong kiếm được hàng triệu đôla khi tiếp quản các công ty. Chỉ đến những năm tám mươi sôi động mới có những việc như thế. Vào những năm 1950 buồn tẻ, những người giao dịch như George Soros chỉ mua và bán cùng một loại cổ phiếu trên những thị trường khác nhau với hy vọng khai thác được những khác biệt nhỏ nhoi về giá mà phải lăn lung ra tìm kiếm.

Sau một thời gian, Soros trở thành nhà phân tích làm cố vấn cho các tổ chức tài chính Mỹ về các cổ phiếu Âu châu. Như ông tiên đoán, có ít người ở Wall Street lại quan tâm đến, chứ đừng nói là có năng khiếu lớn về các khuynh hướng đầu tư ở châu Âu. Những năm 1950 là những năm xa vời so với thời kỳ hiện nay về thương mại toàn cầu, xa vời so với thời kỳ các nhà đầu tư Mỹ bắt đầu thấy là có thể kiếm tiền trên bờ bên kia Đại Tây dương.

Soros là một người đi tiên phong. "Những gì mà Soros làm trước đây 35 năm thì chỉ mới thành thời thượng trong thập niên vừa qua," cánh tay phải của Soros từ năm 1988, Stanley Druckenmiller, nhận xét. "vào đầu những năm sáu mươi, chẳng ai biết gì cả về chứng khoán Âu châu." Soros mỉm cười nhớ lại "Vậy là tôi có thể tính bất kỳ tiền lãi nào tôi muốn lên các công ty châu Âu mà tôi theo dõi. Đúng là trường hợp của anh mù dẫn đường cho anh mù khác."

Chẳng có gì ngạc nhiên là trong thời gian ấy, Soros gặp và cưới một cô gái gốc Âu châu. Mới nhập cư vào Mỹ, ông quen rất ít phụ nữ Mỹ. Ông gặp người vợ tương lai của mình, cô Annalise, gốc Đức tại Quogue, Long Island gần Westhampton. Họ cưới nhau năm 1961, cùng năm ông nhập quốc tịch Mỹ. Cặp vợ chồng sống trong một căn hộ nhỏ trong khi Soros tiếp tục làm việc cho F.M. Mayer. (Cặp Soros ly thân năm 1978 và ly dị ba năm sau đó. Họ có ba con. Năm 1983, Soros tái hôn với cô Susan Weber, kém ông 25 tuổi. Hôn lễ dân sự được cử hành gần Southampton. Cuối năm

1985, Susan sinh con trai đầu Gregory và George làm cha lần thứ tư. Một con trai khác, Alexander, ra đời năm 1987).

Năm 1959, Soros chuyển qua công ty Wertheim & Co, ở đây ông tiếp tục chuyên về chứng khoán Âu châu. Wertheim là một trong số ít công ty Mỹ làm thương mại ở nước ngoài. May mắn thay cho Soros, ông là một trong số rất ít giao dịch viên của Wall Street chuyên buôn chứng khoán giữa London và New York.

Một trong những cuộc đột kích đầu tiên thành công của ông trên các thị trường tài chính ngoại quốc xảy ra năm 1960. Soros nhận thấy các cổ phần của công ty bảo hiểm Đức, Allianz, đang được bán với giá thấp hơn nhiều so với giá trị tài sản của nó vì có sự tăng giá vốn và tăng danh mục bất động sản của công ty. Ông viết một bài báo khuyên những người khác đầu tư vào Allianz. Morgan Guaranty và Quỹ Dreyfus thấy ý kiến hay và bắt đầu mua từng mảng lớn cổ phiếu Allianz. Các lãnh đạo của Allianz không được hài lòng và họ viết thư cho thủ trưởng của Soros ở Wertheim. Họ viết đại khái là người của các vị đã đi đến kết luận sai lầm. Thật ra ông không sai. Giá cổ phiếu của Allianz tăng gấp ba. Tiếng tăm của Soros nổi lên như cồn.

Soros tìm cách tiếp tục vận may ngay cả sau khi chính phủ John F. Kennedy nhậm chức vào tháng Giêng 1961. Kennedy biến thành trở ngại lớn cho chàng thanh niên Soros. Thuế Cân bằng Lãi suất của Kennedy mới đưa ra áp dụng ngăn không cho các nhà đầu tư Mỹ mua cổ phiếu nước ngoài. Đối với Soros, sự thay đổi chính sách đã phá tan đất dụng võ của mình.

Nhưng không phải vì thế mà ông phải cuốn gói ra đi. Ngày 18 tháng Chạp năm 1961, ông trở thành công dân Mỹ. Ông đến Mỹ không phải là để rời bỏ đi.

Soros, nay đã đến tuổi 33 vẫn còn do dự giữa một tương lai trong nghề dạy học và một sự nghiệp trong lĩnh vực đầu tư.

Chính sách của Kennedy cho Soros một cơ hội nữa để bắt tay vào những việc mà ông ưa thích nhất – suy nghĩ và viết về những vấn đề cơ bản của đời sống.

Từ năm 1961, Soros bỏ cả các buổi tối và cuối tuần để viết lại quyển *Gánh nặng của ý thức* mong rằng có thể chau chuốt lại bản

thảo để được in. Công việc này còn phức tạp hơn là khi ông ngồi xuống viết quyển sách lúc đầu. Cuối cùng, vào năm 1963, ông gửi bản thảo đến cho Karl Popper. Được bậc thầy ủng hộ thì thật là một vinh dự lớn lao đối với Soros. Nếu được triết gia nổi tiếng Popper đứng về phía mình thì chắc chắn sách sẽ được in.

Dù không còn nhớ Soros là ai, Popper có phản ứng nồng nhiệt đối với bản thảo. Khi nhà triết học của trường LSE thấy rõ là Soros có gốc gác ở Đông Âu cộng sản thì Popper tỏ ra thất vọng. Lúc đầu, ông cứ tưởng Soros là người Mỹ; nhà triết học thấy phần khởi là một người chưa hề trải qua một kinh nghiệm về một chính thể chuyên chế lại hiểu về những gì ông nói. Đến khi biết Soros là người Hung đã trực tiếp sống dưới các chế độ Quốc Xã và Cộng sản, Popper đánh giá bản thảo thấp đi. Ông khuyên Soros nên tiếp tục suy nghĩ về những ý tưởng của ông.

Viết sách đã và sẽ luôn luôn là một công việc mà Soros yêu thích. Ông không bao giờ cho biết là ông có trình bản thảo cho một nhà xuất bản nào không. Ông chỉ nói rằng ông thấy cuốn sách "còn thiếu" nên không bao giờ được đưa in.

Vậy là Soros trở lại Wall Street lo việc kiếm tiền. Nhưng ông không bao giờ hoàn toàn bỏ rơi việc viết lách. Những năm về sau, ông dựa vào những gì ông rót vào trong cuốn sách nhỏ không hề được in ấy để đưa ra những ý tưởng trong các sách về sau ông viết và được xuất bản.

• • •

Năm 1963, Soros bắt đầu làm việc cho công ty Arnhold & S. Bleichroeder, một công ty hàng đầu của Mỹ buôn chứng khoán ngoại quốc, Arnhold là nơi trú chân tất nhiên của Soros. Công ty có gốc ở Dresden và được sáng lập vào đầu thế kỷ 19. Người đứng ra thuê Soros là Stephen Kellen, ông này nói tiếng Anh với một giọng Âu châu chắc nịch cũng như mọi người khác trong công ty. Dù trên bảng tên đường phố viết Wall Street, nhưng có ngày Soros nghĩ là mình đã quay gót trở lại châu Âu.

Kellen đánh giá cao Soros ngay từ đầu. "Tôi luôn luôn hy vọng là người tôi thuê có trình độ tốt, nhưng anh ta thật là xuất sắc."

Được thuê làm nhà phân tích nhưng lúc đầu Soros làm việc chủ yếu với các chứng khoán nước ngoài. Với mạng lưới quan hệ của mình ở châu Âu và nói được nhiều tiếng châu Âu như tiếng Đức và tiếng Pháp, lẽ tất nhiên là Soros phải đi vào lĩnh vực này.

Nghề buôn chứng khoán đòi hỏi sự hiểu biết và lòng can đảm, nhưng phần lớn các thương nhân Mỹ - chẳng khác gì những người sống trên hòn đảo nhỏ và không thích mở rộng chân trời - thiếu cả hai thứ. Người Mỹ thích bán cổ phiếu Mỹ. Với các công ty Mỹ thì ít ra họ cũng đọc được tên. Với các công ty Âu châu thì tên khó đọc thật. Nhưng Soros lại khác; không những ông đọc được tên các công ty mà ông còn quen chủ các công ty ấy. Năm 1967, ông trở thành giám đốc bộ phận nghiên cứu của công ty mình.

Dò dẫm bước đi trên sàn sàn khấu Mỹ, tìm cách để nổi danh, Soros tỏ ra có sự mất an toàn nào đó khi làm việc với đồng nghiệp. Một công sự của Soros, muốn dấu tên, nhớ lại là Soros vợ hết về mình nếu kinh doanh thành công nhưng khi thất bại thì lại đổ lên đầu người khác.

Edgar Astaire, người chung vốn với Soros ở London năm 1994, nói rằng vào những năm sáu mươi, ông là một con người phức tạp và bí hiểm. "Ai cũng thấy là ông ta khôn ngoan, suy nghĩ mạch lạc - và rất tự tin. Người ta có cảm tưởng là ông ta không có vẻ là có bản lĩnh đặc biệt gì cả. Ông ta hơi rụt rè. Không ai biết là ông ta nghĩ gì. Ông ta là một nhà tâm lý học tốt. Ông hiểu khá nhanh.. Vì rụt rè nên ông không muốn phổ trương. Ông tìm cách để che dấu nhân cách của mình. Ông thường hay nói những lời mâu thuẫn có chủ ý. Ông hay lên mặt phán ra những chuyện đầu đầu. Đôi khi ông nói những chuyện chỉ để mình nghe. Chẳng ai thích ông cả."

Không ai thích nhưng rất tinh thông việc phân tích đầu tư. Arthur Lemer bạn đồng nghiệp của Soros ở Arnhold & Bleichroeder vào những năm 1960 nhớ lại được phong cách của Soros vào thời buổi ấy. Sau khi tốt nghiệp trường Đại học Columbia, năm 1964 Lemer vào làm tại bộ phận nghiên cứu của ngân hàng New York. Một trong số các ngành công nghiệp Lemer theo dõi là ngành vận chuyển bằng xe tải. Đây cũng là lĩnh vực của Soros ở công ty

Arnhold và thỉnh thoảng Soros, một người môi giới của ngân hàng, ghé qua để gặp Lemer và sếp của ông là Mike Danko để bàn bạc về những cổ phiếu nào nên mua. Nhưng, Lemer nhớ lại, là Soros luôn luôn hướng cuộc nói chuyện từ đề tài hẹp là xe tải sang "tình hình thế giới". George luôn luôn muốn nói về những chuyện to lớn.

Thành công trong lĩnh vực cổ phiếu nước ngoài làm cho Soros càng tự tin thêm. Ông bắt đầu suy nghĩ về việc xây dựng một quỹ đầu tư của chính mình - và tìm cách kiếm tiền cho người khác.

CHƯƠNG 6

BỊ QUYẾN RŨ BỞI SỰ HỒN LOẠN

Từ lúc còn là sinh viên ở London vào những năm đầu thập niên 1950, George Soros đã quan tâm đến cách mà thế giới hoạt động như thế nào. Ông hy vọng là không chỉ suy nghĩ về những vấn đề lớn thuộc đời sống mà còn có những đóng góp quan trọng cho tri thức con người nữa. Karl Popper, người thầy của ông, đã cho ông cảm hứng về những ý tưởng to lớn, về phát triển một ý đồ triết học tầm cỡ. Ý đồ ấy có thể làm lợi cho nhân loại và người đưa ra ý đồ ấy cũng có lợi. Theo lời người bạn vong niên của ông, Byron Wien, Soros tin rằng “nếu bạn có thể xác định các nỗ lực của mình càng chính xác trong trừu tượng thì khi đưa ra thực tế, bạn sẽ càng thành công.”

Cuối cùng thì mối quan tâm của Soros trên những vấn đề trừu tượng sẽ dẫn đến vấn đề cụ thể hơn là các thị trường tài chính hoạt động như thế nào. Nhưng muốn hiểu lý thuyết của ông về các thị trường tài chính thì phải bắt đầu từ lý thuyết tổng quát của ông về đời sống và xã hội. Có một từ là chìa khóa cho các tư tưởng của ông.

Cảm nhận.

Nhiều người cùng đặt ra một câu hỏi: Đời sống là như thế nào? Tại sao ta lại ở đây? Vạn vật – rộng lớn như vũ trụ, trí óc, nhân loại – hoạt động như thế nào?

Dừng lại trước các câu hỏi ấy một lúc rồi người ta lại tiếp tục với cuộc sống hàng ngày, với những vấn đề cụ thể như chăm sóc gia đình, kiếm sống, nhớ không quên đồ rác.

Tuy nhiên các triết gia đặt ra những câu hỏi ấy trong nghiên cứu nhân sinh của họ. Và George Soros muốn trở thành một triết gia.

Không phải là có một sự kiện độc nhất nào đã làm nảy sinh lòng ham mê triết học đối với Soros, và lòng ham mê ấy đã có từ lâu. “Ngay từ khi tôi nhận thức được sự tồn tại của tôi,” ông viết trong chương mở đầu của cuốn sách của mình năm 1987, *Giả kim thuật Tài chính*, “tôi đã say mê tìm hiểu nó và tôi xem trí tuệ của chính tôi là vấn đề cốt lõi cần phải tìm hiểu.” Điều này lúc ấy là tia lửa lóe lên ban đầu. Nhưng như cậu thanh niên Soros đã nhận thấy ngay từ lúc đầu, việc tìm ra manh mối những bí mật của cuộc sống gần như bất khả thi.

Vì một lý do đơn giản: Ngay chỉ bắt đầu tìm hiểu mình là ai, mình như thế nào thì cũng phải nhìn vào chính mình một cách khách quan.

Khó khăn là ở chỗ chúng ta không làm được như vậy. Đây là một phát hiện đầy kịch tính đối với George Soros. “Điều mà ta tưởng tượng là một phần của điều ta suy nghĩ, do đó ý nghĩ của chúng ta thiếu đi một điểm chuẩn độc lập để có thể đánh giá – nó thiếu tính khách quan.”

Thật vậy, không có được điểm chuẩn độc lập ấy, người ta không thoát ra được cái tôi, không thể nhìn thế giới qua một lăng kính không làm biến dạng. Từ đầu những năm 1950, Soros đã đi đến kết luận là “về cơ bản, *tất cả cách nhìn về thế giới của chúng ta đều ít nhiều có khiểm khuyết hay bị méo mó.*” Ông bắt đầu tập trung vào việc những méo mó ấy giúp hình thành các sự kiện như thế nào.

• • •

Được trang bị bằng những khái niệm đại cương về cách thức mà thế giới hoạt động, đã đến lúc Soros nhìn về Wall Street.

Vấn đề là nhiều người đã thử phân tích thị trường chứng khoán và đi đến kết luận là có logic trong việc xác định giá các cổ phiếu.

Trong việc này bắt buộc phải có một logic nào đó, dù nó có thể có khiếm khuyết. Đối với ai đã từng giao dịch trên thị trường chứng khoán, một cách giải thích khác về hành vi của nó thật không làm ai yên tâm chứ đừng nói là chứa nhiều rủi ro.

Những người theo trường phái suy nghĩ hợp lý này biện luận rằng các nhà đầu tư biết rất rõ về một công ty nào đó, mỗi cổ phiếu đều được định giá chính xác. Với sự hiểu biết này, khi có một lựa chọn giữa nhiều cổ phiếu, các nhà đầu tư sẽ xử sự một cách hợp lý và lựa cổ phiếu tốt nhất. Và giá cổ phiếu sẽ có liên quan một cách hợp lý với những ước lượng về lợi nhuận tương lai của công ty.

Đây là giả thiết về thị trường hiệu quả, một trong những lý thuyết được ưa chuộng nhất về hoạt động của thị trường. Nó giả sử là có một thế giới hoàn hảo, hợp lý. Nó cũng giả sử là tất cả các giá cổ phiếu đều phản ánh đúng những thông tin có được.

Nhưng khi kinh tế học cổ điển dạy về khái niệm cân bằng và đưa ra giả thiết là có thể có được sự cạnh tranh hoàn hảo và tri thức hoàn hảo thì Soros cho rằng mình biết rõ hơn. Ông quan niệm là trong thế giới thật, tất cả các lý thuyết cho là có thể đạt đến tri thức hoàn hảo đều có sai lầm. Trong thế giới thật, những lệnh mua và bán đều không căn cứ trên các quan niệm của ngành kinh tế học cổ điển mà trên các kỳ vọng. Và trong thế giới thật, người ta chỉ có thể đạt đến một sự hiểu biết không hoàn hảo của bất kỳ thứ gì. Điều quan trọng mà tôi đưa đến để giúp nắm bắt sự việc nói chung là vai trò của những hiểu biết không hoàn hảo trong việc hình thành các sự kiện. Ngành kinh tế học truyền thống dựa trên các lý thuyết cân bằng, trong đó cung và cầu cân bằng với nhau. Nhưng nếu bạn hiểu được vai trò quan trọng của sự hiểu biết không hoàn hảo thì bạn sẽ thấy là bạn đang đứng trước sự mất cân bằng."

Và như vậy, có lần ông nói thêm là ông bị quyến rũ bởi sự hỗn loạn. "Tôi thật sự đã kiếm tiền như vậy đó; hiểu ra quy trình có tính cách mạng trong các thị trường tài chính."

• • •

Kể từ khi chơi trò *Capital*, một loại trò chơi giống như *Monopoly*, trên đảo Lupa vào những mùa hè ấy, George Soros đã bị

roi vào cái bẫy của đồng tiền. Dù cho một phần của mình vẫn ung dung tự tại trong thế giới của trí tuệ, nhưng phần thực tế của ông đã thúc ép ông phải đi học kinh tế ở trường Đại học Kinh tế London.

Tuy nhiên, ông thất vọng thấy đề tài còn nhiều thiếu sót. Các giáo sư cứ nhồi nhét vào đầu ông rằng kinh tế học là một ngành khoa học, hay ít ra cũng muốn trở thành một ngành khoa học. Người ta có thể tung ra các lý thuyết và phát triển các định luật chi phối thế giới kinh tế.

Nhưng George Soros đã nhìn thấy bản chất của sự việc. Ông lý luận rằng nếu kinh tế học là một ngành khoa học thì nó phải có tính khách quan. Như thế có nghĩa là người ta có thể quan sát các hoạt động kinh tế mà không gây ảnh hưởng trên các hoạt động ấy. Nhưng Soros kết luận là điều này không thể xảy ra được.

Làm sao có thể nói kinh tế học là khách quan khi con người, dù sao cũng ở trung tâm điểm của kinh tế, lại thiếu tính khách quan.? Khi chính những con người ấy, vì có tham gia vào các hoạt động kinh tế, không thể tránh khỏi việc có tác động lên đời sống kinh tế?

• • •

Những ai cho rằng đời sống kinh tế là hợp lý và logic cũng lý luận rằng các thị trường tài chính luôn luôn “đúng.” Đúng theo nghĩa là giá cả trên thị trường thường không tính đến – hay có để ý đến – những phát triển trong tương lai, dù cho các phát triển ấy vẫn còn mờ mịt.

Soros nói: sai bét.

Có lần ông giải thích là phần lớn các nhà đầu tư tin rằng mình có thể “trừ hao” cho những gì thị trường sẽ có trong tương lai, như thế có nghĩa là họ có để ý đến những phát triển tương lai trước khi chúng xảy ra. Đối với Soros, đây là điều không thể có được. Theo ông, “bất kỳ suy nghĩ gì về tương lai thì theo định nghĩa đều là có thành kiến và không vô tư. Tôi không muốn nói là các sự việc và các tin tưởng tồn tại một cách độc lập với nhau. Trái lại, tôi đã trình bày trong thuyết phản hồi là các tin tưởng chỉ làm thay đổi các sự việc.”

Thật vậy, giá cả thị trường sẽ không đúng vì chúng luôn luôn không tính đến những ảnh hưởng có thể đến và sẽ đến từ các phát triển trong tương lai. Giá cả thị trường sẽ luôn luôn “sai” vì chúng không theo một cái nhìn hợp lý của tương lai mà chỉ có một cái nhìn chệch hướng.

“Nhưng méo mó ấy tác động theo cả hai hướng,” Soros giải thích. “Không chỉ riêng người tham gia thị trường hoạt động có thành kiến mà thành kiến của họ có thể có ảnh hưởng đến quá trình diễn biến các sự kiện. Điều này cho ta có cảm giác là thị trường đoán trước được một cách chính xác những phát triển trong tương lai nhưng sự thật là những kỳ vọng của hiện tại ăn khớp với các sự kiện trong tương lai mà các sự kiện trong tương lai đã được hình thành bởi các kỳ vọng trong hiện tại. Các nhận thức của những người tham gia thị trường vốn đã sai lệch và có một mối quan hệ hai chiều giữa những nhận thức sai lệch và diễn biến thật sự của các sự kiện và kết quả là giữa hai bên thiếu đi sự tương đồng. Tôi gọi mối quan hệ hai chiều này là *“tính phản hồi.”*”

Sự hồi tiếp hai chiều giữa nhận thức và thực tại – mà Soros gọi là “tính phản hồi” là cốt lõi của lý thuyết mà ông đưa ra. Soros tin chắc rằng điều có thể giải thích được cách hoạt động của các thị trường tài chính không phải là giả thuyết thị trường hoàn hảo mà chính là mối tương quan đi lại giữa các thành kiến của nhà đầu tư và cái mà ông gọi là “diễn biến thật sự của các sự kiện”, một cách diễn đạt khác của yếu tố cơ bản về kinh tế của các công ty thương mại.

Theo Soros, *“thành kiến”* của nhà đầu tư đối với một cổ phiếu, dù tốt hay xấu, làm cho giá cổ phiếu ấy lên hoặc xuống. Thành kiến ấy hoạt động như một *“nhân tố tự củng cố”* để rồi tương tác với các *“khuynh hướng ngầm”* và tác động đến các kỳ vọng của người đầu tư. Hướng di động sau đó về giá cả có thể làm cho ban lãnh đạo công ty mua lại cổ phần hay hợp nhất với một công ty khác, hay mua một công ty khác, hay thu mua toàn bộ các cổ phiếu, đó là những động thái có tác động đến các yếu tố cơ bản của chứng khoán.

Giá cả một cổ phiếu lúc ấy sẽ không được quyết định bởi phản ứng sắc bén trước thông tin có được. Trái lại, nó chỉ là kết

quả của những nhận thức vừa chịu tác động của những cảm tính lại vừa do các số liệu rõ rệt đưa lại. Soros viết trong *Giả kim thuật Tài chính* rằng: “Khi các sự kiện xảy ra với những người tham gia biết suy xét, vấn đề không còn bó gọn trong những sự việc mà gồm cả những nhận thức của người tham gia. Dãy chuyển nhân quả không phải đi từ sự việc đến sự việc mà từ sự việc qua nhận thức rồi từ nhận thức đến sự việc.”

Thuyết của Soros gồm khái niệm về giá cổ phiếu mà các nhà đầu tư trả không chỉ đơn thuần phản ánh giá trị một cách thụ động; mà nó là một thành phần tích cực trong việc định giá cổ phiếu.

Một bí quyết thứ hai trong thuyết của Soros là phải tìm ra vai trò của các quan niệm sai lầm trong việc hình thành các sự kiện. Quan niệm sai lầm, hay, như ông thường gọi là những “bất đồng” giữa cách suy nghĩ của người tham gia và hiện trạng thực của sự việc thì luôn luôn hiện diện.

Đôi khi, những bất đồng ấy không lấy gì làm quan trọng và có thể tự điều chỉnh được. Ông gọi đó là trạng thái “*cân cân bằng*.”

Đôi khi, những bất đồng trở nên quá lớn và không tự điều chỉnh được. Trạng thái này ông gọi là “*xa cân bằng*.”

Khi sự bất đồng trở nên quan trọng, nhận thức và thực tế sẽ rất xa cách nhau. Không có một kỹ xảo nào có thể đẩy chúng lại gần nhau. Sự thật là các lực tác động có khuynh hướng kéo chúng ra xa nhau.

Những trạng thái xa cân bằng có thể dưới một trong hai hình thức. Ở một đầu, dù cho nhận thức và thực tế có xa cách nhau nhưng ta có trạng thái ổn định. Soros nhà đầu tư không hề quan tâm đến trạng thái ổn định. Ở đầu kia, ta có trạng thái không ổn định, và các sự kiện cứ ào ào tiến tới trước nhanh đến nỗi tầm nhìn của những người tham gia thị trường không đuổi theo kịp. Soros vô cùng thích thú với trạng thái này.

Khoảng cách giữa nhận thức và thực tế là khá lớn vì các sự kiện xảy ra không ai kiểm chế nổi, trên các thị trường tài chính đấy là những trạng thái đặc trưng cho các chuỗi boom/bust (hưng thịnh rồi suy sụp). Soros cho rằng các chuỗi ấy là những chuyện gàn dở.

Đây là “những quá trình lúc đầu thì tự củng cố nhưng không bền vững và cuối cùng lại phải đảo chiều.” Nhưng luôn luôn vẫn có khả năng phát sinh ra các chuỗi ấy.

Triết lý đầu tư của Soros cho rằng các chuỗi boom/bust dễ phát triển vì thị trường luôn luôn ở trạng thái dâng cao và bất định. Cách kiếm ra tiền là tìm cách lợi dụng sự bất ổn định này, tìm ra những phát triển bất ngờ.

Lẽ tất nhiên, việc khó nhất là nhận dạng được một chuỗi boom/bust. Muốn vậy, nhà đầu tư phải hiểu được cách mà các nhà đầu tư khác nhận thức các yếu tố cơ bản của kinh tế. Xác định được thị trường, tức là tất cả các nhà đầu tư ấy gộp lại, nghĩ như thế nào ở một thời điểm nào đó là điều quan trọng và cũng là điều cốt lõi của kỹ thuật đầu tư của George Soros. Một khi một nhà đầu tư thấy được là thị trường đang nghĩ như thế nào, người ấy có thể nhảy sang lối khác, đánh cược vào chuyện bất ngờ xảy ra, đánh cược là một chu kỳ boom/bust sắp sửa đến hay là đã bắt đầu.

Một chuỗi boom/bust xuất hiện như thế nào?

Khi ra điều trần trước Ủy ban về Ngân hàng, Tài chính và các vấn đề Đô thị của Hạ viện Mỹ ngày 13 tháng Tư năm 1994, Soros đưa ra một lời giải thích, ông nói là ông không đồng ý với khái niệm “sự khôn ngoan đang phổ biến.” Khi mọi người cho rằng các thị trường tài chính tiến dần đến trạng thái cân bằng và không tính đến tương lai thì Soros nói là “các thị trường tài chính không thể không tính đến tương lai một cách chính xác vì thị trường không thể chỉ bỏ qua tương lai mà giúp hình thành ra nó.”

Đôi khi, ông nói rằng các thị trường tài chính có thể có ảnh hưởng đến các yếu tố cơ bản ngay khi chúng không phản ánh các yếu tố ấy. “ Khi việc này xảy ra, thị trường bước vào một trạng thái mất cân bằng động và hoạt động khác hẳn với những gì mà thuyết thị trường hoàn hảo cho là bình thường.”

Những chuỗi boom/bust ấy không xuất hiện thường xuyên. Khi xuất hiện, vì có ảnh hưởng đến các yếu tố cơ bản của tài chính, chúng gây ra nhiều tàn phá. Một chuỗi boom/bust chỉ xuất hiện khi một thị trường có tính chạy theo khuynh hướng là chính.

“Tôi định nghĩa tính chạy theo khuynh hướng là người ta mua khi giá cổ phiếu tăng và bán khi giá cổ phiếu hạ, một cách tự củng cố.

Tính chạy theo khuynh hướng một cách lệch lạc là điều kiện cần thiết để tạo ra một sự sụp đổ của thị trường nhưng không phải là điều kiện đủ. Vậy câu hỏi chính được đặt ra là cái gì tạo ra tính chạy theo khuynh hướng?”

Đây là câu trả lời của George Soros:

Những nhận thức sai lệch làm cho thị trường thành “tự nuôi dưỡng chính mình.” “Tự nuôi dưỡng chính mình” là một cách nói để diễn tả việc các nhà đầu tư rơi vào một cơn điên loạn mù quáng và có trạng thái tâm lý của một bầy động vật.

Và những thị trường tự nuôi dưỡng bằng những cơn điên loạn của chính mình thì thường làm quá mức, luôn luôn đi đến những thái cực. Chính sự quá khích, đi đến những thái cực đã làm nảy sinh các chuỗi boom/bust.

Do đó, chìa khóa đi đến thành công trong đầu tư là nhận ra điểm khởi đầu của việc thị trường tự nuôi dưỡng bằng chính động lực của mình vì khi xác định được điểm ấy, nhà đầu tư sẽ biết là một chuỗi boom/bust sắp xảy ra hoặc đã xảy ra rồi.

Và Soros giải thích: “Lý do vì sao quy trình phản hồi đi theo một mô hình biện chứng có thể giải thích đại để như sau: nếu càng nhiều bấp bênh thì càng có nhiều người bị các khuynh hướng của thị trường lôi cuốn, và sự đầu cơ theo hình thức chạy theo khuynh hướng càng mạnh, tình trạng thị trường lại càng bấp bênh hơn.”

Những giai đoạn chính của một chuỗi boom/bust điển hình là:

- có một khuynh hướng chưa được thừa nhận
- có những bước đầu của một quá trình tự củng cố
- thử nghiệm thành công của hướng đi của thị trường
- một sự tin tưởng ngày càng lớn
- một sự xa cách giữa thực tế và nhận thức
- đỉnh cao
- cuối cùng là sự khởi đầu của một chuỗi tự củng cố như phản chiếu ngược qua gương và đi theo hướng ngược lại.

Soros cũng chỉ ra rằng khi khuynh hướng cứ tiếp tục, tầm quan trọng của các giao dịch có tính đầu cơ sẽ tăng lên. Hơn nữa, vì thành kiến đi theo khuynh hướng nên khi khuynh hướng càng tiếp tục thì thành kiến càng mạnh lên. Cuối cùng, một khi khuynh hướng đã vững vàng thì rốt cuộc nó sẽ đi theo con đường của nó.

Byron Wien, chiến lược gia về đầu tư cổ phần thuộc hãng Morgan Stanley ở New York và là bạn thân của Soros đã giải thích lý thuyết của Soros một cách ngắn gọn như sau: "Ý của ông ấy là mọi việc đều tốt lành cả rồi xấu đi. Anh phải biết rằng khi mọi việc đang chạy tốt thì nó sắp trở thành xấu, và, để đơn giản hóa hết mức lý thuyết của Soros, điều quan trọng là phải công nhận việc khuynh hướng đổi chiều là không tránh khỏi. Bí quyết là xác định được điểm uốn này."

Thí dụ về hiện tượng phản hồi thì có rất nhiều. Trong một bài báo của tạp chí *Wall Street Journal* năm 1988, Soros viết: "Khi người ta mất lòng tin về một đồng tiền nào đó, sự mất giá của nó sẽ làm tăng lạm phát trong nước, do đó càng làm đồng tiền mất giá. Khi các nhà đầu tư tin vào ban lãnh đạo của một công ty thì việc giá cổ phiếu tăng sẽ cho phép ban lãnh đạo dễ dàng đáp ứng các kỳ vọng của nhà đầu tư. Tôi gọi đó những mối quan hệ mà ban đầu tự củng cố và cuối cùng tự thất bại ấy là "phản hồi."

Những khoản tiền lời lớn nhất mà Soros thu được là khi ông phát hiện ra các biến động có tính "tự củng cố" của các cổ phiếu hay các nhóm cổ phiếu. Các nhà đầu tư bất thành linh thay đổi thái độ đối với một ngành công nghiệp và mua rất nhiều. Một hiện tượng tự củng cố sẽ xuất hiện vì khi cổ phiếu được mua nhiều thì sự thịnh vượng của ngành công nghiệp ấy được củng cố vì các công ty trong ngành ấy sẽ tăng doanh thu qua việc vay thêm vốn, bán cổ phiếu, mua thêm các hãng khác dựa trên cổ phiếu..

Đấy là phần boom (phần hưng thịnh) của chuỗi boom/bust.

Canh bạc sẽ tàn khi thị trường đã bão hòa và ngày càng có nhiều cạnh tranh làm cho triển vọng của nhóm công nghiệp bị giảm đi, giá cổ phiếu trở nên quá cao. Khi quá trình này được làm sáng tỏ những người bán nhanh đã có một ngày thành công lớn.

Một thí dụ xảy ra năm 1960 có liên quan đến các tập đoàn. Giá cổ phiếu cao của các tập đoàn thúc đẩy họ mua thêm càng nhiều công ty càng tốt. Chính sách này đẩy giá lên cao hơn cho đến khi giá cổ phiếu tụt xuống.

Theo Soros, mối tương quan phản hồi lại càng rõ trong trường hợp các tín dụng:

“Các khoản tiền cho vay được căn cứ trên sự ước lượng của người cho vay về khả năng trả nợ của người vay. Việc định giá các thế chấp đáng lẽ là độc lập đối với việc cho vay nhưng sự thật là việc cho vay có ảnh hưởng đến giá trị của thế chấp. Điều này đúng cho mỗi trường hợp cá biệt và cũng đúng cho toàn bộ nền kinh tế.”

Trong một thí dụ khác về hiện tượng phản hồi xảy ra từ khoảng giữa đến cuối thập kỷ 1980, giá đưa ra trong một cuộc đấu thầu để mua lại công ty dẫn đến việc xác định lại tài sản của công ty ấy. Điều này làm cho các ngân hàng sẵn sàng cho người đấu thầu vay thêm tiền. Cuối cùng là giá lên rất cao; thị trường vì bất ổn và được đánh giá quá cao nên cứ tăng lên mãi. Theo thuyết phản hồi của Soros, việc thị trường sụp đổ là điều không thể tránh khỏi.

• • •

Đấy là George Soros, nhà đầu tư không chính thống vào thời ấy.

Ông không hoạt động trong các thị trường tài chính theo các quy luật truyền thống. Để cách ấy cho những người khác. Những người cứ tin rằng thế giới, và tất cả những gì thế giới chứa chấp, kể cả các thị trường tài chính, là hợp lý.

Soros quan tâm đến những quy luật của trò chơi nhưng chỉ muốn biết khi nào các quy luật ấy sắp bị thay đổi. Bởi vì khi chúng sắp thay đổi, chúng sẽ bắt đầu bằng việc tạo ra một mối quan hệ phản hồi, và tính phản hồi ấy có thể gây ra một chuỗi boom/bust.

Soros luôn luôn theo dõi các thị trường tài chính, kiểm tra chúng tỉ mỉ để phát hiện một chuỗi boom/bust. Biết rằng các thị trường tài chính đôi khi được đặc trưng bởi mối quan hệ phản hồi, Soros cảm thấy mình có lợi thế hơn phần còn lại của cộng đồng các nhà đầu tư.

Có được bí quyết đầu tư này, Soros không phải luôn luôn được đảm bảo là có thể kiếm lời. Đôi khi, có những vấn đề không đáng gì đến tài đầu tư của ông. Đôi khi, chúng lại hoàn toàn do tài ấy mà ra.

Thí dụ như có lúc không hề có quá trình phản hồi. Hoặc là quá trình ấy đã có mà Soros không thể phát hiện kịp thời. Tồi tệ nhất là khi Soros đi tìm một quá trình phản hồi, tưởng là mình tìm ra nhưng sau đấy phát hiện là mình đã nhầm.

Trong một số trường hợp, Soros lấy cả một vị thế đầu tư mà không "suy nghĩ về cách hoạt động của một thị trường nào đó nghĩa là có hay không có một quá trình phản hồi. Nhưng ông luôn luôn tìm kiếm các quá trình phản hồi. Khi tìm ra và thấy có khả năng khai thác, ông không ngại bỏ ra vô số tiền, viết thêm bao nhiêu là số không trên hàng đơn vị.

Tuy chấp nhận rằng đó thật sự không phải là một lý thuyết đang phát triển nhanh, Soros vẫn ngụ ý rằng thuyết phản hồi của ông có hy vọng giải thích được nhiều thứ hơn là cách kiếm tiền trên các thị trường tài chính. Với giọng phô trương, ông còn nói là thuyết phản hồi của mình còn có thể giải thích các hoạt động của thế giới.

Đó là nhà triết học George Soros nói ra chứ không phải là nhà đầu tư George Soros.

"Tôi tin rằng việc các người tham gia vào thị trường tài chính có thành kiến là chìa khóa để giải thích tất cả các quá trình lịch sử có sự tham gia của những con người biết suy nghĩ, chẳng khác gì sự đột biến gen là chìa khóa của mọi tiến hóa của sinh vật."

Soros cũng biết là gắn những kỳ vọng cao như thế vào lý thuyết của ông chỉ là một điều không tưởng. Dù muốn sự việc đi trái lại, nhưng ông vẫn phải nhận ra với một nỗi thất vọng ngày càng cao là ông đã chẳng hiển danh được cho thế giới một phát minh vĩ đại.

Lý thuyết của ông vẫn có nhiều khiếm khuyết. Ông không định nghĩa được là ông muốn nói gì khi nói là các người tham gia có một hiểu biết không hoàn hảo. Hơn nữa, lý thuyết ấy chẳng giúp được ai để có những dự báo đúng.

Sau cùng, Soros cũng phải vỡ mộng thú nhận rằng, mặc dù “có giá trị và khá hay” nhưng quan niệm của ông về mối quan hệ nhân quả của thành kiến của người tham gia thị trường chưa hẳn đã là một lý thuyết thật sự. Nó ôm đồm quá. Muốn có ích, “lý thuyết” phải chỉ rõ được khi nào một chuỗi boom/bust sắp xảy ra. Lý thuyết của ông không làm được điều này.

Soros chỉ là trung thực khi nói về những hạn chế của lý thuyết của mình. Ông đặt nhiều hy vọng vào lý thuyết ấy, và khi những hy vọng này không trở thành hiện thực thì ông có thể im hơi lặng tiếng. Nhưng ông đã không làm như vậy. Dù không đưa ra một lý thuyết tổng quát nhưng ông tin rằng những gì ông đã làm cũng có ích phần nào. “Tôi đã đưa ra một cách tiếp cận để giúp người ta thấy rõ tình trạng bấp bênh của hệ thống tài chính của chúng ta.”

• • •

Vào tháng Năm năm 1994, bảy năm sau khi cuốn *Giả kim thuật Tài chính* được xuất bản, hơn bao giờ hết, Soros bây giờ đã là một nhân vật khá nổi tiếng trong giới tài chính. Kết quả là ông cho tái bản tác phẩm của mình dưới dạng bìa mềm với một lời giới thiệu. Trong lời giới thiệu ấy, Soros viết rằng ông muốn điểm lại thuyết phản hồi của ông một lần nữa để làm sáng tỏ điều mà ông muốn nói lúc đầu:

Ông viết: “Trong *Giả kim thuật Tài chính*, tôi đưa ra thuyết phản hồi như thế là nó lúc nào cũng đúng. Nó đúng theo nghĩa là cơ cấu hồi tiếp hai chiều, dấu xác nhận của hiện tượng phản hồi, có thể xảy ra bất kỳ lúc nào, nhưng nó không đúng ở chỗ là nó luôn luôn có mặt. Thật ra, trong nhiều trường hợp, nó yếu đến nỗi người ta có thể bỏ qua, không kể đến.”

Soros cũng làm sáng tỏ một điểm thứ hai:

“Người ta thường tóm tắt những điều tôi muốn nói đến trong cuốn sách là sự định giá của những người tham gia vào thị trường luôn luôn có thành kiến và những thành kiến đang thịnh hành có ảnh hưởng đến giá cả thị trường.” Ông nói thêm rằng nếu ông chỉ muốn nói chùng ấy chuyện thì không cần phải viết cả quyển sách dài. “Điều tôi muốn nói là có những trường hợp thành kiến không

chỉ có ảnh hưởng đến giá cả thị trường mà còn tác động lên cái mà người ta gọi là yếu tố cơ bản của thị trường. Đây là trong trường hợp hiện tượng phản hồi trở nên quan trọng. Nó không xảy ra thường xuyên, nhưng một khi xảy ra thì giá cả thị trường đi theo một kiểu khác. Giá cả thị trường cũng có một vai trò khác; chúng không chỉ đơn thuần phản ánh các yếu tố cơ bản mà chúng trở thành một trong những yếu tố cơ bản ấy để điều chỉnh sự biến chuyển của giá cả.”

Soros chê trách những ai đọc một phần hay đọc cả cuốn sách mà chỉ nhận ra điểm thứ nhất – rằng các thành kiến có ảnh hưởng lên giá cả thị trường – mà không nhận ra điểm thứ hai – rằng trong một vài trường hợp, các thành kiến đang thịnh hành có thể ảnh hưởng đến các yếu tố cơ bản và những thay đổi trong giá cả thị trường sẽ dẫn đến những thay đổi trong giá cả thị trường.

Ông tự trách mình.

Ông thừa nhận là đáng lẽ ra ông không nên đưa ra một lý thuyết tổng quát trong ấy việc không có hiện tượng phản hồi là một trường hợp đặc biệt mà phải nói hiện tượng phản hồi là một trường hợp đặc biệt vì đặc tính cơ bản của hiện tượng phản hồi là nó ít khi xảy ra.

Lời bào chữa chính của ông là ông đã quan sát hiện tượng phản hồi trước hết như không phải là lời giải thích cho cách xử sự của các thị trường tài chính mà trước đây ông đã xem nó là một quan niệm triết học. Khi cho rằng mình đã đưa ra một lý thuyết chung về phản hồi, ông phải công nhận là ông đã đi quá đà. Từ đó suy ra, theo ông viết, là ông phạm sai lầm khi nói rằng lý thuyết kinh tế là không đúng. Nếu các điều kiện để hiện tượng phản hồi xảy ra không có liên tục thì phải công nhận là lý thuyết kinh tế cũng không phải luôn luôn sai.

• • •

Thuyết phản hồi của George Soros có giá trị gì không? Điều này có thể dễ trả lời nếu Soros đã không làm cho vấn đề thêm mù mịt khi ông công nhận là đôi khi ông cũng không tin vào lý thuyết của mình nữa, đôi khi ông phản ứng lại với các sự kiện trên thị

trường tài chính giống như một con thú trên rừng phản ứng với môi trường xung quanh. Ông không nói rõ là khi phát biểu như thế, ông muốn nói điều gì. Đôi khi ông ông viện cớ là trên thị trường tài chính sắp có những chuyện tồi tệ xảy ra chỉ vì ông bắt đầu thấy đau lưng. Tuy nhiên, chứng đau lưng của ông cũng chỉ được sử dụng như một hệ thống báo động sớm. Nó không giúp cho ông xác định được cái gì sắp xảy ra với thị trường. Khi Soros đã xác định được là có chuyện sắp xảy ra thì cứ như là ông đã uống một viên aspirin làm giảm đau.

Tức khắc, bệnh đau lưng của ông biến mất.

Tôi nói chuyện với Soros vào tháng Năm năm 2008 và đề nghị ông dung hòa giữa lý thuyết phản hồi của ông và việc ông bị đau lưng như một điểm báo là danh mục đầu tư của mình đang có vấn đề.

Ông nói chẳng cần phải dung hòa gì cả, "hai việc này có quan hệ mật thiết với nhau – bởi vì triết lý của tôi dựa trên tính quan trọng của hiện tượng bấp bênh. Tôi cho rằng, trong các thị trường tài chính còn có nhiều bấp bênh hơn là hệ thuyết hiện hành muốn công nhận. Đó là điều chính mà tôi muốn nói. Và sự bấp bênh tạo ra trạng thái căng thẳng. Anh phải có một quyết định. Tôi có khỏe hơn con hổ đứng trước mặt tôi không hay là tôi phải bỏ chạy? Chính điều này tạo ra căng thẳng. Đó là cái căng thẳng tôi cảm thấy trên lưng tôi. Tình thế của tôi hiện giờ có điều gì không ổn và tôi phải làm một việc nào đó để cải thiện. Tôi đã làm việc ấy và hết đau lưng. Mối quan hệ là như thế.

Cách trả lời trước tình trạng bấp bênh là phải giảm rủi ro. Mà không nhất thiết là giảm rủi ro bằng biện pháp đúng đắn. Anh có thể làm sai. Và tôi thường làm sai khi phải giảm rủi ro trong các điều kiện bấp bênh."

Chứng đau lưng không cho ông biết cách làm việc ấy: "Tôi phải dùng bộ óc của tôi để tìm ra."

Tôi mới hỏi Soros là ông có cảm thấy thuyết phản hồi giúp cho ông điều gì trong đầu tư không?

Ông trả lời: Có chứ.

Nhưng làm sao ông có thể chứng minh được là lý thuyết ấy áp dụng được. Tôi gợi ý cho ông, có lẽ chỉ là trực giác.

Soros nói: “Anh cần trực giác. Thuyết phản hồi không giúp cho anh dự báo tương lai. Nó chỉ là một khung cảnh trong đó anh có thể đoán trước” được các sự kiện xảy ra trong tương lai. Anh có một dãy sự kiện nào đó. Vì vậy anh vẫn cần có trực giác. Anh phải phối hợp nó (thuyết của Soros) với trực giác thì mới kiếm ra tiền.

CHƯƠNG 7

ĐẦU TƯ TRƯỚC RỒI HÃY ĐIỀU TRA NGHIÊN CỨU SAU

Các lý thuyết của Soros chỉ mới trình bày ra một phần các bí mật trong hoạt động đầu tư của ông, đó là khuôn khổ để giải thích quan điểm của ông về cách hoạt động của thị trường tài chính. Tuy nhiên khuôn khổ ấy không cho biết cách hoạt động của George Soros.

Những bí mật ấy thì Soros giữ kín.

Việc phân tích trí tuệ đã đưa ông đến vị trí ấy. Sau đấy, phải cần đến trực giác.

Soros nhận xét: "Người ta tự cho mình là biết cách phân tích, tôi cũng có thể tin như vậy. Nhưng có thêm một điều nữa. Tôi đã có thành tích tốt là một thương nhân nhưng tôi cũng có một lý thuyết. Vậy là có một mối quan hệ nào đó. Nhưng tôi không tin là những thành công trong thương trường của tôi chứng minh cho sự đúng đắn của lý thuyết của mình. Đó không phải là một chứng minh khoa học. Tôi cho là phải có một điều gì khác nữa." Vì các lý thuyết của Soros không giải thích được hết các thành công của ông, người ta có thể lý luận rằng ông cũng chỉ gặp may mà thôi. Nhưng có ít nhà phân tích nghiêm túc lại tin nhiều vào cách giải thích này. Tôi tình cờ có lần gợi ý cho một những người cộng tác

lâu năm với Soros, Robert Miller, một phó chủ tịch hàng đầu của hãng Arnold & Bleichroeder rằng khả năng của Soros kiếm được nhiều tiền có thể là do ông sẵn sàng đánh cược những khoản tiền lớn. Miller trả lời tôi một cách bực bội:

“Không phải. Không phải là khả năng của ông ta bỏ nhiều tiền đánh cược. Nếu ông ấy thấy một chỗ nào tốt thì ông ấy sẽ đầu tư vào vì ông ấy không xem đó là một canh bài đỏ đen. Ông xem nó là một kịch bản kinh tế.”

Thật còn phức tạp nhiều hơn là chỉ đơn thuần tung con súc sắc rồi đợi để trúng số to (như chơi craps ra hai con nhất).

Cách Soros tiến hành tùy thuộc vào các khả năng của ông, có thể chỉ có một tổ hợp các khả năng này mà thôi.

Trước hết là *sức mạnh của trí óc* của ông.

Trong khi những người khác trên thị trường đang phải vật lộn với chỉ một cổ phiếu, chỉ một nhóm công nghiệp, chỉ một mặt hàng thì bất cứ lúc nào Soros cũng bận rộn với những kịch bản phức tạp có liên quan đến thương mại toàn cầu.

Khác với phần lớn những người khác, ông tìm ra được những khuynh hướng, những biến động, những nhịp điệu toát ra từ những lời công bố của các nhà lãnh đạo tài chính thế giới và những quyết định của các lãnh đạo ấy. Điều mà Soros hiểu rõ hơn phần lớn những người khác là quan hệ nhân quả trong các nền kinh tế thế giới. Nếu A xuất hiện thì B sẽ đi theo, sau đấy là C. Cách suy nghĩ này chẳng có gì là khôi hài cả. Thật ra, nó là một trong những bí quyết quan trọng của Soros.

Và ông ta là một con người *gan góc*.

Nếu không thì làm sao có thể giải thích cách ông ta mua và bán những số lượng lớn không ai hình dung nổi mà mặt cứ lạnh như tiền. Chính ông cũng chối là mình không có can đảm như vậy, vì ông quả quyết rằng chìa khóa của đầu tư là biết cách sống sót. Và biết cách sống sót có nghĩa là đôi khi phải chơi chứng khoán một cách bảo thủ, khi cần thì phải giảm thua lỗ, luôn luôn để riêng một phần lớn tài sản sang một bên. Ông thích nói rằng: “Nếu anh

không thành công thì động tác đầu tiên là hạn chế bớt tiền đi. Đừng cố mà tìm cách bù lại. Và khi bắt đầu trở lại thì chơi ít ít thôi.”

Nhưng, việc mà Soros làm đòi hỏi một lòng ngoan cường dũng cảm. “Tôi ngồi trong phòng làm việc của ông lúc ông đang đưa ra những quyết định liên quan đến hàng trăm triệu đôla, Daniel Doron, một nhà bình luận và cũng là giám đốc Trung tâm Tiến bộ Xã hội và Kinh tế của Israel đóng ở Jerusalem nói, “Tôi sẽ run như cây sậy; không sao ngủ được. Còn ông thì ông chơi đùa với những khoản tiền đặt cược lớn như vậy. Muốn làm được như vậy phải có thần kinh bằng thép. Có lẽ, ông ta đã được chuẩn bị để làm những việc ấy.”

Người ta thường hay so sánh George Soros với Warren Buffet, một nhà đầu tư thượng hạng khác của Wall Street, nhưng thường sự so sánh chỉ được đưa ra để làm rõ những khác biệt nổi bật giữa hai người.

Trong khi Buffet chuyên về một thứ và chỉ một thứ thôi – mua lại những công ty vững chắc với giá rẻ – thì Soros lại uyển chuyển hơn, ra vào thị trường tài chính tùy theo hướng thổi của cơn gió tài chính, cố gắng nắm được đúng lúc những chuyển hướng trên thị trường. Buffet mua và bán cổ phiếu, Soros buôn ngoại tệ và chuyên về các lãi suất. Buffet tập trung vào những công ty riêng lẻ; Soros chuyên theo dõi các khuynh hướng trên thị trường tài chính toàn cầu.

Một trong những đức tính có ích của Soros là khả năng của ông gạt bỏ mọi xúc cảm khi giao dịch trên thị trường tài chính.

Theo cách nói như thế, ông gần như một con người *khắc kỷ*.

Khi những người khác cho phép cái tôi của mình tham gia vào những quyết định nhanh trí trên thị trường, thì Soros hiểu rằng nhà đầu tư khôn ngoan là một nhà đầu tư bình thản. Chẳng cần phải cãi là mình không bao giờ sai. Có thể là khó nói khi một cổ phiếu ưa thích bất ngờ tụt dốc, nhưng tốt hơn là, như Soros luôn luôn làm, là nhận khi mình phạm sai lầm.

Một hôm vào năm 1974, Soros đang chơi quần vợt với một người bạn. Bất thình lình chuông điện thoại reo.

Đấy là một người môi giới ở Tokyo, báo cho Soros biết một bí mật: Năm ấy, Tổng thống Mỹ Richard Nixon đang bị rơi vào vụ bê bối Watergate có thể làm cho ông mất chức. Người môi giới gọi để cho Soros biết là người Nhật ít có phản ứng trước những khó khăn của Nixon.

Vì đã bỏ nhiều tiền vào thị trường chứng khoán Nhật, Soros phải quyết định: hoặc ở lại, hoặc rút ra.

Người bạn quần vợt thấy Soros toát mồ hôi trán mà trước đấy trong trận đấu ông không có.

Lúc ấy, Soros quyết định bán. Ông không hề do dự, không thấy cần phải bàn với ai trước khi đi bước đi quan trọng như vậy.

Chỉ cần một tích tắc đồng hồ là ông có thể quyết định. Chỉ có vậy.

Allan Raphael đã từng cộng tác với Soros trong những năm 1980, tin rằng tính khác kỷ của Soros là một đặc tính hiếm có ở nhà đầu tư và cũng đã giúp cho ông rất nhiều. “Những người như thế này chỉ đếm trên đầu ngón tay. Khi Soros thấy mình sai lầm, ông tìm đủ mọi cách để rút ra. Ông không nói, ‘Tôi đúng, bọn họ sai.’ Ông nói ‘Tôi sai rồi’ và ông rút ra vì nếu anh có một vị thế xấu nó sẽ ăn hết tiền của anh. Tất cả những gì anh làm là nghĩ về nó – ban đêm, ở nhà anh. Nó sẽ thiêu đốt anh. Mất anh sẽ lỗi ra khỏi trông. Đây là một công việc rất cực nhọc. Nếu dễ thì mấy cô cảnh sát phụ đi phạt xe ngoài đường cũng làm được. Phải có rất nhiều tính kỷ luật, lòng tự tin, và cơ bản là không được có cảm xúc.”

Rồi lại có *lòng tự tin* của Soros mà ai cũng tán dương.

Khi Soros tin rằng ông đúng về một đầu tư nào đó thì không ai có thể bắt ông dừng bước. Không một vị thế đầu tư nào lại quá lớn đối với ông. Chỉ những người nhút nhát mới dừng lại. Sai lầm lớn nhất trong sách của Soros không phải là quá bạo dạn mà là quá bảo thủ. Ông thường hay hỏi: “Sao lại quá ít như vậy?”

Cuối cùng có *bản năng* của ông.

Đấy là một khả năng vô hạn để biết khi nào nên đầu cơ mạnh tay, khi nào thì rút khỏi một vị thế đầu tư – khi nào anh đạt mục tiêu, khi nào không đạt.

Soros nói: “Cơ bản của cách tôi hoạt động là tôi có một *luận điểm* và tôi thử nghiệm nó trên thị trường. Khi tôi bán khống để đầu cơ xuống giá và thị trường lại chạy theo một hướng nào đó thì tôi lo lắng. Tôi bị đau lưng và khi tôi bù lại được khoản lỗ thì lại hết đau lưng. Tôi thấy khỏe lên. Đây chính là tác động của bản năng.”

Đưa ra một lời tóm tắt về tài đầu tư của George Soros, Byron Wien của hãng Morgan Stanley gợi ý: “Tài của George là ông ta có kỷ luật. Ông nhìn thị trường một cách thực tế và ông hiểu được các lực tác động lên giá cả các cổ phiếu. Ông hiểu rằng thị trường có mặt hợp lý mà cũng có mặt bất hợp lý. Và ông cũng hiểu rằng không phải khi nào mình cũng đúng. Ông sẵn sàng có những hành động mạnh dạn khi thấy mình đúng và lợi dụng hết khả năng của một cơ hội, và khi mình sai thì ông tìm cách giảm thiệt hại... Ông ấy rất tin tưởng khi chắc chắn là mình đúng như trong trường hợp cuộc khủng hoảng đồng bảng Anh năm 1992.”

Một phần bản năng của Soros là phát hiện ra các biến động của thị trường, theo chiều này hay theo chiều khác. Đây không phải là điều người ta học được ở trường, nó không có trong giáo trình của trường Đại học Kinh tế London. Đây là một tài năng trời cho mà ít ai có được. Nhưng Soros có được thiên tài ấy. Edgar Aitaire, người chung vốn ở London với Soros, dễ dàng tìm ra nguồn gốc của những thành công của Soros: “Chìa khóa thành công lớn nhất của ông ta là tâm lý của ông. Ông hiểu được bản năng bầy đàn. Ông biết rõ khi nào số đông lại chạy theo một cái gì đó, ông chẳng khác gì một nhà nghiên cứu thị trường loại giỏi.”

• • •

Có lẽ điểm đặc biệt nhất của Soros, đặc tính giải thích rõ nhất tài đầu tư của ông, là khả năng của ông được nhận vào một “câu lạc bộ” rất khép kín, một câu lạc bộ mà thành viên là những nhà lãnh đạo của cộng đồng tài chính quốc tế.

Phần lớn các thành viên là những nhà lãnh đạo chính trị và kinh tế của những quốc gia giàu có: các thủ tướng, bộ trưởng tài chính, giám đốc ngân hàng trung ương. Ước tính qua loa, người ta thấy số thành viên không vượt quá 2.000 người ở rải rác khắp nơi trên thế giới.

Vì không phải là một lãnh đạo được bầu, Soros không có được địa vị ngang hàng với những người khác. Nhưng vì các nhà chính trị dần dần không nắm được quyền lực kinh tế và những nhà đầu tư như Soros ngày càng có nhiều uy thế trên các thị trường tài chính nên Soros ngày càng có nhiều trọng lượng trước các nhà lãnh đạo ấy. Họ muốn làm quen với ông, muốn ông cho biết những suy nghĩ của mình về kinh tế thế giới. Phần lớn, họ muốn biết ông làm được những gì. Về phần mình, lẽ tất nhiên là ông muốn biết về những quyết định mà các lãnh đạo của nhiều quốc gia khác nhau có thể đưa ra.

Trong khi những người khác chỉ được đọc về các lãnh đạo ấy trên báo chí thì Soros lại có lợi thế là có thể dễ dàng tiếp xúc với họ: hôm nay ông ăn sáng với một bộ trưởng tài chính, ngày mai ông dùng bữa trưa với một vị giám đốc ngân hàng trung ương hay thăm xã giao một vị thủ tướng.

Thí dụ như một hôm vào đầu thập niên 1980, Soros đến Ngân hàng Anh quốc. Ông được mời đến để cho ý kiến về việc làm sống lại các thị trường tài chính bằng cách hạn chế tiền tệ. Các chủ ngân hàng đều chú ý đến ông sau khi ông mua một lượng trái phiếu của Anh tương đương với 1 tỷ đôla năm 1980; đây là một thời buổi huy hoàng của ông vì đầu tư này có lãi rất cao.

Không phải sự nhạy cảm tài chính đã đưa ông đến mạng lưới các lãnh đạo tài chính thế giới. Bắt đầu từ giữa thập niên 1880, khi ông bắt tay vào việc xây dựng các quỹ từ thiện ở Đông Âu và sau đó ở Liên Xô cũ để cổ xúy các xã hội mở, Soros lại càng có lý do để kẻ vai sát cánh với các lãnh đạo chính trị và kinh tế, đặc biệt là ở Âu châu.

Không phải là hiếm khi có một vị bộ trưởng tham dự một hội nghị do một quỹ từ thiện của Soros tổ chức hay là Soros gặp một nhà lãnh đạo chính trị khi đến dự một cuộc họp ban quản trị của một trong số các quỹ của ông. Dẫn nhà văn Michael Lewis đi thăm trong hai tuần các quỹ của ông vào tháng Mười Một năm 1993, sau khi gặp tổng thống Moldova vào buổi sáng và tổng thống Bulgari vào buổi chiều, ông khoe: “Anh thấy không, tôi ăn sáng với một tổng thống và ăn tối với một tổng thống khác.”

Những cuộc gặp ấy dĩ nhiên cho Soros lợi thế hơn các nhà đầu tư khác. Tất nhiên là ăn sáng với các quan chức chính phủ không cho Soros biết được ngày chính xác một nước nào đấy sẽ phá giá đồng tiền của mình hay tăng lãi suất. Các nhà lãnh đạo kinh tế cũng chẳng tiết lộ những điều này khi ăn trứng ốp la và bánh mì nướng, kể cả cho George Soros – hay nói chính xác hơn là đặc biệt cho George Soros.

Nhưng việc gán gũ các nhà lãnh đạo cho Soros đoán ra các sự kiện mà những nhà đầu tư khác không thể làm được. Có thể ông phải đợi hàng tháng trước khi khai thác được một cái gì có ích từ buổi gặp gỡ; có thể là một lời nhận xét không chính thức mà một vị bộ trưởng tài chính nói ra trong buổi ăn trưa ba tháng trước đó. Điểm chính là ông đã gặp vị bộ trưởng tài chính và giữ lại cuộc nói chuyện trong đầu để dùng khi cần đến trong khi những người khác chỉ được đọc trên báo chí.

Như George Magnus, nhà kinh tế quốc tế chính của hãng Chứng khoán S. G. Warburg ở London nhận xét: "Soros có tài hiểu biết những sự kiện quốc tế và những phương thức hoạt động trên thế giới. Nguồn gốc Âu châu của ông làm cho ông vượt hẳn lên trên những người đương thời với mình. Nó cho ông một cái nhìn khác về cách thế giới lắp ghép lại với nhau như thế nào, đặc biệt là về sự thống nhất của nước Đức và nhiều quan niệm khác của châu Âu... Ông có cái mà người Đức gọi là *weltanschauung*, một thế giới quan, không bị làm hoen ố nhiều bởi những rối rắm của những vấn đề chính trị nội bộ của nước này hay nước khác. [Việc của ông làm là] xây dựng một bức tranh toàn cảnh rồi biến nó thành những cơ hội."

Có được cái nhìn toàn cảnh thế giới làm cho lòng tự tin của Soros tăng lên gấp bội. "Ông không phải là con người nhìn các thành tựu của mình một cách hẫ hễ" James Marquez, một cộng tác viên của Soros từ những năm 1980 nhận xét, "nếu không là chỉ muốn nói, 'anh bạn ơi, mọi việc phải xảy ra như thế này đây.'"

"Người ta có thể nghe ông nói những câu như 'Thật rõ ràng' hay 'Rõ ràng là phải xảy ra việc ấy' hay 'Những nhân tố dẫn đến việc này thì rất đơn giản và không có gì là quanh co cả.' Ông có

thể thấy rõ khu rừng trong khi những người khác chỉ thấy cái cây.” (như trong thành ngữ “*thấy cây không thấy rừng*”, N.D.)

Không phải chỉ đơn thuần là các nhà đầu tư khác không có đủ tư cách để được nhận vào câu lạc bộ khép kín của những nhà lãnh đạo thế giới. Dù họ có được chẳng nữa thì ít nhà đầu tư lại thích tốn nhiều thì giờ với các nhà lãnh đạo thế giới như Soros.

Những nhà đầu tư khác thường quen hơn với nhịp độ rộn ràng của những sàn chứng khoán. Phần lớn trong số họ cho rằng đi lại với những nhân vật như thế sẽ làm đứt quãng công việc của mình thậm chí lãng phí thời gian. Nhưng Soros lại hoạt động trên một tần số khác: ông có thể hiểu là phải có mặt trên sàn chứng khoán nhưng ông thấy cũng cần phải ra khỏi phòng làm việc không những chỉ để gặp những nhân vật quan trọng có quyền quyết định mà cũng để có thì giờ suy nghĩ. Và Soros gợi ý: “Muốn thành công bạn phải có thì giờ rảnh rang. Bạn cần bị o ép và thúc đẩy.”

Byron Wien, bạn của Soros cũng thấy được thái độ ung dung tự tại trong cách tiếp cận với đời sống và với các hoạt động kinh tế của ông.

Wien nói: “Ông ấy thấy mình không nên phụ thuộc vào người khác. Có người cả ngày chỉ thương lượng với những người môi giới. Ông không thấy phải sử dụng thời gian như thế. Trái lại, ông thích nói chuyện với một ít người thật sự có thể giúp mình và thích suy tư, đọc sách báo và ngẫm nghĩ. Ông kiếm những người nhạy cảm một cách nào đó với triết học. Ông không chỉ quan tâm đến những người nhiều tiền mà không có tâm hồn. Ông không thấy là ông phải làm những chuyện ấy tại văn phòng.”

Có lần ông nói với tôi câu này mà tôi thấy rất bổ ích: “Điều tôi lo cho anh, Byron, là ngày nào anh cũng đi làm rồi anh tưởng là anh đi làm hàng ngày thì phải làm một việc gì đấy. Tôi thì không đi làm hàng ngày, tôi chỉ đi làm hôm nào tôi thấy đi làm có ý nghĩa... Và hôm ấy tôi thật sự mới làm được việc gì đó. Nhưng anh thì ngày nào cũng đi làm, ngày nào cũng làm được một cái gì mà chẳng biết khi nào là một ngày đặc biệt.”

Vậy George Soros đã làm gì trong một ngày trong những thập niên 1980 và 1990?

Một ngày tiêu biểu của ông bắt đầu lúc 8 giờ hay 8 giờ 30 sáng. Suốt ngày, ông tham dự hết buổi họp này đến buổi họp khác, nhưng những giám đốc quỹ của ông thì có thể tự do gặp ông để trao đổi về những vị thế đầu tư bất kỳ lúc nào. Soros làm việc trên nguyên tắc mỗi lần một việc. Ông trao đổi với các giám đốc quỹ riêng biệt từng người. Ông rất ghét những cuộc họp ủy ban. Theo Allan Raphael, người đã cộng tác với ông từ 1984 đến 1988, thì đôi lúc, sau khi nghe một giám đốc trình bày, Soros có thể đề nghị người này gọi điện thoại cho một người nào có thể ủng hộ cách lập luận ngược lại. "Nếu anh thích cái gì đó thì ông ta lại muốn anh trao đổi với một người không thích cái ấy. Ông luôn luôn muốn có một cọ sát trên mặt trí tuệ. Ông luôn luôn nghĩ đi nghĩ lại về một vị thế đầu tư. Anh phải suy nghĩ lại, suy nghĩ lại và suy nghĩ lại nhiều lần. Mọi việc có thể thay đổi. Giá cả có thể thay đổi. Các điều kiện có thể thay đổi. Là một nhà quản lý quỹ đầu tư, anh phải luôn luôn đo lường suy nghĩ đi suy nghĩ lại về vị thế của mình."

Rồi lại có những cuộc đối thoại.

Có thể là Raphael nói với ông: "Vị thế này hết thời rồi."

Soros: "Theo anh thì ta có thể bán gì ở đây không?"

Raphael: "Không."

Soros: "Anh muốn mua gì thêm không?"

Soros cứ suy đi tính lại, đánh giá lại vị thế ấy.

Raphael nói: "Soros có một khả năng kỳ lạ để đặt ra câu hỏi đúng. Rồi ông nhìn lên các biểu đồ và phán [về cách nhìn của ông đối với vị thế]."

Khi thời gian đã chín muồi để quyết định thì ông không cần quá 15 phút để nghiên cứu.

Những nhà quản lý quỹ đầu tư như Raphael cũng có một ít khả năng linh hoạt – không phải việc gì cũng phải qua Soros cả. Những vị thế nhỏ, thí dụ vào khoảng 5 triệu đôla thì có thể lập nên mà không cần quyết định của Soros.

“Nhưng,” Raphael nhận xét, “thảo luận với ông ta thì thật có lợi cho mình vì ông ta thật khôn ngoan.”

• • •

Đối với Soros, chìa khóa của thành công trong đầu tư là tài sống sót. Khó có thể nghĩ rằng sống sót là một cái tài, nhưng trong trường hợp Soros, thì nó giúp giải thích được các thành tựu của ông.”

Trong cuốn *Giả kim thuật Tài chính* ông nói rằng việc quản lý một quỹ đầu tư mạo hiểm đã thử nghiệm tối đa những gì ông đã học về sống sót. “Khi sử dụng các đòn bẩy tài chính ta có thể đạt được những kết quả cao nếu mọi việc suôn sẻ, nhưng nếu các sự kiện xảy ra không đúng như mình kỳ vọng thì anh có thể bị mất trắng. Một trong những điều khó lường nhất là mức độ rủi ro nào là an toàn. Không có một định mức dùng được ở bất kỳ chỗ nào: Mỗi tình hình phải được đánh giá theo đúng giá trị của nó. Trong đợt phân tích cuối cùng, anh phải dựa vào bản năng sống sót của mình mà thôi.”

Một minh họa cho việc bản năng sống sót ấy hoạt động như thế nào đã xảy ra vào tháng Mười 1987 trong đợt thị trường chứng khoán bị sụp đổ. Nhìn lại thì có vẻ như Soros rút lui một vài vị thế đầu tư quá sớm. Nhưng đối với James Marquez thì đó chính là một George Soros thuần túy, rút lui khỏi bãi chiến trường để sống và tiếp tục chiến đấu một ngày khác. Làm như vậy, ông bị lỗ nhiều, nhưng Soros đã tránh được những mất mát lớn hơn trong vị thế của mình. “Đối với nhiều người, chấp nhận một kết quả như vậy thật đau lòng,” Marquez nhận xét. “Nhưng Soros có thể làm được như vậy vì ông có đủ tin tưởng rằng ông sẽ có thể trở lại. Và tất nhiên là ông trở lại rồi có những thành công lớn nhất vào thời kỳ hậu - 1987. Tôi cho rằng đây là một bài học cho tất cả chúng ta.”

• • •

Và Soros có một tổ hợp những đức tính – trí tuệ, sự gan dạ, tính khắc kỷ, và bản năng – nên ông tiến được rất xa. Thuyết phản hồi là máy Geiger phát hiện xạ phóng xạ của ông. Nó không bảo ông là phải hướng chính xác về đâu, hay quan trọng hơn cả là hướng lúc nào, nhưng thuyết ấy cho ông biết là phải nhắm vào chỗ nào và cho ông cách dẫn đường đến một cơ hội tiềm tàng.

Rồi những đức tính của ông bắt đầu vào cuộc, dẫn đường cho ông một cách chính xác đến tận mục tiêu.

Lúc ấy Soros mới đi nước cờ của mình. Ông không ra quân rầm rộ nhưng cứ thử rồi nghiệm, cố gắng xác định những gì ông cho là đúng thật ra có đúng không. Ông sẽ đưa ra một giả thuyết để trên cơ sở ấy chọn một vị thế đầu tư. Rồi ông đợi xem giả thuyết của mình có nghiệm đúng không. Nếu được thì ông sẽ đưa ra một vị thế lớn hơn, mức độ tự tin của ông xác định độ lớn của vị thế. Nếu giả thuyết không nghiệm thì ông không chân chừ. Ông rút khỏi đầu tư này. Ông luôn luôn gắng tìm một tình hình trong đó ông có thể đề ra một giả thuyết.

Như Marquez nhớ lại: “George luôn nói, ‘*Đầu tư trước rồi hãy điều tra nghiên cứu sau.*’ Như thế có nghĩa là đưa ra một giả thuyết, xây dựng một vị thế làm bàn đạp để thử nghiệm giả thuyết, rồi đợi cho thị trường phán xử là anh đúng hay sai.”

Nói tóm lại, chiến thuật này mà Soros tâm đắc lắm có thể gọi là “bắt mạch” thị trường. Soros chỉ sử dụng kỹ thuật này năm thì mười họa; khi hai người cùng công tác với nhau trong những năm 1980, đôi khi Soros nói với Marquez rằng ông ta nghĩ đến chiến lược này cho một phi vụ mà hai người đang tiến hành.

Trong những trường hợp như thế, kịch bản sẽ thường như thế này:

Sau khi tranh luận rất nhiều, cuối cùng hai người quyết định dấn thân vào cuộc.

Lúc ấy Marquez sẽ thiết kế một kịch bản, dành riêng ra một số tiền của quỹ cho vị thế ấy.

Soros sẽ nói: “Được rồi, tôi muốn mua 300 triệu đôla trái phiếu, vậy bắt đầu bằng cách bán đi 50 triệu đôla đi.”

“Tôi muốn *mua* 300 triệu đôla kia mà.” Marquez sẽ nhắc lại lời của Soros.

Soros sẽ trả lời: “Đúng thế, nhưng tôi muốn xem thị trường như thế nào trước đã. Tôi muốn xem ở địa vị người bán thì tôi cảm thấy thế nào. Nếu là người bán mà tôi thấy rất thoải mái, nếu tôi có thể

lỗi dễ dàng khi bán thì tôi mới thích mua hơn. Nhưng nếu các trái phiếu ấy bán rất khó, thì chắc là tôi sẽ không mua.”

Tất cả các lý thuyết và chiến lược của Soros không phải lúc nào cũng đúng. Nhưng có một số người lại tin rằng đúng. Họ xem các thành tích đầu tư của ông ta rồi nói rằng một người giỏi như thế chắc sẽ không phạm sai lầm đâu.

Soros thấy thích thú bởi cách người ta suy nghĩ như vậy: “Căn bản là người ta nhầm khi tưởng là tôi không phạm sai lầm, bởi vì – tôi cũng chẳng buồn [nhấn mạnh] đến điều này – có thể là tôi cũng có nhiều sai lầm như bất kỳ ai. Nhưng anh thấy không, tôi cho rằng tôi hơn người ta ở chỗ là tôi nhận ra lỗi của mình. Và đó là bí quyết thành công của tôi. Cái nhìn thấu đáo mà tôi đạt đến là biết được rằng tư tưởng con người vốn có thể phạm sai lầm.”

CHƯƠNG 8

LỜI NÓI ĐI ĐÔI VỚI VIỆC LÀM (ĐẶT TIỀN VÀO MIỆNG MÌNH)

Vào cuối thập niên 1960, Soros bước chân vào giới tài chính cao cấp.

Muốn đóng một vai trò lãnh đạo trong công ty mình làm việc, Soros đã khuyên chủ mình ở hãng Arnhold & S. Bleichroeder lập ra hai quỹ đầu tư đóng ở ngoại quốc và giao cho ông quản lý cả hai. Quỹ thứ nhất có tên là Quỹ First Eagle bắt đầu hoạt động năm 1967. Trong tiếng lóng của Wall Street, nó được gọi là một quỹ dài (đầu cơ lên giá): Khách hàng bỏ vốn đầu tư nhắm vào những thị trường lên giá. Quỹ thứ hai là một quỹ đầu tư mạo hiểm gọi là Quỹ Double Eagle bắt đầu năm 1969. Quỹ này được cấu trúc một cách thế nào để cho phép Soros dùng các cổ phiếu và trái phiếu làm thế chấp để mua bất kỳ số lượng nào của các công cụ tài chính, kể cả các cổ phiếu, trái phiếu hay ngoại hối. Ông tự bỏ tiền túi ra để khởi động quỹ này với 250.000 đôla; nhanh chóng những nhà đầu tư châu Âu giàu có mà Soros quen biết đổ thêm vào 6 triệu đôla.

250.000 đôla.

Đó là vốn khởi nghiệp của tài sản của Soros.

Byron Wien gặp Soros lần đầu tiên năm 1968, lúc ấy Wien là người quản lý danh mục của một hãng đầu tư ở Wall Street và là khách hàng của Arnhold & S. Bleichroeder. Hãng của Wien bán khoán về tình hình Nhật Bản; thị trường chứng khoán ở đây có vẻ đang thấp giá thể mà không ai nắm được kinh tế Nhật Bản. Rồi Wien nghe tên một anh chàng George Soros, được xem là có hiểu biết về Nhật Bản. Wien mời Soros đến nói chuyện với mình và lắng nghe Soros nói với đầy vẻ kính phục.

Đấy là danh thiếp lớn nhất để giới thiệu Soros vào lúc ấy. Ông có vẻ biết rất nhiều về các nền kinh tế xa lạ hơn những người khác trong các hãng lớn ở Mỹ.

Điều làm cho Wien có ấn tượng đặc biệt là động tác tiên phong của Soros trong việc mở ra một quỹ đầu tư mạo hiểm đặt ở nước ngoài không cho khách hàng Mỹ tham gia, trừ Soros, lẽ tất nhiên vì quy định của quỹ cho phép Soros là thành viên, mặc dù ông là công dân Mỹ. Như thường lệ, Soros là người tiến xa nhất trong nghề này vì vào khoảng cuối thập niên 1960, các quỹ đầu tư mạo hiểm Mỹ đặt ở nước ngoài tham gia vào các danh mục đầu tư còn là một điều mới lạ. Soros không bao giờ sợ nhảy vào những nơi mà người khác còn chần chừ.

Trong khi nhiều người Mỹ giàu có rất muốn tham gia vào quỹ Double Eagle, thì Soros lại không cần đến họ. Ông biết là ông có thể thu hút những khách hàng châu Âu tự phụ mặc dù họ nổi tiếng là thất thường, bởi vì những thuận lợi về thuế má sẽ làm cho họ trung thành hơn với quỹ. Ông ta đã đoán đúng; ông đã lôi kéo được một tập thể khách hàng quốc tế gồm những người châu Âu, A-rập, Nam Mỹ giàu có. Ông điều hành quỹ đầu tư từ trụ sở ở New York. Nhưng cũng như nhiều quỹ ở nước ngoài khác, Double Eagle đặt ở Curacao trong vùng Antilles Hà Lan, ở đấy quỹ không bị Ủy ban Giao dịch Chứng khoán Mỹ (SEC) kiểm soát và cũng không phải trả thuế lợi tức.

Soros là một trong những người đi tiên phong trong lĩnh vực quỹ đầu tư mạo hiểm, ở đây lợi nhuận có khả năng lên rất cao. Ông cũng là người đầu tiên sử dụng một loại công cụ tài chính gây

hiều tranh cãi gọi là hợp đồng phái sinh (derivatives) gắn liền với những người tham gia quỹ đầu tư mạo hiểm.

Vào giữa thập niên 1960, báo chí quan tâm đến một số quỹ đầu tư mạo hiểm nhưng sau năm 1970 thì ít người chú ý đến. Đến năm 1971 các quỹ này lại nổi tiếng khi có quyết định thả nổi các tỷ suất hối đoái, nhưng nhiều quỹ đầu tư mạo hiểm phải đóng cửa khi thị trường bị sụt giảm trong những năm 1973, 1974. Trong thập niên tiếp theo, các quỹ đầu tư mạo hiểm trải qua một thời gian tạm lắng.

Điều làm cho các quỹ đầu tư mạo hiểm phát triển trở lại vào cuối thập niên 1980, đầu thập niên 1990 – và cũng làm cho George Soros nổi lên như một nhà đầu tư tầm cỡ quốc tế – là quyết định năm 1985 của các ngân hàng châu Âu giảm tỷ suất hối đoái của đồng đôla để đẩy mạnh xuất khẩu của Mỹ. (Giá đôla hạ thì hàng xuất khẩu Mỹ rẻ hơn.) Đồng đôla mất giá tạo ra nhiều khích lệ mới để buôn ngoại tệ. Soros và những nhà quản lý quỹ đầu tư mạo hiểm nhanh chóng nhảy vào kiếm lợi.

Nếu Soros còn ở lại châu Âu thì có lẽ ông cũng chỉ là một nhà tài chính tinh mắt, sắc sảo – chứ không phải là một người nổi tiếng, một chuyên gia đặc biệt, ông cũng chỉ là một trong số đông người tìm cách kiếm ít đồng trên thị trường tài chính. Nhưng ở Mỹ, Soros lại là một loại người hiếm có tận dụng được những hiểu biết của mình về thị trường tài chính Âu châu. Lợi thế lớn nhất của ông là ông có vô số nguồn ở châu Âu và nhiều nơi khác, những nguồn mà ông sử dụng để đánh giá toàn cảnh, hiểu được cách thức mà các sự kiện chính trị và kinh tế tác động lên các thị trường tài chính khác nhau trên thế giới.

Arthur Lerner, người đã cộng tác với Soros vào cuối thập niên 1960 giải thích: “George là một trong những người sớm thấy được là anh phải suy nghĩ trên phạm vi toàn cầu chứ không chỉ ru rú ở một xó. Anh phải biết một sự kiện ở nơi này tác động lên một sự kiện ở nơi kia như thế nào. Lúc ấy chưa ai quan tâm đến tiền tệ. Ông thu thập được những thông tin cơ bản từ nhiều nguồn khác nhau để đưa vào đầu mình. Sau đó, ông cho ra một luận thuyết mà phần lớn thời gian là đúng đắn.”

Lerner, một nhà phân tích của Ngân hàng New York đã được Arnhold & S. Bleichroeder mời về làm việc trong những năm 1967 và 1968, nhưng lần đầu tiên ông từ chối. Tuy nhiên đến đầu năm 1969 thì ông đồng ý. Việc đầu tiên của ông ở Arnhold là làm trợ lý cho Soros, giúp ông ta quản lý hai quỹ đầu tư. Trong hai năm tiếp theo họ làm việc sát cạnh nhau.

Làm việc với Soros thật là căng thẳng nhưng hấp dẫn. Trong hai năm ấy, thị trường lên xuống thất thường càng làm cho công việc thêm nhiều áp lực và kịch tính. Lerner nhớ lại "George là người phân công công tác. Ông làm cho anh phải tập trung vào công việc. Ông có một hiểu biết rộng lớn về thế giới làm cho tôi kinh ngạc. Ông có thể gần như bắt đầu một sự kiện ở điểm A rồi ngay tức khắc dẫn anh đến các hậu quả ở điểm B. Tôi không hiểu được cái logic của sự việc vì tôi không ở ngang trình độ với ông. Có lẽ ông là nhà đầu tư vĩ mô lớn nhất mà tôi được biết. Khi xuống đến vi mô, những điểm nhỏ nhặt, thì ông không tập trung được và không tốt như trước."

Ông suy nghĩ liên tục, có những ý tưởng lớn lao, dùng những từ khó đọc mà những người khác trong văn phòng chỉ hiểu được nếu chạy đi tra từ điển. Ngay cả Lerner cũng phải điều chỉnh một số thứ. Trong số đó có văn phong của ông. "Tôi không ngờ được là Soros lại chặt chẽ như thế về cách hành văn. Ông có một văn phong không giống của tôi. Tôi quen viết báo cáo để mọi người đọc. Cách hành văn của George lại rất văn hoa."

Vậy George Soros là một người nổi tiếng. Ông là nhà thông thái trong văn phòng. Có ông ở đây thật là đáng ấn tượng, nhưng có ai hiểu ông nói gì không?

Cũng vào khoảng thời gian ấy là Soros viết quyển *Giả kim thuật Tài chính*. Năm 1969, ông nhờ Lerner đọc lại năm chương của cuốn sách. "Tôi chẳng hiểu một chữ nào cả" Lerner giải thích, cho rằng vấn đề không phải ở chỗ chỉ số IQ của mình mà là khả năng của Soros để giải thích những gì ông muốn nói. Hy vọng tìm ra được một tóm tắt của lý thuyết phản hồi, nhưng khi không tìm ra, Lerner phải rút lui.

Chính cái từ *phản hồi* làm ông bối rối. Ông chạy đi tra trong từ điển. Hai mươi lăm năm sau – vào mùa xuân 1994 – Lerner phải thú nhận: “Đến ngày hôm nay, tôi vẫn còn có vấn đề với từ này. Tôi chẳng hiểu là ông ta muốn nói gì.”

Cảm thấy mình gần gũi với Soros, Lerner đưa ra vài lời khuyên thân thiện: “George, đừng bao giờ xem mình là nhà giáo vì anh muốn dạy một người nào đó kém hơn anh – phần lớn những người làm với anh đều kém hơn anh...” Ông không nói hết được ý tưởng của mình. Thay vào đó, ông phát biểu một cách bộc trực: “Anh khó mà truyền đạt cho người ta biết anh muốn nói gì.”

Đáng lẽ ra Soros phải nghe những người như Arthur Lerner nói với ông trong đời. Họ không thông minh được bằng ông, nhưng họ là những người mà không sớm thì muộn Soros muốn gây ấn tượng. Và muốn gây ấn tượng trên họ, ông phải viết ra những ý tưởng của mình cho rõ ràng hơn. Đó là điều mà Arthur Lerner muốn nói với ông. Thật là bộc trực nhưng đó là một thông điệp đầy thiện ý. Đi kiếm một người xuất bản sách cho cậu đi. Đi kiếm người nào có thể giúp cậu diễn tả những ý tưởng ấy bằng một thứ tiếng Anh dễ đọc đi.

Đó không phải là điều mà George Soros muốn nghe. Và vì thế cho nên phần lớn những người được đề nghị cho ý kiến về những tác phẩm của Soros đều không muốn nói những điều ấy. Họ biết rõ hơn thế. Ông ấy có chịu nghe họ đâu. Vậy tội gì? Tội gì làm cho ông ta giận?

• • •

Dù một người như Arthur Lerner có muốn tìm hiểu xem thuyết phản hồi là gì hay không thì George Soros cũng thấy là đã đến lúc đưa các lý thuyết của mình ra thử nghiệm trên thị trường. Ông tin rằng chúng có thể tạo cho ông lợi thế cạnh tranh.

“Tôi đang đặt tiền nơi miệng tôi (*làm những gì tôi nói N.D.*) và tôi không thể tách mình ra khỏi các quyết định đầu tư của mình. Tôi phải sử dụng tất cả các khả năng trí tuệ của mình và tôi nhận thấy, với sự ngạc nhiên và hài lòng, rằng các ý tưởng trừu tượng của mình đến thật đúng lúc. Nếu nói rằng chúng là nguyên nhân của các thành công của tôi thì hơi quá nhưng chắc chắn là chúng cho tôi một lợi thế.”

Ngành công nghiệp đầu tiên mà Soros theo dõi chặt chẽ cho Quỹ Double Eagle là các Công ty liên hợp đầu tư bất động sản (REIT).

Năm 1969, Soros nổi tiếng vì trong một bản ghi nhớ được công bố rộng rãi, ông chỉ rõ những lợi ích của việc đầu tư vào một phương tiện mới gọi là công ty liên hợp đầu tư bất động sản (REIT). Cảm thấy sắp có một chuỗi boom/bust, ông gắn liền chu kỳ của REIT với một kịch bản ba hồi, dự đoán chính xác là các REIT sẽ đi qua một giai đoạn hưng thịnh (boom) rồi vì đi quá trớn, cuối cùng sẽ sụp đổ.

Tỏ ra là một nhà bói toán giỏi, ông kết luận rằng “vì Hồi III ba năm nữa mới đến nên tôi có thể yên tâm mua các cổ phiếu.” Ông đã đoán đúng và kiếm được một khoản lời khá lớn. Đến lúc như ông đã tiên đoán, vào năm 1974, các REIT nở to ra, Soros bán khống và kiếm thêm được 1 triệu đôla. Việc thử nghiệm đầu tiên các lý thuyết thị trường của mình đem lại cho Soros một niềm cổ vũ lớn lao.

Ông cũng sử dụng lý thuyết của mình trong giai đoạn hưng thịnh của các tập đoàn vào cuối thập niên 1960 và cũng thu được nhiều tiền “cả khi giá lên và khi giá xuống” ông công nhận như vậy. Ban đầu, ông thấy các công ty công nghệ cao mua rất nhiều, lợi nhuận lên cao, và gây ấn tượng trên các nhà đầu tư thuộc tổ chức. Soros tin rằng “thành kiến” của các “nhà quản lý quỹ năng động” sẽ nuôi dưỡng giá cổ phiếu của các tập đoàn. Ông bỏ tiền ra mua rất nhiều. Về sau ông bán khống và khi giá xuống, kiếm lãi rất nhiều.

• • •

Năm 1970, Soros hợp tác với Jimmy Rogers, cựu sinh viên Yale khóa 1964, quê ở Dennapolia, Alabama.

George Soros và Jimmy Rogers trở thành cặp nhà đầu tư giỏi nhất Wall Street từ trước đến nay. Rogers đã học lớp PPE – chính trị, triết học và kinh tế – ở trường Đại học Oxford bên Anh do đó gây ấn tượng mạnh trên Soros, con người thân Anh và muốn trở thành nhà triết học. Trong hai năm trong quân ngũ, Rogers nổi tiếng là chuyên gia phát hiện các cổ phần có lãi. Chính ông đã quản lý danh mục cổ phiếu của sĩ quan thủ trưởng mình.

Công việc đầu tiên của Rogers ở Wall Street là tại công ty Bache & Co. Năm 1968, chỉ với 600 đôla, Rogers bắt đầu buôn chứng khoán. Hai năm sau, ông bắt đầu làm việc dưới quyền Soros ở Arnhold & S. Bleichroeder. Tuy nhiên sau đấy, có luật mới về các công ty môi giới không cho phép Soros hay Rogers hưởng số phần trăm trên lợi nhuận trong việc buôn bán cổ phiếu của công ty nơi họ làm việc. Nhưng Soros và Rogers thấy ngứa ngáy muốn thành nhà quản lý tiền tệ độc lập. Họ rời công ty và lập hãng riêng của mình.

Năm 1973, họ lập Công ty quản lý quỹ Soros (SFM) đặt trong một văn phòng khắc khổ gồm ba buồng nhìn xuống công viên Central ở New York.

Quỹ mới thành lập này nằm xa Wall Street.

Lúc ấy thật là một ý nghĩ kỳ lạ. Tại sao một người quan tâm đến đầu tư lại ở một nơi xa trung tâm quyền lực như vậy?

Jimmy Rogers thích giải thích rằng vì ông và George Soros không có những suy nghĩ giống như cách nhìn tiêu biểu của Wall Street thì không có lý do nào lại đặt văn phòng trong khu Wall Street. Điểm quan trọng đối với Soros là văn phòng này chỉ nằm cách căn hộ chung cư sang trọng của ông trên đường Central Park West một khối phố mà thôi.

Cách làm việc ở SFM thì thoải mái hơn nhiều so với nhịp độ dồn dập thường thấy trong các công ty ở Wall Street. Vào mùa hè, nhân viên đi giày tennis đến sở, và nhiều người, kể cả Rogers, đạp xe đạp đi làm. Soros và Rogers đều thích không khí không gò bó ở văn phòng. Họ mong là có thể duy trì được như thế dù có kiếm được bao nhiêu tiền cũng vậy. Nhưng, ai ai cũng làm việc đến 80 tiếng đồng hồ mỗi tuần.

Lúc đầu cả hãng chỉ có hai người, Soros nhà kinh doanh và Rogers, nhà nghiên cứu. Thật ra thì có đến ba – thêm một cô thư ký.

Văn phòng có vẻ bé nhỏ. Nhưng đó là nhờ hai người đã cố gắng hết sức. Cuối cùng kích thước khiêm tốn lại có cái hay. Họ có thể tập trung vào công việc, không phải va chạm với ai khi đi ra đi vào, không phải bận rộn về hàng đóng giấy tờ, không phải xử lý hàng vạn việc lặt vặt khi văn phòng quá lớn.

Tuy nhiên, họ nắm vững công việc kinh doanh. Họ giữ vốn của quỹ dưới hình thức cổ phiếu. Để đánh cược về các mặt hàng và tiền tệ, họ dùng các hợp đồng giao sau hay tiền vay mượn. Từ trước chưa có quỹ nào có phạm vi rộng như thế, Quỹ Soros kinh doanh trên tất cả các thị trường như ngoại hối, hàng hóa, trái phiếu, và cổ phiếu. Từ lúc bắt đầu hợp tác năm 1970 cho đến khi họ tách rời nhau năm 1980, chưa năm nào Soros và Rogers bị thua lỗ. Dân Wall Street nói về họ có vẻ kính phục. Có vẻ như họ biết rõ hơn ai hết về hướng đi của nền kinh tế.

Năm 1971, giá trị của Quỹ là 12,5 triệu đôla, một năm sau lên đến 20,1 triệu đôla. Từ 31 tháng 12 năm 1969 đến 31 tháng 12 năm 1980 Quỹ Soros đã tăng 3.365 phần trăm. Ta có thể so sánh với chỉ số kết hợp Standard & Poor, cũng trong khoảng thời gian ấy, nó chỉ tăng 47 phần trăm.

Vào cuối năm 1980, giá trị của quỹ đã lên đến 381 triệu đôla.

Vì là một hãng chung vốn tư nhân nên quỹ có một số thuận lợi so với các hãng khác có tính quy ước hơn. Quan trọng nhất là nó có thể bán khống, một việc làm có quá nhiều rủi ro đối với một số nhà đầu tư.

Người ta xem hình thức *bán khống* như thế nào?

Trông ra thì có vẻ là một kỹ thuật không có hại. Nhưng đối với một số người, nó không có tính yêu nước.

Ai ai cũng chỉ nói: Làm sao mà họ có thể đánh cược là một công ty sẽ làm ăn thua lỗ? Anh là một người Mỹ loại gì? Anh không có lòng tin vào nền kinh tế của đất nước mình hay sao? Anh là giống gì mà cứ muốn khai thác cảnh khốn cùng của người khác?

Soros không để ý đến những điều ấy. Ông chỉ biết là kỹ thuật này chạy rất tốt, đưa lại nhiều lợi nhuận trên các thị trường Mỹ và ngoại quốc. Quỹ cũng đầu cơ vay nợ qua việc mua cổ phiếu có trả trước tiền bảo chứng. Một lợi thế của Quỹ Soros là nó nhỏ, không có giấy tờ quan liêu phiền phức, nó có thể ra vào một vị thế chứng khoán dễ dàng hơn nhiều so với các hãng lớn.

Soros và Rogers hợp tác với nhau rất ăn ý. Rogers giải thích: "Thông thường, nếu chúng tôi không đồng ý với nhau thì chúng tôi

không làm gì hết." Tuy nhiên không phải là luôn luôn như thế. Nếu một người thấy thích một vụ buôn bán nào đó thì anh ta cứ làm. Rogers nói: " Khi chúng tôi đã bàn kỹ thì thấy rõ là vụ ấy hoặc đúng hoặc sai. Khi chúng tôi đã suy nghĩ kỹ thì sẽ đi đến một sự nhất trí. Tôi không thích dùng từ ấy, vì đầu tư mà nhất trí thì chỉ đi đến tai họa, nhưng chúng tôi hầu như luôn luôn đi bên nhau."

Họ tự hào là có đầu óc độc lập.

Điều này cuối cùng làm cho họ thất bại. Vì có đầu óc quá độc lập cho nên người này thấy người kia có nhiều điều sai.

Nhưng vào thời buổi ấy công việc của họ chạy rất trơn tru. Điều mà họ chăm chú tìm là một sự thay đổi bất ngờ trên thị trường chứng khoán, một thay đổi mà chưa ai phát hiện ra để có thể thử nghiệm lý thuyết của ông. Như Rogers nói: "Chúng tôi không quan tâm đến doanh thu của một công ty nào đó trong quý sắp tới hay lượng nhôm vận chuyển trong năm 1975 bằng việc các yếu tố xã hội, kinh tế và chính trị chung chung sẽ làm thay đổi vận mệnh của một ngành công nghiệp hay một nhóm cổ phiếu như thế nào. Nếu có những khác biệt lớn giữa những cái mà chúng tôi thấy và giá thị trường của một cổ phiếu thì càng hay, bởi vì chúng tôi có thể kiếm tiền ở đấy."

Khi tìm xem có nền kinh tế nào ở nước ngoài sắp có bước nhảy vọt, Soros tìm cách lợi dụng các thị trường chứng khoán ngoại quốc. Nước nào sắp mở cửa thị trường cho đầu tư nước ngoài, nước nào đang có ý định tiến hành những chính sách ổn định kinh tế, nước nào cam kết cải cách thị trường?

Soros mong kiếm lợi cho mình bằng cách nhảy vào ở mức tổng quát. Một cộng tác viên cũ của ông nói: " Là một nhà đầu tư giỏi, ông tìm cách bỏ ra một xu để lấy lại một đồng." Nếu có những thị trường chưa chín muồi như ở Pháp, Ý và Tây Ban Nha thì Soros nhắm thẳng vào chúng. Ông hy vọng đầu tư trước những người khác từ 6 đến 18 tháng.

Vì thế, ông mua các chứng khoán Nhật, Canada, Hà Lan và Pháp. Trong một giai đoạn vào năm 1971, một phần tư vốn của Quỹ Soros được đầu tư vào các cổ phiếu Nhật Bản, một canh bạc thắng lợi khi quỹ tăng vốn lên gấp đôi.

Soros và Rogers lựa chọn các cổ phiếu một cách khôn khéo. Trong một trường hợp vào năm 1972, một người quen cho Soros biết là có một báo cáo riêng của Bộ Thương mại nói đến việc nước Mỹ ngày càng phụ thuộc vào các nguồn nhiên liệu nước ngoài. Nghe theo, Quỹ Soros mua nhiều cổ phiếu trong các ngành khoan dầu khí, chế tạo thiết bị khai thác dầu khí và các công ty than. Một năm sau, vào năm 1973, có cuộc tẩy chay dầu khí của người A-rập, các cổ phiếu năng lượng tăng lên cao.

Năm 1972, Soros và Rogers cũng tiên đoán cuộc khủng hoảng lương thực và sau khi mua các cổ phiếu phân bón, thiết bị nông nghiệp, các công ty chế biến ngũ cốc, họ kiếm được một khoản lời to.

Vào lúc ấy, Soros và Rogers khôn ngoan xác định là ngành công nghiệp quốc phòng Mỹ là một nguồn đầu tư có khả năng sinh lợi cao.

Tháng Mười năm 1973, Israel bị bất ngờ khi các quân đội Ai Cập và Syria tung ra các cuộc tấn công lớn vào nhà nước Do Thái. Trong những ngày đầu của cuộc chiến tranh, Israel lo phòng thủ là chính, chịu hàng nghìn thương vong và mất rất nhiều máy bay và xe tăng. Có dấu hiệu cho thấy kỹ thuật quân sự của Israel đã lạc hậu. Soros thấy kỹ thuật của Mỹ cũng lạc hậu. Nhận ra rằng các khí tài quân sự của Lầu Năm Góc cũng đã cũ, ông biết rằng muốn hiện đại hóa chúng, người ta phải tiêu rất nhiều tiền.

Luận điểm này không được phần lớn các nhà đầu tư hưởng ứng. Sau khi chiến tranh Việt Nam kết thúc các công ty quốc phòng bị mất rất nhiều tiền nên các nhà phân tích tài chính không muốn nghe nói đến chúng nữa.

Tuy nhiên, vào đầu năm 1974, Rogers bắt đầu để ý đến ngành công nghiệp này. Tiềm năng của ngành công nghiệp quốc phòng đã động viên Rogers lên đường đi thăm dò. Ông đến Washington nói chuyện với các quan chức Lầu Năm Góc và đi khắp nước Mỹ tìm gặp các nhà thầu quốc phòng. Soros và Rogers càng tin chắc là họ đoán đúng - và những người khác đang lỡ một cơ hội lớn.

Vào giữa năm 1974, George Soros bắt đầu vơ vét các cổ phiếu quốc phòng. Ông mua Northrop, United Aircraft, và Grumman. Và

dù cho Lockheed có vẻ đang có nguy cơ phá sản nhưng Soros vẫn cược vào công ty ấy, cuối năm 1974, ông đầu tư vào đây.

Ông và Rogers có được một thông tin rất quan trọng về các công ty này. Tất cả đều có những hợp đồng lớn và khi được ký lại, để kiếm được nhiều tiền trong những năm sắp tới.

Đầu năm 1975, Quỹ Soros bắt đầu đầu tư vào những công ty cung cấp các thiết bị chiến tranh điện tử. Không quân Israel bị tổn thất trong cuộc chiến Yom Kippur phần lớn là do thiếu các thiết bị điện tử đối phó tinh xảo để vô hiệu hóa các khí tài do Liên Xô chế tạo đang trong tay người A-rập. Soros và Rogers ghi nhớ điều này.

Họ cũng ghi nhận rằng chiến trường hiện đại đang thay đổi một cách cơ bản. Một loạt các thiết bị tối tân nay là những cảm biến tối tân nhất và những đạn pháo điều khiển bằng laser cùng những "quả bom thông minh".

Và tất cả tổn rất nhiều tiền. Soros và Rogers đã nhìn đúng, kết quả là quỹ của họ kiếm được rất nhiều tiền.

• • •

Vào lúc ấy thì bí mật của Soros là gì?

Ông đã có một giác quan rất phát triển để biết đào ở đâu trong thị trường chứng khoán là tìm ra "vàng". Ai ai cũng đi tìm "vàng" và ai ai cũng có một lý thuyết về nơi tìm ra. Nhưng với ăng ten của mình hướng về phía các biến động của thị trường tài chính, Soros luôn luôn tìm một tín hiệu bí mật cho thấy có một gì đó sắp xảy ra.

Khi nhận được tín hiệu, ông đi về phía nó, không để lộ cho ai biết vì sao ông đi về hướng này mà không đi về hướng kia, ông thử bản năng của mình trước thực tại của thị trường.

Ông biết rằng ông đi đúng hướng.

Việc ông cần làm chỉ là năm này qua năm khác đọc hàng cuối ghi lợi nhuận trên sổ sách.

CHƯƠNG 9

MỘT BƯỚC NHẢY LƯỢNG TỬ

Năm 1975, George Soros được cộng đồng Wall Street để ý đến. Hay nói đúng hơn là tài kiếm tiền của ông gây sự chú ý của mọi người. Ít ai lại không tin là ông sẽ làm lớn. Như Allan Raphael, người đã cộng tác với Soros trong những năm 1980, nhận xét: “Ông ấy làm việc tích cực. Ông thấy rõ mọi việc. Ông có tinh thần tấn công. Trong nghề của mình ông ấy thật xuất sắc. Đây là một nghề không cần thiết phải có những suy nghĩ logic, hợp lý. Đây là một công việc cần tính trực giác. Một công việc mà sự tích lũy kinh nghiệm của bạn mới có thể làm thay đổi cục diện, và tôi tin là George có đủ các tài năng ấy.”

Dù cho một số người ở Wall Street biết đến ông, nhưng đối với thế giới bên ngoài ông hầu như là kẻ vô danh.

Cũng có cái lý của nó. Khác với những thập niên 1980 và 1990, những nhà đầu tư nổi tiếng gần như không được chú ý đến vào những năm 1970. Vào lúc ấy, báo chí về kinh doanh ít viết về những thay đổi ở Wall Street. Và báo chí lại càng ít quan tâm đến các nhân vật chính của thị trường tài chính. Lẽ tất nhiên, ngày nay người ta theo dõi tích cực và viết về các nhân vật Wall Street ấy – không chỉ sự nghiệp mà cả đời sống riêng tư của họ. Nhưng ở thập niên 1970, những thiên tài đầu tư như Soros thì không được đặc biệt chú ý.

Ngay cả khi giới truyền thông hoạt động tích cực hơn thì Soros và phần lớn các đồng nghiệp của ông ở Wall Street đều có lòng ngờ vực đối với họ. Họ muốn được quảng cáo càng ít càng hay. Nghề đầu tư được xem là một nghề rất riêng tư.

Hơn nữa, ở Wall Street người ta tin rằng chỉ thu hút quảng cáo cũng đủ làm cho người ta gặp rủi ro, nó như một cái hôn của thần chết, lúc đầu thì có vẻ hấp dẫn nhưng cuối cùng sẽ đưa người ta rơi vào vực thẳm. Người ta thường hiểu rằng số phận hẩm hiu nhất sẽ đến với một nhà đầu tư Wall Street là khi người ấy có ảnh trên trang bìa của một tờ tạp chí bán chạy. Danh tiếng không những phải trả giá mà còn có thể chết người.

Vậy là George Soros tránh tiết ánh đèn quảng cáo, một thái độ mà ông cảm thấy hoàn toàn thoải mái. Người bạn lâu năm của ông, Byron Wien nói: "Khi cộng tác với George, tôi chưa bao giờ thấy ông tự quảng cáo cho mình ngay cả những khi tự quảng cáo thì có lợi." Điều này hoàn toàn thay đổi khi Soros dẫn thân vào chính trường nước Mỹ, khi ông thấy cần thiết phải quảng cáo cho mục tiêu chính trị của mình. Tôi sẽ nói rõ hơn ở những Chương 29 và 30 của cuốn sách này.

Nhưng ngày 28 tháng Năm năm 1975, trong một chiến dịch quảng cáo hiếm có cho Soros, tờ *Wall Street Journal* làm ông nổi danh qua một bài đăng trên trang đầu ca ngợi ông hết lời. Tiêu đề của bài báo đưa đến cho Soros một vị ngọt sớm của danh vọng:

Những Khuynh hướng tấn công mới: Một Quỹ Chứng khoán Tránh Cách làm của Wall Street, Phẫn thịnh trong những Năm Khó khăn.

Quỹ Soros mang Lợi tức lớn đến cho Khách hàng Ngoại quốc bằng cách Tìm ra những Thay đổi cơ bản trong Công nghiệp: Vũ khí cho Israel là Chìa khóa.

Bài báo của *Wall Street Journal* có làm hại Soros không? Ông có thấy hết may mắn không? Ông có linh cảm là sự chú ý của giới truyền thông sẽ làm hại mình – mặc dù là Soros có tất cả các lý do để hài lòng về bài báo. Nó giúp quảng cáo cho Soros về trí độc lập trong tài chính của ông, nó xác nhận là tính độc lập này đã mang nhiều lợi nhuận đến cho Quỹ Soros.

Tờ *Wall Street Journal* còn khen ngợi Soros và Rogers như sau:

“Qua nhiều năm, cặp này đã cho thấy họ có tài mua những cổ phiếu trước khi chúng được nhiều người ưa chuộng và bán chúng khi chúng đang ở đỉnh cao của sự tôn sùng của quần chúng. Họ thường bỏ qua những cổ phiếu mà các quỹ tương hỗ, các tổ hợp ngân hàng hay các định chế khác thường nắm giữ – trừ khi có cơ hội bán khống.”

Các định chế lớn ngán ngẩm khi thấy giá trị cổ phần của họ chỉ còn một nửa vào các năm 1973, 1974. Trong khi ấy thì Soros có những năm tuyệt diệu, lợi nhuận tăng 8,4 phần trăm năm 1973 và 17,5 phần trăm năm 1974.

Robert Miller một cộng tác viên gần gũi của Soros trong những năm ấy nhớ lại rằng Soros “có tài tìm ra những ý tưởng trước khi chúng được biết đến rộng rãi và nhìn được thấu suốt qua những đám mây đen để thấy được chân trời sáng sủa... Ông biết rõ vì sao ông phải mua hay không mua. Một khả năng lớn nữa của George là khi thấy mình đang ở một tình trạng sai lầm thì ông rút ra ngay.”

Một trong những trò chơi được ưa thích của Quỹ Soros là bán khống. Soros nhận rằng ông cảm thấy “thích thú một cách có ác ý” khi kiếm được tiền bằng cách bán khống những cổ phiếu đã được các định chế ưa chuộng. Quỹ của ông đánh cược với nhiều định chế lớn và bán khống một số cổ phiếu ưa chuộng. Cuối cùng các cổ phiếu ấy rớt giá thảm hại và quỹ kiếm được rất nhiều tiền.

Canh bạc mà Soros chơi trên cổ phiếu Avon là một thí dụ cổ điển về thu lời qua việc bán khống. Để làm việc ấy, quỹ Soros mượn tạm 10.000 cổ phiếu Avon lúc giá thị trường là 120 đôla. Sau đó chứng khoán tụt dốc. Hai năm sau, Soros mua lại các cổ phiếu... với giá 20 đôla một đơn vị, nghiền ngẫm trong đầu câu châm ngôn mua một xu bán ra một đồng. Với tiền lãi 100 đôla mỗi cổ phiếu, Quỹ Soros thu về 1 triệu đôla. Ông làm được việc này vì phát hiện ra một khuynh hướng văn hóa: Trước khi các thu nhập của Avon bắt đầu xuống dốc, ông nhận thấy rằng một dân số già nua đồng nghĩa với một doanh thu bán hàng thấp của ngành công nghiệp mỹ phẩm.

Soros vui vẻ giải thích: "Trong trường hợp Avon, các ngân hàng không nhận ra rằng thời thịnh vượng của ngành mỹ phẩm sau Chiến tranh Thế giới lần thứ hai đã hết vì thị trường cuối cùng đã bão hòa và giới trẻ không còn dùng thứ này nữa. Đây là một thay đổi cơ bản khác mà họ không nhận ra."

Soros cũng có thể đoán trước những cuộc sáp nhập công ty trong ngành đường sắt. Và khi những người khác nói trước rằng thành phố New York sẽ bị phá sản thì Soros kiếm được nhiều lãi trên các trái phiếu có liên quan đến New York.

Nhưng cũng có những thất bại, chắc chắn là như thế. Có khi, ông tin rất nhiều vào những lời đánh giá lạc quan của các giám đốc công ty khi ông đi tham quan các nhà máy. Lý do độc nhất ông mua cổ phiếu Olivetti là một cuộc họp của ông với các cán bộ của công ty này. Ông đã hối hận vì có cuộc họp ấy. Cổ phiếu Olivetti không tốt cho lắm.

Đầu cơ trên ngoại tệ tỏ ra là một kế hoạch làm ăn thua lỗ; cũng như khi mua các quyền mua cổ phiếu. Nhóm Soros-Rogers thiệt 750.000 đôla khi mua cổ phiếu Sprague Electric, tin tưởng sai lầm là các cổ phiếu bán dẫn sẽ tăng giá. Rogers giải thích: "Đó chỉ là một trường hợp phân tích tồi, thêm vào chuyện là chúng tôi mua một công ty nhỏ trong công nghiệp bán dẫn, mà đáng lẽ phải mua một trong những tập đoàn quan trọng."

Tuy nhiên, hệ thống của họ hoạt động tốt. Nếu giai đoạn đầu thập niên 1970 tỏ ra nguy hiểm đối với nhiều người ở Wall Street thì George Soros lại là một ngoại lệ. Từ tháng Giêng 1969 đến tháng Chạp 1974, giá trị các cổ phiếu của Quỹ Soros gần như tăng lên ba lần, đi từ 6,1 triệu đôla lên 18 triệu đôla. Năm nào nó cũng có thành tích dương. So sánh thành tích này với Chỉ số S & P 500, cũng trong thời gian ấy, chỉ số này giảm 3,4 phần trăm.

Năm 1976, Quỹ Soros tăng 61,9 phần trăm. Rồi năm 1977, khi chỉ số Dow Jones giảm 13 phần trăm thì Quỹ Soros tăng 31,2 phần trăm.

Cuối năm 1977, đầu năm 1978, Soros và Rogers quyết định mua các cổ phiếu kỹ thuật và quốc phòng, đây là một quan điểm

ngược đời vì phần lớn các doanh nhân Wall Street không muốn đụng đến các lĩnh vực ấy. Barton Biggs của Morgan Stanley nói: "Nhớ lại là lúc ấy ta có Jimmy Carter làm tổng thống và ông ta chỉ nói về các quyền con người. George nói về các cổ phiếu ấy 18 tháng trước mọi người ở Wall Street." Soros tự trách mình là đến với các cổ phiếu ấy quá muộn, nhưng lúc ấy hầu như ông là người độc nhất.

Năm 1978, Quỹ Soros có khoản lợi nhuận là 55,1 phần trăm, tài sản lên đến 103 triệu đôla, năm sau, 1979, tăng 59,1 phần trăm với tài sản 178 triệu đôla. Chiến lược công nghệ cao của Soros vẫn còn sống và không hề tỏ vẻ hết thời.

Năm 1979, Soros đổi tên cho quỹ của mình. Bây giờ nó mang tên Quỹ Quantum, để tỏ lòng tôn kính đối với nguyên lý bất định của Heisenberg trong cơ học lượng tử. Nguyên lý ấy nói rằng người ta không thể đoán trước được trạng thái của các hạt hạ nguyên tử trong cơ học lượng tử, ý này hợp với Soros vì ông tin chắc rằng thị trường luôn luôn ở một trạng thái bất định, thay đổi liên tục và người ta có thể kiếm tiền bằng cách bỏ qua các điều rõ rệt, đánh cược trên những điều bất ngờ. Quỹ hoạt động tốt đến nỗi nó bắt trả thêm một phụ phí tính theo thực trạng cung và cầu của các cổ phiếu.

• • •

Có thể đoán trước được, cũng như đối với trường hợp của bất kỳ ai kiếm được nhiều tiền như George Soros, là sẽ có nhiều câu hỏi đôi khi được đặt ra là có gì giấu giếm trong tất cả các hoạt động tài chính của ông không. Thỉnh thoảng ông có những đụng đầu với Ủy ban Giao dịch Chứng khoán (SEC) nhưng không khi nào có vấn đề lớn.

Tuy nhiên vào cuối thập niên 1970, có một lần có vẻ nghiêm trọng.

SEC kiện ông ra tòa án địa phương ở New York, với tội danh là gian lận trong buôn bán cổ phiếu. Tội danh đặc biệt là gian lận theo luật dân sự và làm trái các điều khoản chống gian lận của luật liên bang về chứng khoán.

Theo cáo trạng của SEC, Soros đã kéo giá cổ phiếu Computer Sciences xuống 50 cent một ngày trước khi có phát hành cổ phần vào tháng Mười 1970. Ông bị SEC buộc tội là đã sử dụng một người môi giới để bán cổ phiếu Computer Sciences một cách ồ ạt. Theo SEC, người này bán đi 22.400 cổ phiếu trên số 40.100 mà quỹ sở hữu, tương đương với 70% hoạt động giao dịch của Computer Sciences ngày hôm ấy, 11 tháng Mười 1977.

SEC nói thêm rằng giá báo trước của đợt phát hành cổ phần đã được tính dựa trên giá "thấp một cách giả tạo" của đợt giao dịch vào cuối ngày hôm ấy, 8,375 đôla một cổ phiếu.

Quỹ Jones, một công ty bất vụ lợi có trụ sở ở California đã thỏa thuận vào tháng Sáu 1977 là bán 1,5 triệu cổ phiếu của nó ra công chúng và 1,5 triệu cổ phiếu cho Computer Sciences cùng giá với giá phát hành ra công chúng.

Việc gian lận được gán cho Soros có thể làm cho Quỹ Jones thiệt hại 7,5 triệu đôla.

SEC nói rằng Quỹ Soros mua 155.000 cổ phiếu từ người quản lý cuộc phát hành và 10.000 cổ phiếu khác từ những người môi giới khác với giá hạ hơn. Đến ngày phát hành và những ngày sau đó trong tháng, Soros ra lệnh mua thêm 75.000 cổ phiếu của Computer Sciences để giữ cho giá cổ phiếu ở mức 8,375 đôla hay cao hơn và để xui khiến "những người khác mua" cổ phiếu, theo cáo trạng của SEC.

Vụ kiện kết thúc bằng việc Soros ký vào một tờ khai đồng ý với kết luận của tòa án trong đó ông không chấp nhận cũng không phủ nhận các lời buộc tội. Ông chỉ nói rằng ông không có thì giờ và tiền bạc để chống lại SEC. Trong một bài báo năm 1981, Soros được ghi lại là đã nói rằng "SEC không thể tưởng tượng được một người thành công như tôi mà lại không làm gì phạm pháp, vì thế họ tìm cách bôi lông tìm vết."

Có lẽ không phải vì thành công ngoạn mục của Soros đã làm cho SEC phải tìm một lỗi gì để đánh bẫy Soros. Đúng hơn là nhà chức trách thường không tìm ra được đủ chứng cứ để kết án Soros với tất cả sự nghiêm khắc của luật pháp. Về sau trong đời mình,

nếu bị khởi tố về một tội danh tài chính, ông sẽ bị kết án và bị phạt. Nhưng ông luôn luôn gặp may. Trong tất cả cuộc đời kinh doanh tài chính của mình, ông chưa hề bị tù lấy một ngày.

Ngay khi bị thua kiện, ngay khi phải nộp phạt, công việc kinh doanh của ông không hề bị thiệt hại nhiều. Quỹ Fletcher Jones ở California đệ đơn kiện ông nói rằng vì giá cổ phiếu giảm nên họ bị lỗ lớn. Cuối cùng Soros và Quỹ Jones đi đến một dàn xếp 1 triệu đôla.

Vụ kiện này không làm cho Soros phải ngừng kinh doanh. Quả thực là nó không có ảnh hưởng gì thấy được trên thu nhập của ông.

Soros thành công lớn trên thị trường tiền tệ ở nước Anh. Ông bán khống đồng bảng Anh ở giá cao nhất. Ông nhảy vào loại chứng khoán cao cấp của Anh – các trái phiếu lúc ấy đang có mức cầu rất cao – mà ông có thể mua với giá rẻ chỉ bằng một phần giá đầy đủ của nó. Soros mua rất nhiều loại này, được biết là đến một giá trị 1 tỷ đôla. Trong phi vụ này, ông lãi được 100 triệu đôla.

Năm 1980, 10 năm sau khi bắt đầu, Quỹ Soros có một năm phát đạt khó tưởng tượng nổi với mức gia tăng 102,2 phần trăm; lúc ấy vốn của quỹ đã lên đến 381 triệu đôla. Tài sản cá nhân của Soros vào cuối năm được ước tính là 100 triệu đôla.

Đáng nực cười là những người hưởng lợi nhiều nhất từ năng lực đầu tư khác thường của Soros thì ngoài chính ông ra còn là một số người châu Âu giàu có, những người trước đây đã góp vốn ban đầu cho Quỹ Soros. Jimmy Rogers tuyên bố: “Những người này không cần nhờ chúng tôi làm giàu cho họ. Nhưng chúng tôi đã làm cho họ giàu nứt đổ đổ vách.”

CHƯƠNG 10

CƠN KHỦNG HOẢNG VỀ BẢN SẮC

Cuối thập niên 1970, khi Quỹ Soros đang làm ăn rất phát đạt, George Soros có vẻ như có rất nhiều thành công. Đáng lẽ ra, ông có thể nghỉ ngơi và tìm một sự cân bằng nào đó trong cuộc đời mình. Nhưng ông không thể làm như vậy. Trong khi cha mẹ ông yêu mến ông và anh ông hết mực thì trái lại, ông không thể làm như thế với vợ con mình. Luôn luôn bận công việc, ông chẳng có nhiều thì giờ sống với vợ và với con lại càng ít hơn nữa.

Năm 1977, cuộc hôn nhân của ông đổ vỡ. Theo Soros, "tôi gắn bó quá với quỹ của tôi, nó sống nhờ tôi và tôi sống với nó, ngủ cùng nó... nó là tình nhân của tôi. Chính vì sợ thất bại và đau khổ do sai trái mà tôi tìm cách tránh né. Đây là một cuộc sống khốn khổ."

Một năm sau, vào năm 1978, ông ly dị với vợ.

Đúng vào ngày ly dị vợ, ông gặp một cô gái 22 tuổi tên là Susan Weber, mà trước đây ông đã từng gặp trong một buổi tiệc tối. Cha cô sản xuất túi xách tay, giày dép và những phụ kiện cho giày dép tại New York. Susan đã học lịch sử nghệ thuật tại trường Đại học Barnard, sau đó tham gia vào việc sản xuất các cuộn phim tài liệu về Mark Rothko và Willem de Kooning, những họa sĩ của thế kỷ 20. Soros báo cho cô biết: "Hôm nay tôi ly dị vợ. Cô có muốn đi ăn trưa với tôi không?" Ông và Susan Weber

lấy nhau năm năm sau trong một cuộc hôn lễ dân sự tại Southampton, Long Island.

• • •

Năm 1979, Soros mới 49 tuổi. Ông có tất cả tiền mà ông cần, nhưng ông bắt đầu phải chịu đựng những căng thẳng của công việc. Quỹ đã phát triển lên và ông cần thêm nhân viên. Số nhân viên ban đầu từ 3 người nay lên đến 12. Ông bây giờ không còn thuộc về một cửa hàng nhỏ và chỉ phải nói với một hoặc hai người khác. Bây giờ, ông phải nghĩ đến một chuyện mới: giao trách nhiệm cho người khác – một khả năng mà theo lời những cộng sự của ông, thì ông không có nhiều.

Tiền mặt ùn về chất thành đồng, càng ngày ông càng phải đưa ra nhiều quyết định để đầu tư. Thật không dễ gì tìm ra một dãy những cổ phiếu có nhiều hứa hẹn.

Hơn nữa, Rogers ngày càng trở nên khó tính. Trước đây, họ luôn luôn vượt qua được những bất đồng, nhưng bây giờ thì có nhiều mối căng thẳng mới. Rogers không thích lắm khi phải quản lý một công ty lớn như vậy. Đổ vỡ đã xảy ra khi Soros muốn nhận thêm một thành viên mới, một người mà Soros có thể đào tạo để sau này thay thế ông. Rogers chê ý tưởng ấy. Soros nói: “Người nào tôi đề nghị thì anh ấy cũng không đồng ý, anh ấy không thích có ai thêm vào nữa. Anh ấy làm cho đời sống mọi người chung quanh vô cùng khó khăn.”

Cuộc chia tay của họ thật mỉa mai vì vào năm 1980, Soros và Rogers có được một năm thành công nhất. Nhưng vào tháng Năm năm ấy Rogers rời công ty, mang theo 20 phần trăm lợi tức của mình đáng giá 14 triệu đôla còn Soros với 80 phần trăm lên đến 56 triệu đôla.

Trên mặt chính thức, Rogers giải thích việc ra đi của mình là do công ty đã phát triển quá lớn, và với nhiều nhân viên như vậy ông phải mất rất nhiều thì giờ để quyết định khi nào cho họ nghỉ phép hay tăng lương cho họ. Cả Soros và Rogers đều không ai nói đông dài về lý do của sự rạn nứt. Trong một cuộc nói chuyện ngắn

với tôi, Rogers không muốn nhắc lại quá khứ. Qua giọng nói của ông, rõ ràng là ký ức vẫn còn quá sống động, quá đắng cay.

• • •

Soros tự hỏi liệu có còn nên tiếp tục kinh doanh nữa không? Ông đã kiếm được nhiều tiền đến nỗi tiêu không hết. Công việc hàng ngày đang làm cho ông bối rối; ông cảm thấy áp lực trong việc đánh bạc với tiền của người khác, làm chủ một số nhân viên nhiều hơn ông mong muốn. Và tất cả để làm gì? Có phần thưởng gì đâu? Có vui thú nào không? Soros công nhận là "quả thật có gì đang cháy tiệt." Sau 12 năm sống một cuộc đời lạ thường, đấu tranh để trèo lên tới đỉnh, ông mới thấy rằng mình không hài lòng với cuộc sống của nhà đầu tư.

"Sau cùng vào năm 1980, khi tôi không thể nói là tôi không thành công, tôi có một cơn khủng hoảng về bản sắc. Chịu bao nhiêu đau khổ và căng thẳng mà không thấy thích thú về thành công của mình thì có nghĩa lý gì? Tôi tự hỏi mình. Tôi phải bắt đầu tận hưởng những thành quả lao động của mình ngay cả khi việc này có nghĩa là giết đi con ngỗng đẻ trứng vàng."

Cơn khủng hoảng về bản sắc có ảnh hưởng đến công việc kinh doanh của Soros. Càng ngày ông càng nhanh chóng thay đổi ý kiến khi một phi vụ đầu tư trở nên tồi tệ. Ông giữ các vị thế quá lâu. Trước đây, ông thu lợi vì có quan hệ với những nhân vật cấp cao, bây giờ thì có vẻ như ông hay gặp những người không đáng gặp, những người chỉ trích ông nói như vậy. Thật vậy, ông bỏ nhiều thì giờ để gặp những quan chức của chính quyền, đặc biệt là Chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Paul Volcker. "Nếu anh tìm lời khuyên về đầu tư từ các nhân viên của chính phủ," Gerry Manolovici, một nhà quản lý tiền tệ về sau gia nhập Quỹ Soros nhận xét: "thì anh chỉ nhanh chóng vào nhà tế bản mà thôi."

Vào mùa hè năm 1981, không ai tin rằng Quỹ Soros sẽ vào nhà tế bản. Có vài người thật sự lo lắng là mọi việc không được trôi chảy. Rồi cuộc thất bại của thị trường trái phiếu Mỹ xảy ra.

Các vấn đề của Soros với thị trường trái phiếu Mỹ đã bắt đầu vào cuối năm 1979, khi Paul Volcker quyết định đánh gãy sống lưng của lạm phát.

Lãi suất tăng từ 9 lên 21 phần trăm, và Soros có lý khi tin là nền kinh tế sẽ bị thiệt hại. Khi các trái phiếu hồi phục giá vào mùa hè năm ấy, Soros bắt đầu mua. Các chứng khoán tồn kho dài hạn có đáo hạn năm 2011 tăng lên 109 vào tháng Sáu. Tuy nhiên giá này tụt xuống 93 vào cuối mùa hè.

Soros đã hy vọng vào việc lãi suất ngắn hạn lên cao hơn lãi suất dài hạn; việc này có hại cho nền kinh tế, bắt buộc Cục Dự trữ Liên bang phải giảm lãi suất, làm cho các vị thế của ông trên trái phiếu tốt lên. Tuy nhiên, nền kinh tế Mỹ tiếp tục mạnh, lâu hơn là ông tiên đoán và lãi suất tiếp tục tăng.

Đáng lẽ ra mọi việc đều tốt đẹp với Soros nếu ông có thể duy trì "một tồn trữ có tỷ suất lợi nhuận dương" của các vị thế trái phiếu mà ông đi vay để đầu cơ. Nếu tỷ suất lợi nhuận của trái phiếu cao hơn giá phải trả để vay từ người môi giới, thì tồn trữ có tỷ suất lợi nhuận dương do đó sinh lợi. Soros hình như đã tăng các vị thế của mình khi lãi suất ở mức 12%. Nhưng khi lợi tức của các trái phiếu của ông tăng lên 14% rồi 15% trong một thời gian ngắn, còn lãi suất lên đến 20%, thì nó tạo ra một "tồn trữ có tỷ suất lợi nhuận âm" và thế là hết có lãi. Soros bị thiệt từ 3 đến 5 điểm phần trăm trên các trái phiếu mà ông giữ vào năm ấy. Theo ước lượng thì các khách hàng của ông đã bị mất 80 triệu đôla.

Vì Soros vay nợ để đầu cơ rất nhiều, một số khách hàng của ông bắt đầu nhất gan, nhiều khách hàng Âu châu quyết định rút khỏi quỹ. Một cộng tác viên của Soros nhớ lại rằng "ông có cảm giác thất bại. Ông thấy bị bắt buộc phải có những quyết định sai trái ở những thời điểm sai trái. Ông thường nói rằng đừng dẫn thân vào thị trường nếu anh không muốn bị đau khổ. Trên các mặt cảm xúc và tâm lý, ông sẵn sàng chịu đau khổ, nhưng những khách hàng đầu tư của ông thì không chịu được. Ông nhận ra rằng gót Achilles của ông chính là đám người đầu tư không đáng tin cậy này. Bị thị trường quật ngã thì ông phiền lòng rất nhiều, bị thua lỗ, ông cũng giận, nhưng không gì bằng tâm trạng vỡ mộng ông cảm thấy khi những người khác bỏ ông mà đi. Ông không biết có nên tiếp tục kinh doanh hay rút lui."

Mĩa mai thay, sự tiên đoán của Soros rằng kinh tế sẽ xuống dốc tỏ ra đúng đắn – nhưng thời gian thì không khớp từ sáu đến chín tháng. Điều tiên đoán của ông là lãi suất cao sẽ kéo theo suy thoái tỏ ra đúng đắn, nhưng phải đến năm 1982 mới nghiệm, sau khi Soros bị lỗ nhiều trên các vị thế trái phiếu của ông.

Nỗi khổ đau của ông càng lớn và những bối rối của ông càng nặng thêm trong mùa hè khủng khiếp của năm 1981 ấy, khi mĩa mai thay, một tạp chí kinh doanh lớn đã đăng một bài trên trang bìa ca tụng ông với những lời lẽ nồng thắm – ngay trước mùa hè thảm bại ấy.

• • •

Đó là vào tháng Sáu năm 1981, hình Soros được in trên bìa tờ *Institutional Investor*. Bên cạnh bộ mặt tươi cười của ông trên trang bìa là dòng chữ “Nhà quản lý tiền tệ lớn nhất thế giới.”

Chú thích thêm vào: “George Soros chưa có năm nào bị thua lỗ và những năm thành công của ông thật là ấn tượng. Đây là câu chuyện về việc ông đã đẩy mạnh các khuynh hướng về quản lý tiền tệ trong thập niên vừa qua và xây dựng được một tài sản cá nhân 100 triệu đôla trong quá trình này.”

Đoạn mở đầu của bài báo nói Soros là một siêu sao trong ngành kinh doanh: “Như Borg trong quần vợt, Jack Niklaus trong golf và Fred Astaire trong nhảy claquette, đó là George Soros trong quản lý tiền tệ.”

Bài báo giải thích việc Soros đã xây dựng cơ đồ của mình như thế nào. Từ tài sản ban đầu chỉ 15 triệu đôla năm 1974, Quỹ Soros đã lên đến 381 triệu đôla cuối năm 1980. Trong khoảng 12 năm quản lý tiền cho những khách hàng như Helderling & Pierson ở Amsterdam và Banque Rothschild ở Paris, Soros chưa có năm nào bị thua lỗ; năm 1980 quỹ đã tăng thêm một con số cao ngất là 102 phần trăm. Soros đã biến thu nhập từ các lệ phí của mình thành một tài sản cá nhân đáng giá 100 triệu đôla.”

Người đọc bài báo này chắc sẽ tưởng Soros là một con người bí ẩn, một nhà ảo thuật không chịu tiết lộ các bí mật của mình, nhiều mưu mẹo nhưng không lừa lọc, khôn ngoan và ngay cả lỗi lạc nữa.

Bài báo viết: "Thêm vào những bí mật xoay quanh các thành tích của Soros là việc không một ai có thể biết là ông chơi nước cờ nào và ông giữ một khoản đầu tư trong bao lâu. Là giám đốc những quỹ đầu tư đặt ở nước ngoài, ông không bắt buộc phải đăng ký với SEC. Ông lánh mặt các nhà chuyên nghiệp của Wall Street.

Và những ai trong ngành kinh doanh quen ông thật sự với tư cách cá nhân phải công nhận là họ không bao giờ gần được ông. Về tiếng tăm thì ai cũng phải công nhận là ông không cần đến. "Trong một thời gian dài, Soros đã từ chối không chịu cho *Institutional Investor* phỏng vấn để viết bài đăng ở trang bìa. Được yêu cầu phỏng vấn, ông nói "Khi làm việc trong một thị trường thì anh phải giấu tên."

• • •

Trong mùa hè ấy, Soros rất muốn được giấu tên. Nhưng mà ông vẫn trở thành một nhân vật của quần chúng mới nổi lên. Nhà quản lý tiền tệ lớn nhất thế giới đang gặp rất nhiều khó khăn trong quản lý tiền tệ. Những mất mát trong mùa hè ấy làm cho Soros bị tổn thương nhiều. Như tờ tạp chí *Forbes* viết ngày 12 tháng Mười, 1981 "Một thế giới không biết đến những vinh quang của ông thì sẽ không để ý đến những thất bại của ông." Nhờ bài báo trên trang bìa của tờ *Institutional Investor* mà thế giới biết đến những vinh quang của Soros. Và mùa hè ấy, hình như thế giới cũng theo dõi ông. Nguy cơ của một cuộc nổi loạn của nhiều khách hàng có vẻ như đang lớn dần. Mặc dù Soros nhiều lần sang châu Âu để khuyên một nhà đầu tư Thụy Sĩ quan trọng đừng bỏ rơi ông, nhưng nhà đầu tư ấy vẫn xin chấm dứt.

Nhiều người khác bắt chước theo. Lúc ấy, một cộng tác viên nói: "Đấy là kinh nghiệm đầu tiên của ông về những khách hàng mà cho đến thời buổi ấy vẫn trung thành với ông, về những người góp vốn rồi bỏ ông ở điểm này. Mùa hè ấy ông rất chua xót về những người mà liên tục trong 10, 15 năm trước đấy, ông đã kiếm cho họ rất nhiều tiền. Ông cảm thấy bị tổn thương nhiều trong quá trình bị người ta đòi trả lại tiền, và trong một thời gian dài, rất dài ông không tích cực đi quyên tiền nữa."

Năm 1981 là năm tồi tệ nhất của Quỹ. Các cổ phiếu của quỹ Quantum rớt giá 22,9 phần trăm, năm đầu tiên và cũng là năm độc nhất mà quỹ không có lãi so với năm trước. Nhiều nhà đầu tư của Soros là những người mà một nhà quan sát gọi là “những người chạy theo hiệu quả một cách đồng bóng”. Họ sợ là Soros không nắm vững được tình hình nữa, cho nên đến một phần ba trong số họ rút lui. Soros về sau thừa nhận là ông không thể trách họ. Sự ra đi của họ cắt đi gần một nửa giá trị của quỹ – xuống còn 193,3 triệu đôla.

Theo lẽ tự nhiên thì Soros phải nói là mình cũng ra đi. Ông suy nghĩ rất nhiều và rất lâu để biết mình phải làm gì. Có lúc ông muốn bỏ rơi tất cả các khách hàng. Ít ra làm như vậy về sau ông sẽ không bị người ta bỏ rơi.

Đây là lúc chín muồi nhất để ông bắt đầu viết cuốn sách mà ông đã muốn viết từ lâu. Ông cũng đã nghĩ ra một tiêu đề tạm cho cuốn sách. Ông định gọi tên nó là *Vòng tròn đế quốc*.